# VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

VÕ ĐỈNH

Số 67 tháng 9 năm 1991

# VĂN HỌC
## TRONG SỐ NÀY:

• **THƯ TÒA SOẠN** 1 • **NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH** khoa cử thời hậu lê dưới mắt samuel baron 2 • **TRIỀU HOA ĐẠI** thơ 12 • **THANH TÂM TUYỀN** thơ 13 • **HOÀNG LIÊN** ánh đèn ngoài khung cửa sổ 14 • **HỒ ÔNG** thơ 27 • **THẬP LANG** chiếc thúng trôi sông 30 • **HUỲNH LIỄU NGẠN** thơ 44 • **NGÔ NGUYÊN DŨNG** người đi bên cạnh tôi 45 • **TRẦN SA** thơ 60 • **PHẠM THỊ NGỌC** florence 62 • **NGUYỄN LÝ** thơ 80 • **HOÀNG XUÂN SƠN** thơ 81 • **NGUYỄN MẠNH TRINH** nói chuyện với nhà văn võ phiến 82 • **ĐOÀN NHẬT** thơ 102 • **TRẦN VĂN TÍCH** đọc "sông côn mùa lũ" 103 • Tranh bìa **VÕ ĐÌNH** • Phụ bản **TRẦN SA**

**BAN CHỦ BIÊN:**

Nguyễn Mộng Giác ☼ Nguyễn Xuân Hoàng ☼ Cao Xuân Huy ☼ Hoàng Khởi Phong ☼ Trịnh Y Thư ☼ Khánh Trường ☼ Trương Vũ

**Chủ bút: Trịnh Y Thư**

**Tổng thư ký: Cao Xuân Huy**

**Mỹ thuật: Khánh Trường**

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện

15 Place Souham, 75013 Paris, France. Phone: 45.831.912

Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú

14 Lester Rd, Padstow N.S.W. 2211 Australia. Tel: (02)771.1770

Thư từ tiền bạc xin gửi về: Văn Học

P.O. Box 3192 Tustin CA 92680 USA

Phone: **(714) 898.9074**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

# thư tòa soạn

Liên tiếp hai số báo, số 66 tháng 8 và số 67 tháng 9, Văn Học đã không đến tay quí độc giả vào những ngày đầu tháng như thường lệ. Ban chủ biên thành thực cáo lỗi cùng quí vị và sẽ cố gắng hơn nữa khắc phục những khó khăn (xem chừng càng ngày càng lớn) để tờ báo trở lại tình trạng phát hành đều đặn mỗi đầu tháng.

Văn Học số này mở đầu bằng bài viết của cây bút biên khảo văn học Nguyễn thị Chân Quỳnh về lề lối khoa cử của Việt Nam dưới triều nhà Hậu Lê nhân dịp bà phát giác một tập sách có minh họa của một nhà buôn người Pháp lai Việt sinh sống tại Việt Nam vào cuối thế kỷ 18, miêu tả sinh hoạt thi cử của Việt Nam vào thời đó.

Đặc biệt trong số báo tháng này là bài phỏng vấn nhà văn Võ Phiến do nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh thực hiện. Nhà văn Võ Phiến không xa lạ gì đối với giới yêu sách vở. Ngày nay ở hại hải ngoại độc giả vẫn tìm đọc sách ông viết ra cách đây cả ba thập niên hay lâu hơn thế. Trong bài phỏng vấn này, nhà văn Võ Phiến đề cập đến nhiều vấn đề trong đó có cả vấn đề thời sự và cái nhìn của ông về tương lai đất nước (vì thời điểm cuộc phỏng vấn là tháng 11 năm 1990, nên có nhiều vấn đề nóng hổi nay không được nhà văn nói đến). Tuy vậy trọng tâm của cuộc phỏng vấn vẫn là các vấn đề văn học, từ phong trào văn chương phản kháng tại quê nhà cho đến tương lai của dòng văn học Việt tại hải ngoại.

Trong phần điểm sách, bác sĩ Trần Văn Tích, với con mắt của một nhà biên khảo, đọc và phân tích những điểm sai sót trong quyển tiểu thuyết trường thiên *Sông Côn Mùa Lũ* của nhà văn Nguyễn Mộng Giác. Nhưng quan trọng hơn hết, theo tác giả Trần văn Tích, thì một tác phẩm văn học không nhất thiết phải có cái chính xác tuyệt đối như một công trình biên khảo.

Phần sáng tác quy tụ thơ văn của các tác giả tại hải ngoại như: Thanh Tâm Tuyền, Huỳnh Liễu Ngạn, Hoàng Liên, Thập Lang, Ngô Nguyên Dũng, Phạm thị Ngọc, Hồ Ông, Hoàng Xuân Sơn, Trần Sa...

**VĂN HỌC**

NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH

# khoa cử thời hậu lê dưới mắt samuel baron *

Bức họa của Samuel Baron in trong cuốn *A Description of the Kingdom of Tonqueen*, viết khoảng 1685-86, được nhiều người chú ý và in lại, coi là bức họa đầu tiên vẽ cảnh thi Đình ở Việt Nam.

Samuel Baron là ai?

Samuel Baron là một người Hòa-lan lai Bắc kỳ, có lẽ sinh tại "Ca-cho" (Kẻ Chợ, tức Thăng-long). Cha là đại diện cho công ty Ấn-độ của Hòa-lan ở Bắc vào năm 1663, nhưng có thể đã sống ở đấy từ trước. Lớn lên, Samuel Baron nối nghiệp cha, cũng làm cho công ty Ấn-độ của Hòa-lan, sau chuyển sang làm cho công ty Ấn của Anh, nhập tịch dân Anh, và cuối cùng bỏ đi buôn riêng quanh vùng Đông Nam Á. Năm 1678, 1680 và 1682 có trở về "Ca-cho". Trong sách Samuel Baron công nhận mình đã sinh ra ở Bắc kỳ và viết cuốn này có ý giới thiệu Đàng Ngoài với người Anh, do đó đã đề cập đến đủ mọi vấn đề: sử ký, địa dư, dân tộc, phong tục, chính sử, y học, v.v...

Thoạt mới tìm thấy bức họa, tôi rất vui mừng tin tưởng ở óc quan sát cùng cách ghi chép tỉ mỉ và chính xác của người Âu. Tuy chỉ có một nửa dòng máu Âu trong huyết quản, nhưng cách trình bày cuốn sách tỏ ra Samuel Baron đã chịu ảnh hưởng rõ rệt của nền văn hóa Tây phương.

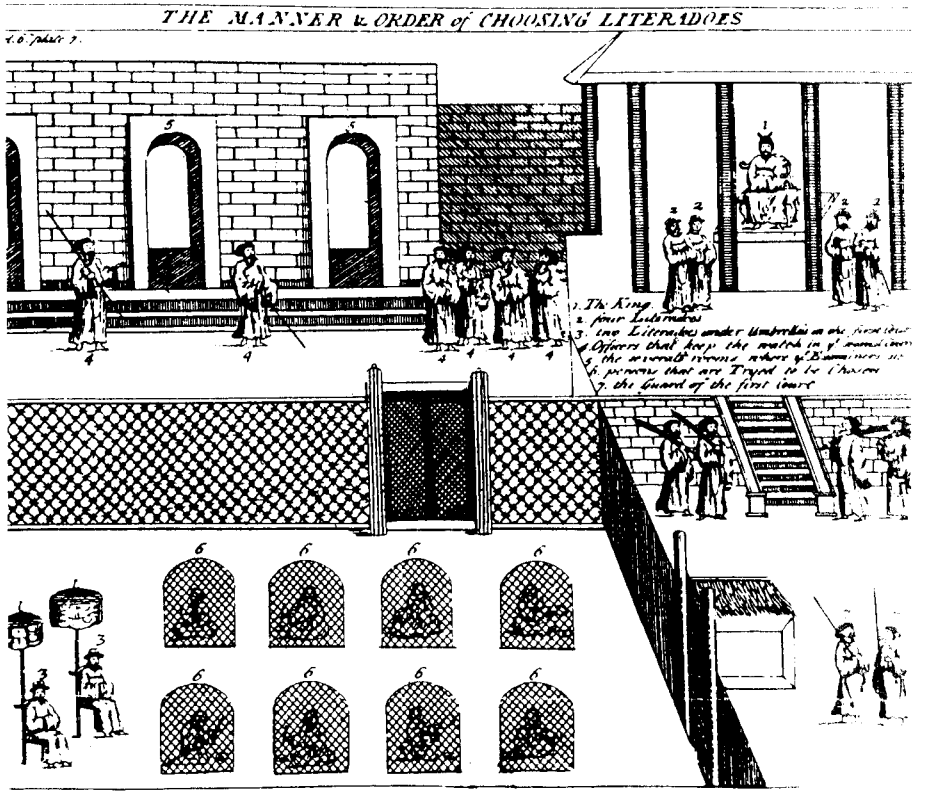


*Thi Đình thời Hậu Lê (theo Samuel Baron)*

Nhưng sau khi ngắm kỹ bức họa, tôi thấy có lẽ nên dè dặt, vì nó không phù hợp với những điều tôi đọc trong *Nghi thức thi Đình* của Phan Huy Chú (1). Phan Huy Chú tuy chỉ đỗ Tú tài, song là con Tiến sĩ Phan Huy Ích, một người đã từng dự thi Đình thời Hậu Lê, Phan Huy Chú lại viết sách nghiên cứu về khoa cử ở Việt Nam, còn Samuel Baron chỉ là một nhà buôn và là một người lai, chịu ảnh hưởng của Tây phương nhiều hơn, nên tôi cho sự hiểu biết về khoa cử của Samuel Baron chỉ có giới hạn và tin Phan Huy Chú hơn.

Để tiện việc so sánh, tôi xin lục đăng cả bức họa của Samuel Baron và bài *Nghi thức thi Đình* của Phan Huy Chú:

*"Sáng sớm hôm ấy, Thượng-thiết-ty đặt ngai vua ở chính giữa điện Kính- thiên, đặt hương án và bàn ở trước ngự tọa, đặt ngự tọa của Chúa ở bên tả ngự tọa của Vua. Thừa-dụ-cục đặt bàn ở hai bên tả, hữu sân rồng, để quyển thi, bút và nghiên mực ở trên bàn. Các quan Đề điệu, Tri cống cử, Giám thị chia nhau đứng ở hai bên các bàn để quyển thi. Nhân viên hai vệ Cẩm y, Kim ngô bày lều thi (2) và quyển thi ở hai bên sân rồng. Một viên Lễ quan (dùng quan Lễ bộ), một viên Tuyên-chế-sách (dùng quan Đông các) đứng ở bên tả sân rồng (hướng về bên hữu), một viên Nghi-chế-ty (đứng ở bên hữu sân rồng, hướng về bên tả), hai viên Tuần xước (lâm thời được sai) đứng ở hai bên tả, hữu sân rồng (hướng về phía bắc). Quân lính cá ty vệ cầm cờ xí theo nghi thức. Hồi trống nghiêm đầu, các đại thần văn võ tiến vào chầu, ai nấy đều mang phẩm phục đứng sắp hàng ở ngoài cửa Đoan môn. Hồi trống nghiêm thứ hai, rước ngự giá Vua đến điện Kính-thiên, rước Chúa ngự lên điện (hơi về phía đông). Tự ban dẫn các đại thần đầu ban và các quan văn võ vào đứng hầu ở hai bên sân rồng (hướng về phía bắc). Vua đội mũ xung thiên, mặc áo bào vàng, đai ngọc, lên ngồi ngự tọa. Chúa đội mũ xung thiên, mặc áo bào tía, đai ngọc, lên ngồi ngự tọa. Vút roi (3). Cáp môn xướng: "Bài ban, ban tề, cúc cung bái (năm lạy, ba vái), hưng, bình thân". Các quan chia ban đứng hầu. Lễ quan vào giữa ngự đạo quỳ xuống. Hai viên Tự ban dẫn các sĩ nhân vào giữa ngự đạo, đứng sắp hàng hai bên. Xướng: "Quỳ". Các sĩ nhân đều quỳ. Lễ quan tâu: "Những sĩ nhân trúng thức kỳ thi Hội này là bao nhiêu người, tên là gì, vâng vào Điện thí". Tâu*

*xong lui ra đứng chỗ cũ. Tự ban xướng: "Khấu đầu". Các quan Đề điệu, Tri cống cử, Giám thị đưa quyển thi, bút, nghiên, mực cho sĩ nhân xong, lại lui ra đứng chỗ cũ. Quan Tuyên chế đến giữa ngự đạo quỳ tâu: "Tấu truyền chế". Rồi phủ phục, vẫn quỳ. Quan Tư lễ giám đem tờ chế sách giao cho quan Tuyên chế, viên này nhận lấy, rồi quan Tuyên chế lui ra đứng chỗ cũ. Quan Tuần xước dẫn các sĩ nhân ra ngồi ở lều thi (2). Nghi-chế-ty đến giữa ngự đạo quỳ tâu: "Lễ tất". Lại vút roi. Vua về cung. Chúa về nội phủ. Các đại thần văn võ đều lần lượt lui ra".* (1)

Căn cứ vào Phan Huy Chú và những bài viết về thi Đình thời nhà Nguyễn – vì khoa cử dưới triều Nguyễn tổ chức theo khuôn mẫu nhà Hậu Lê (4) – tôi thấy có lẽ Samuel Baron đã sai lầm ở những điểm này:

**A. Về bức họa**

1. *Vua Lê, Chúa Trịnh*. Tranh vẽ vua Lê ngồi chứng kiến thi Đình, nhưng lại ngồi một mình, vậy thì Chúa Trịnh đi đâu? Thi Đình là một chuyện tối quan trọng: kén nhân tài giúp nước, chọn người phụ tá đắc lực cho mình chính là ở đấy, chúa Trịnh đã không chiếm độc quyền thì thôi, khi nào lại chịu để vua Lê tự do kén chọn người tài giỏi để thêm vây cánh chống lại Soái phủ?

Tuy tranh vẽ bỏ quên chúa Trịnh, nhưng trong sách Samuel Baron viết rõ Vua và Chúa chứng kiến hai ngày thi đầu, những ngày sau để cho các quan Thượng thư đại diện.

2. *Canh phòng*. Ngắm tranh ta có cảm tưởng Vua ngồi đó suốt cả ngày, trong khi Phan Huy Chú viết sau khi làm lễ khai mạc xong, Vua Chúa đều rút ngay về cung, các quan cũng nối gót ra về. Tuy Phan Huy Chú không nói rõ, song các sĩ nhân chỉ làm bài sau khi tất cả các quan rút lui, chỉ để lại hai ông quan võ Tuần la, Tuần xước ngồi canh, tiếng là quan to nhưng không đủ chữ nghĩa để "gà" các sĩ nhân. Vì không hiểu dụng ý này nên Samuel Baron mới cho hai ông quan ngồi canh là hai ông *Tuncy* (Tiến sĩ), và vẽ trong khi vua Lê còn ngồi sờ sờ ra đó, các sĩ nhân đã cắm cúi viết bài!

3. *Lều hay chiếu?* Theo Samuel Baron, các Cống sĩ ngồi thi ngay trên sân rồng mỗi người trong một cái lều bằng gọng tre căng vải.

*Nghi thức thi Đình*, trong bản dịch của Hànội, cũng nói các sĩ nhân "ra ngồi lều thi".

Tôi thấy điều này cần phải kiểm tra lại vì đã gọi là thi Đình, hay Điện thí tức là thi trong cung điện của vua thì còn cần gì đến "lều" nữa? Thi Đình thời nhà Nguyễn chắc chắn không có lều, các Cống sĩ đi thi chỉ mang mũ áo, hia hốt – vì được coi là đã làm quan nên khi thi phải mặc áo thụng ngồi viết – còn các thức khác như giấy mực, yên trấp, chiếu ngồi cho chí đồ ăn, thức uống đều do vua ban (5).

Ngô Tất Tố tả thi Đình diễn ra ở Tả vu và Hữu vu điện Cần-chính, tức là hai tòa nhà bao quanh sân điện Cần-chính. Yên (bàn) và chiếu đã được bộ Lễ đưa vào bầy từ chiều hôm trước. Các Cống sĩ tuy có quỳ ở sân để lĩnh đầu bài nhưng sau đó phải đem đầu bài về chiếu ngồi của mình mà viết (6).

Chu Thiên tả thi ở điện Thái-hòa. Quan Lễ bộ Thượng thư xuất ban quỳ trước sân điện xin cho 17 người Trúng cách vào "Đình đối" (tức thi Đình) rồi nhường chỗ cho quan dẫn đạo dẫn 17 Nho sinh Trúng cách vào phủ phục trước sân. Sau khi được vua truyền cho "đăng điện đối sách" các Nho sinh đứng dậy bước ba bước lên điện. Trên điện đã có sẵn 17 cái yên và 17 cái chiếu trải khắp điện. Khi vua cho phép "khai độc chế sách" các Nho sĩ mới cầm đầu bài mở xem trong khi vua hồi cung và các quan văn võ ra về chỉ để lại hai ông quan võ và lính canh (7).

Chu Thiên và Ngô Tất Tố tiếng là viết tiểu thuyết song những chi tiết về thi cử, thể lệ cũng như nghi thức, đều có tra cứu chứ không bịa đặt. *Đại Nam thực lục chính biên* xác nhận các Cống sĩ thời nhà Nguyễn thi Đình không ngồi "lều" mà làm bài ở "bàn thi":

Năm 1822 Cống sĩ làm bài thi ở bàn thi tại Tả vu và Hữu vu điện Cần-chính.

Năm 1856 thi Đình ở điện Khâm-văn: "Trước một ngày, bộ Lễ bầy bàn thi, chiếu ngồi ở hai nhà hành lang bên Tả, bên Hữu điện Khâm-văn. Ngày thi, các Giám thị mặc đại triều đến sân điện Khâm-văn, viên Kinh dẫn dẫn Cống sĩ vào sân điện quỳ, ngoảnh mặt hướng Bắc. Viên Đằng tả đem những bản giấy vàng chia cho những

người thi tiếp lấy giơ cao lên trán rồi trao lại cho viên Đằng tả, lạy năm lạy rồi đến bàn thi, chiếu tên mình làm văn. Các viên Giám thị dự việc thi đều đến nhà Hữu vu, điện Cần-chính chực chầu. Các viên Tuần la, Tuần sát ở lại kiểm soát. Đến hết trống sưu không (bắt đầu canh một, tức trời tối) phải đem quyển thi và bản thảo nộp. Quan Tuần la thu xong mới mở cửa cho Cống sĩ ra" (8).

Robert de la Susse cho biết điện Khâm-văn sau vua dùng làm nhà học nên lại sửa đổi ra thi ở điện Cần-chính và những hành lang dẫn đến Đại Cung-môn. Robert de la Susse cũng xác nhận hai viên quan ở lại canh phòng đều là quan võ (9).

Ta thấy rõ, tùy thời, nhà Nguyễn có thể thay đổi nơi thi khi ở điện Cần-chính, khi ở điện Thái-hòa, lúc ở điện Khâm-văn, nhưng dù thi ngay trên điện, hay tại Tả vu, Hữu vu v.v... thì chỗ nào các Cống sĩ cũng ngồi chiếu và bàn thi chứ không ngồi lều.

Tuyết Huy, Trần Văn Giáp và Dương Quảng Hàm đều nói thi cử nhà Nguyễn rập theo khuôn mẫu nhà Hậu Lê, nhà Nguyễn thi Đình không có lều thi ắt nhà Lê cũng vậy, dẫu thi ở điện Kính-thiên hay ở điện Hội-anh (10). Hơn nữa, dù cho cái lều đặc biệt có thể đặt lên sân gạch cũng đứng vững không cần phải nậy gạch lên lấy chỗ đào lỗ cắm lều, thì sự có mặt của lều trong cung điện cũng vô lý khi mà các sĩ nhân đã được mái ngói, tường gạch của cung điện che mưa nắng. Còn nói sĩ nhân cần ngồi lều riêng để tránh gian lận thì số người được dự thi Đình không có nhiều, khoảng trên dưới một vài chục người mà có tới hai võ quan cùng binh lính dưới quyền canh phòng thì có muốn bàn tán với nhau cũng không phải chuyện dễ.

Samuel Baron đã lẫn thi Hội với thi Đình. Thi Hội thời nhà Lê các Cống sĩ ngồi lều thật, như đã thấy trong *Tang thương ngẫu lục* (11) vì thi trong trường thi.

Còn về bài *Nghi thức thi Đình*, tôi ngờ người dịch đã sơ ý thêm chữ "lều" vào mà không suy nghĩ kỹ, chỉ vì nói đến thi cử là ai cũng lập tức nghĩ ngay đến hai chữ "lều chõng" (2).

Tóm lại, không chắc Samuel Baron đã thấy tận mắt cảnh thi Đình để mà vẽ, hay nhờ người vẽ, cho tường tận, mặc dầu đã sinh và sống

một thời gian ở "Ca-cho". Cung đình là chốn thâm nghiêm dễ gì ai muốn ra muốn vào cũng được? Huống chi lại là lúc có tổ chức một kỳ thi trọng đại nắm vệnh mệnh quốc gia? Ngay như thi Hương cũng phải có lính canh gác nghiêm mật bên trong, và lính võ trang cùng voi, ngựa tuần hành rầm rập suốt ngày bên ngoài nữa là thi Đình. Samuel Baron chỉ là một nhà buôn lẽ nào lại được tự do vào quan sát? Mặc dầu Samuel Baron cam đoan tranh vẽ của mình "rất đúng sự thật", nhưng "sự thật" bức họa của ông chỉ có giá trị tương đối.

**B. Về khoa cử Việt Nam.**

Samuel Baron thành thực cho biết những vấn đề nào không nắm vững đều nhờ người bản xứ có học thức và có tín nhiệm giảng giải hộ. Song có lẽ vì không hiểu rõ hoặc khi viết chỗ nhớ chỗ quên nên đã lẫn lộn thi Hương với thi Hội và thi Đình. Theo Samuel Baron thì Việt Nam có ba loại thi khác nhau: loại thứ nhất (những người đỗ "*Singdo*" (Sinh đồ, tức Tú tài), loại thứ nhì lấy những người đỗ "*Hungcong*" (Hương cống, tức Cử nhân) và loại thứ ba lấy những người "*Tuncy*" (Tiến sĩ). Lại chọn trong đám "*Tuncy*" lấy người nào có khả năng cử vào chức "*Trangiveen*" (Trạng nguyên) ngang với chức Giáo sư hay Viện trưởng.

Chắc Samuel Baron đở sách Tàu ra tra cứu, tin rằng Việt Nam tổ chức khoa cử theo khuôn mẫu Trung-hoa, không biết rằng ở Việt Nam thời nhà Lê cũng như thời nhà Nguyễn, Sinh đồ và Hương cống thi chung một khoa, ai đỗ ba trường thì gọi là Sinh đồ, đỗ cả bốn trường thì gọi là Hương cống, không có lệ thi Sinh đồ riêng và Hương cống riêng như ở Trung-quốc (12).

Samuel Baron tưởng thi Hội với thi Đình là một, tổ chức bốn năm một lần. Thi Hương ba năm một lần thì thi Hội cũng thế, vì thi Hội bao giờ cũng diễn ra ngay năm sau khi có thi Hương. Tuy cũng có người coi thi Đình là kỳ thi sau cùng của thi Hội, tổ chức cách nhau một tháng, nhưng thi Hội và thi Đình khác nhau nhiều chỗ. Samuel Baron nói thi Hội ở trường thi, còn thi Đình phải ở trong cung điện. Có đỗ thi Hội mới được thi Đình. Người đỗ thi Hội gọi là Trúng cách,

có bảng yết, còn đỗ thi Đình, có lễ Truyền lô (Lễ Xướng danh) long trọng, và lại phân biệt ba hạng thi đỗ:

a. Đệ nhất giáp Tiến sĩ chỉ có ba người, theo thứ tự từ cao đến thấp là: Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa, gọi chung là Tam khôi.

b. Đệ nhị giáp Tiến sĩ thường chỉ có một người là Hoàng giáp.

c. Đệ tam giáp Tiến sĩ, tức Tiến sĩ hạng ba, số người đỗ không nhất định.

Triều Lê gọi là "Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân" hay "Phụ bảng". Ta không nên lẫn "Phụ bảng" của nhà Lê, tức các ông Nghè hạng ba, với "Phó bảng" của nhà Nguyễn, chỉ có từ 1829, vốn là những người được điểm cao trong số người thi Hội không Trúng cách. Gọi "Phó bảng" là "ông Bảng" không đúng, chức "ông Bảng" dành cho những người đỗ Tiến sĩ thứ nhì của hạng nhất (đệ nhất giáp Tiến sĩ, đệ nhị danh) chỉ kém có ông Trạng nguyên mà thôi. Ấy là chưa kể dưới triều Nguyễn, Bảng nhãn tuy hạng nhì song chính là hạng nhất bởi nhà Nguyễn không có lệ lấy ai đỗ Trạng nguyên (13).

Về sách học, Samuel Baron cũng chỉ biết lờ mờ có 9 cuốn (cửu kinh) nhưng lẫn sách của Khổng Tử với sách của môn đệ Khổng Tử. Thật ra sách của môn đệ chỉ có cuốn "*Mạnh Tử*" còn những cuốn nói là của Khổng Tử, trừ cuốn "*Xuân Thu*", cũng chỉ do Khổng Tử chắp nhặt những gì người đời trước đã viết (*Kinh Dịch, Kinh Thi*...) hoặc do học trò Khổng Tử ghi lại những lời thầy dạy (*Luận Ngữ, Đại Học*...)

Nói đến đề mục các kỳ thi, ta càng thấy Samuel Baron "hồ đồ". Ví dụ thi Hương Samuel Baron hiểu rằng:

Kỳ một có năm câu hỏi, bài viết phải dùng 24 tờ giấy.

Kỳ hai có ba câu hỏi, bài viết phải dùng 12 tờ.

Kỳ ba có hai câu hỏi, bài viết dùng 8 tờ.

Đúng ra bài dài hay ngắn không phải tùy số câu hỏi nhiều hay ít mà tùy đề tài. Nếu là "kinh nghĩa" (giảng giải kinh sách) hay "văn sách" (bàn phép trị nước) thì bài viết thường dài, phải cần đến nhiều giấy, còn "thơ phú" ngắn hơn, quyển thi dĩ nhiên mỏng hơn. Nhưng "thơ phú" không nhất định phải thi vào kỳ 3, nhiều khi thi ngay kỳ 2.

Samuel Baron nhận xét rằng về mặt khác người Việt thường tỏ ra

gian tham nhưng về thi cử thì tổ chức rất nghiêm túc, rọc phách là một bằng chứng. Nhưng lại giảng rằng rọc phách tức là khi Thí sinh nộp quyển văn ở trường phải kèm theo một tờ giấy riêng kê khai tên tuổi, quê quán v.v... Quyển nộp rồi, các "*Tuncy*" mới rọc phách. Như thế là lầm. Trước mỗi khoa thi Hương chừng mấy tuần, các Thí sinh phải ghi tên bằng cách nộp ba quyển cho ba kỳ thi đầu, trên mặt quyển khai tên tuổi của cả mình và ông cha ba đời v.v... vào những chỗ đã được ấn định trước để khi quyển đưa vào trường thi các ông Đề tuyển có phận sự rọc phách, đánh dấu rồi xé đôi tờ khai, cắt phần có tên tuổi Thí sinh đi, nửa ấy gọi là cái phách. Khi nào chấm xong mới khấp phách và biết tên người thi. Đề tuyển phải được chọn lựa trong số những người không biết chữ nhiều để không thể sửa bài hộ các Thí sinh, vì chỉ có Đề tuyển khi khấp phách mới biết tên tác giả quyển thi. Tiến sĩ là Khảo quan, chỉ được chấm quyển thi khi đã rọc phách, Tiến sĩ không giữ việc rọc phách.

Samuel Baron không phải là một chuyên gia mà chỉ là một nhà buôn, cầm bút viết được đủ mọi vấn đề như thế không phải là dễ, dù có sai lầm cũng đáng khen nhiều hơn đáng chê. Có điều khi ta đọc Samuel Baron cũng nên dè dặt. Nói chung, sách của Samuel Baron vẫn là một tài liệu hiếm quý cho chúng ta, vì nó ghi chép tỉ mỉ đời sống ở Đàng Ngoài thời Hậu Lê, cống hiến nhiều chi tiết không dễ gì tìm thấy trong sử sách của ta, tỉ như tiền chi tiêu hằng năm của vua Lê được ấn định khoảng 8000 đô la, trong khi tiền thưởng một viên Tân khoa đỗ thi Hương, cả tiền mặt lẫn sấp vải đen để may áo, trị giá 4 đô la. Những gì quá tầm hiểu biết của Samuel Baron đĩ nhiên ta phải kiểm tra lại, còn những điều Samuel Baron có dịp quan sát hằng ngày thì ta tin được, và không phải là tác giả không có những nhận định đặc sắc đáng cho ta lưu ý. □

---

(1) Phan Huy Chú, "Nghi thức thi Đình" *Lịch Triều Hiến Chương. Khoa mục chí* trang 33

(2) Tôi ngờ dịch giả sơ ý thêm chữ "lều" vào bài mà không suy nghĩ, chỉ vì hễ nói đến thi cử, người ta hay nghĩ ngay đến hai chữ "lều chõng". Tôi đã nhiều lần viết

thư về Việt Nam hỏi, chỉ được phúc đáp một lần, tác giả lá thư khuyên tôi nên đợi *Lịch Triều Hiến Chương* ra mà đọc! Rất mong sự chỉ điểm của vị nào có bản dịch ở Sàigòn hay bản chữ Hán. □

(3) "Vút roi" có nghĩa là ra hiệu lệnh phải yên lặng trong khi cử hành lễ.

(4) Trần văn Giáp, *Khai Trí Tiến Đức* trang52. Tuyết Huy, *Nam Phong*, số 5/1919. Dương Quảng Hàm, *Việt Nam Văn Học sử yếu*, trang84.

(5) Mỗi lần vua ban, dù chỉ là một miếng trầu, các Cống sĩ cũng phải đứng dậy sửa mũ áo lạy tạ. Nếu không dùng ngay cũng được tự do mang về nhà, kể cả khay, chén, bát, đĩa đựng thức ăn cùng dao, dũa v.v...

(6) Ngô Tất Tố: *Lều Chõng* trang 252-3.

(7) Chu Thiên: *Bút Nghiên* trang 218-9.

(8) *Đại Nam Thực Lục Chính Biên* XXVIII, trang 234.

(9) Robert de la Susse, "Les Concours littéraires an Annam", P.13.

(10) Trần Ngọc: *Văn Bia Hà nội*, tập I, trang 64.

(11) Phạm Đình Hổ và Nguyễn Án: *Tang Thương Ngẫu Lục* trang 226.

(12) Ta thường dịch Tú tài xưa cũng là "*bachelier*", tôi thấy không được sát lắm vì nó khiến mọi người liên tưởng đến một kỳ thi riêng rẽ như thi Tú tài ngày nay. Nếu dịch Cử nhân là "*Licencié*" thì nên dịch Tú tài là "*Sous-admissible*" thích hợp hơn. "*Sous-admissible*" là những người thi không đỗ nhưng được điểm cao và có tên trên bảng dự khuyết.

(13) Theo lệ "ngũ bất lập" của vua Minh Mệnh đặt ra thì nhà Nguyễn không phong vương, không phong Tể tướng, không lập Đông cung Thái tử, không lập Chánh cung Hoàng hậu và không lấy ai đỗ Trạng nguyên.

**Sách tham khảo:**


– BARON, Samuel. *Description du Royaume du Tonquin*. Bản dịch của H. Deseille, không đề năm nào xuất bản.

– CHU THIÊN: *Bút Nghiên* Sàigòn, Đồ Chiểu tái bản, 1968.

– DƯƠNG QUẢNG HÀM; *Việt Nam Văn Học Sử Yếu*, Sàigòn, Bộ Quốc gia Giáo dục, 1968, in lần thứ mười, Sống Mới tái bản.

– *Đại Nam thực lục chính biên*, Bản dịch của Hànội, XXVIII.

– HÉDUY, Philippe: *Histoire de l'Indochine: La conquête 1624-28* Paris, Henri Veyrier, 1983.

– NGÔ TẤT TỐ: *Lều Chõng* Hànội, Văn Học tái bản, 1963.

– NGUYỄN KHẮC NGỮ: *Việt Nam ngày xưa qua các họa ký Tây phương*, Montréal, Nhóm Nghiên cứu Sử Địa, 1988.

– PHẠM ĐÌNH HỔ & NGUYỄN ÁN: *Tang Thương Ngẫu Lục*; Hànội, Văn Hóa, 1960.

– PHAN HUY CHÚ: *Lịch Triều Hiến Chương loại chí. Khoa mục chí*, Hà Nội, Sử Học, 1961. Dịch giả: Đỗ Mộng Khương, Trịnh Đình Rư và Cao Huy Giu.
– SUSSE, Robert de la: *Les Concours littéraires en Annam*, *Revue Indochinoise* N. 2, Fév. 1913.
– TRẦN NGỌC: *Tuyển tập Văn Bia Hà nội*, I. Hà Nội, KHXH, 1978.
– TRẦN VĂN GIÁP: *Lược khảo về khoa cử Việt Nam*, Khai Trí Tiến Đức, số 2 và 3, Hà nội, Janvier-Juin 1941, trang 41-88.
– TUYẾT HUY: *Khảo cứu về sự thi cử*, Nam Phong, số 5/1919 và kế tiếp.

*TRIỀU HOA ĐẠI*

## HIỆN TÂM

★

*Hiện ra buổi sáng ngu ngơ*
*một con chim lạ, dật dờ hót trong*
*khi không hiện nỗi nhớ mong*
*mai về đất tổ, xót lòng xôn xao*

*Sáng qua lại ngỡ hôm nào*
*áo sen nở rộ, gọi vào cỏ hoa*
*hiện ra tiếng nối thiết tha*
*nến khơi khuya khoắt tưởng là trăng treo*

*Mở ra tiếng hát qua đèo*
*của bầy trẻ nhỏ, trôi theo bóng ngày*
*hiện ra quanh ở đâu đây*
*áo phơi gió dạt, thoảng bay chập chờn*

*Chiều đi dặm bóng hoàng hôn*
*đêm tăm tối gọi, cõi hồn mải mê*
*riết thôi quên mất nẻo về*
*hiện tâm dưới cội bồ đề dạt ma*

*THANH TÂM TUYỀN*

# BIẾN KHÚC "ĐÊM QUA RA ĐỨNG BỜ AO"

*

tặng Đinh Cường

*Đêm qua ra đứng bờ ao*
*Đêm nay đứng nhìn hồ thanh vắng*
*Tưởng giải Ngân Hà chừng nhạt lạnh*
*Trên đồi rừng tối quạnh âm hao*

*Kìa như tinh đẩu cũng mỏi mòn*
*Phiêu diêu cô lữ ngoài mông lung*
*Đêm qua, đêm nay ánh nước chiếu*
*Trời chênh chao lặng lẽ tần ngần*

*Gặp lại nhện buồn tơ không giăng*
*Nằm núi sợi mồng lửng lơ ngã*
*Lắng tiếng gió tới dầy cỏ rối*
*Gặp hồn ai chờ kiếp lai sinh.*

HOÀNG LIÊN

# ánh đèn ngoài khung cửa sổ

*

I.

Chúng tôi nhanh chóng quyết định thuê căn nhà ở đường Serrano. Một người bạn già mách:

– Bọn tôi sắp dọn ra. Cháu Dũng mới được chuyển về San Francisco làm việc nên bọn tôi định thuê một cái *apartment* ba phòng ngủ ở bên kia đường. Anh chị có muốn dọn vào chỗ chúng tôi không? Anh chị biết rồi: nó là căn bìa, rất sáng sủa, có ánh nắng suốt ngày, tiện đường xe buýt, mà lại rất gần chỗ ở hiện thời của anh chị, dọn qua rất tiện.

Trong gần bảy năm nay, hai gia đình chúng tôi ở trong khu chung cư Parkmerced rộng lớn, tọa lạc ở phía cực Nam của thành phố. Xa trung tâm, xa những khu thương mãi đông đúc cho nên khá yên tĩnh, khu Parkmerced, ngoài mấy cao ốc ở ngoại vi, gồm những đơn vị nhỏ hai tầng chia ra làm ba hoặc bốn *apartment* nằm dọc theo những con đường có cây cối sầm uất xanh tươi quanh năm. Ngoài một công viên lớn ở trung tâm điểm khu chung cư, ở giữa những ngôi nhà hoặc trước mặt nhà đều có bãi cỏ trồng cây, những hàng rào bằng cây sống được cắt xén đều đặn, có tường hoa, bậc cấp xếp đặt rất mỹ quan.

Trong những ngày nghỉ việc, vào mùa xuân hay mùa hè, khoảng

chín, mười giờ, tôi thích đi tản bộ trên những con đường vắng xe, vắng người trải dài dưới bóng những cây thông già, những con đường gợi nhớ đến không khí êm ả và mát dịu của Đà-lạt. Hai bên lề đường, sau những hàng rào thấp và dày, lá đan nhau chi chít, những ngôi nhà quét vôi màu vàng nhạt hòa hợp với những bãi cỏ và những lùm cây đang độ nở hoa. Nhà kiến trúc đã tài tình đặt nơi cư ngụ của con người vào giữa thiên nhiên, một thiên nhiên do chính bàn tay của con người tạo dựng nên và tiếp tục duy trì với một khả năng thẩm mỹ đáng tin cậy. Vì vậy khu gia cư này được biết đến như là một nơi thơ mộng của thành phố, nơi cư ngụ của những người có lợi tức trung bình, của những người cao niên đã hưu trí, của công tư chức bậc trung, các giáo sư và sinh viên của trường đại học San Francisco State University kế cận. Nó không sang trọng như một vài khu khác với những biệt thự khang trang, những ngôi nhà cổ kính với cổng vào riêng biệt và những mảnh vườn rộng rãi. Nhưng nó tĩnh mạc, sạch sẽ, ngăn nắp và đầy đủ tiện nghi.

Căn nhà chúng tôi hiện ở nằm khuất sau lưng đường Cambon, rất thanh tĩnh và có tính cách riêng tư. Ngồi trong nhà không nghe tiếng xe chạy, ngoại trừ tiếng xe buýt thỉnh thoảng rú lên một hồi dài. Trong gần bảy năm sống ở đây, đêm đêm tôi có được cái không khí trầm lặng để đọc và viết hoặc nghỉ ngơi sau một ngày làm việc căng thẳng. Tôi hài lòng đã kiếm được một chỗ ở thuận tiện cho hoạt động của mình. Bàn viết kê ngay trước tấm cửa kính rộng nhìn ra khu vườn nhỏ trồng *géranium* nở hoa đỏ đậm hay hồng nhạt vào cuối xuân sang hè. Ở góc trái, một cây trà mi cao hai thước, lá xanh mướt, mỗi năm hai kỳ, đều đặn dâng những đóa hoa hồng thắm, gần một cây thùy liễu sum suê, cành lá rủ thấp xuống con đường nhỏ dẫn vào nhà.

Khi màn đêm buông xuống, căn phòng càng im vắng hơn. Trên bàn, cây đèn nhỏ có chao tập trung một vòng tròn ánh sáng trên trang giấy trắng. Xung quanh tôi, bóng tối tỏa ra mênh mông. Tôi thích ngồi làm việc trong bóng tối như thế để có cảm tưởng rằng khoanh ánh sáng tụ lại trên trang giấy giúp tôi tập trung tư tưởng được dễ dàng hơn. Chìm hẳn vào trong bóng đêm, căn phòng trở nên rộng hơn,

lặng lẽ và thân mật hơn. Tôi viết trong vòng ánh đèn thu hẹp, và khi ngẩng đầu lên, tựa lưng vào thành ghế để suy tư, tôi lại lẩn vào trong bóng tối. Và trong mấy năm liền, tôi yêu mến cái không khí tĩnh mịch của tịnh xá này với tấm lòng của một người ẩn dật muốn ẩn cư ngay trong lòng một đô thị huyên náo.

*

Mặt trước của căn nhà mới nhìn ra một cái bùng binh, tụ điểm của năm con đường từ trong khu chung cư hướng về cái vòng tròn vĩ đại để rẽ ra đại lộ 19 dài dằng dặc. Xe cộ đủ loại – xe du lịch, xe chở hàng, xe buýt, tàu điện – di chuyển suốt ngày đêm trên trục giao thông quan trọng này. Nhưng chỗ tôi ở không gần đại lộ lắm, nên tiếng xe vèo vèo vút đi trong không gian không nghe rõ và không gây phiền hà cho chúng tôi, đúng như ông bạn già nhận định.

Tạm sắp xếp xong bàn ghế và sách vở, đêm nay tôi lại ngồi vào bàn và trong vòng ánh sáng nhỏ chiếu trên trang giấy, tôi tiếp tục công việc. Trong phòng khách và phòng ăn, bóng tối vẫn vây quanh tôi như ở căn nhà cũ. Nhưng ở bên ngoài, sau mấy tấm kính, những đốm ánh sáng xanh đỏ hay vàng nhạt, cố định hay di động, vẫn kiên nhẫn xác nhận sự hiện hữu của chúng. Gần tôi nhất, phía tay phải, trên những trụ cao, mấy ngọn đèn đường tỏa ánh sáng màu da cam xuống mặt lộ và bãi cỏ rộng. Bên trái, một ngọn đèn đường khác lấp lánh sáng sau những chòm lá thưa thớt của một cây thông cổ thụ. Xa hơn chút nữa mấy cột đèn ở ngã tư cắt ngang đại lộ 19 tuần tự thay đổi màu xanh, vàng, đỏ. Bên kia đại lộ, ở cuối tầm nhìn, những chấm ánh sáng nhấp nháy trong những biệt thự nằm rải rác trên mấy ngọn đồi thấp. Vui mắt và linh động hơn những ánh đèn của đoàn xe lướt nhanh trên đại lộ hay chạy vòng quanh cái bùng binh đem lại sinh khí cho cảnh tượng tương đối yên tĩnh này.

Và bao trùm lên những điểm sáng ấy, bóng đêm buông xuống từ một bầu trời sâu thẳm và đọng lại trên những lùm cây cao đen thẫm như chứa đựng những nỗi niềm bí ẩn của đêm tối mông lung. Buông bút xuống bàn, tôi nghe vang vang trong lòng âm hưởng đầm ấm của

lời thi sĩ Baudelaire thủ thỉ với Đau Khổ, trong một phút trầm tư và lắng bước đêm đi:

*Entends, ma chère, entends la douce Nuit qui marche.*

Nhưng tôi không ngồi mãi ở bàn viết với những suy tư không dứt, và đứng lên, mở cửa bước ra ngoài hiên. Trong tiếng cười nói lanh lảnh, từng nhóm nhỏ vài ba nam nữ sinh viên vừa tan lớp học tối lững thững trở về nhà, cái cặp sách dày cộm dưới cánh tay. Một vài kẻ dạ du nện gót giầy giòn giã trên mặt đường nhựa khô ráo. Tiếng xe chạy rào rào nghe rõ hơn với những luồng ánh sáng đuổi nhau trên đại lộ: đèn trắng vàng đàng trước mũi và những điểm màu đỏ ở đuôi xe. Những chuyến tàu điện hay xe buýt vắng người lao nhanh xuống quãng đường dốc, đèn trong xe sáng rực một màu ngọc bích huyền ảo.

Ngây ngất với cơn gió lạnh đưa lại mùi hương ngào ngạt của một loài da hợp hoa, tôi chợt nhận thấy bóng đêm âm u hấp dẫn tôi không kém làn nắng ấm vàng tươi buổi sáng. Nắng sớm trong suốt và dịu dàng như ánh trăng tạo nên một cảm giác lâng lâng thanh thoát làm cho ta tưởng như được mất trọng lượng; sâu thẳm và mênh mông như một đại dương, bóng đêm có hấp lực huyền bí của vũ trụ.

*

Cứ như thế, suốt đêm khu vực này bừng sáng lên một nguồn sinh lực dồi dào với những ngọn đèn đường cố định và đèn xe trôi chảy không ngừng. Tôi vẫn ngồi bên bàn viết như những năm tháng trước ở căn nhà cũ, vẫn yêu mến ánh đèn tập trung trên trang giấy trắng và bóng tối bao quanh chiếc ghế xoay. Nhưng hình như tôi bớt tin tưởng vào tình trạng yên tĩnh mà trước đây tôi nghĩ rằng rất thuận tiện cho công việc. Và nhiều lần tôi ra đứng ở ngoài hiên như một kẻ nhàn rỗi, vào một buổi sáng chủ nhật, vẩn vơ đứng nhìn những kẻ bộ hành qua lại trước mặt nhà. Bởi vì bầu trời xanh vời vợi, bóng đêm, ánh đèn, tiếng xe phóng nhanh, tiếng côn trùng râm ran trong lùm cây, trên bãi cỏ vẫn lôi cuốn tôi và kéo tôi ra khỏi phòng văn.

Tựa lưng vào tường tôi nhớ lại rằng cứ mỗi lần rảo bước dưới ánh đèn lộng lẫy của những khu phố đông đúc, lòng tôi xao xuyến, rạo rực

với dòng người xuôi ngược – rạo rực có lẽ không kém người kịch sĩ hay ca sĩ dưới ánh đèn sân khấu. Nhưng lòng tôi rộn ràng, nao nao không phải vì đang trình diễn một hình thức nghệ thuật có mục đích tái tạo cuộc sống, mà chính tôi đang chìm vào trong lòng cuộc sống, một cuộc sống không bị chận đứng lại khi màn đêm phủ xuống trần gian mà bừng tỏa ra mãnh liệt cùng với ánh đèn. Khắc phục được bóng tối, con người kéo dài thời gian hoạt động, và bóng đêm, khi hòa đồng hay tương phản với ánh sáng nhân tạo, càng kích thích ý chí ham sống. Nhận thấy cuộc đời ngắn ngủi, người xưa đốt đuốc chơi đêm và tổ chức những hội hoa đăng. Lửa đuốc chập chờn trong đêm tối và ánh đèn hoa lung linh trên mặt nước sông hồ hẳn có tác dụng thúc đẩy con người dấn thân vào cuộc sống, dù chỉ để vui chơi, giải trí.

Năm xưa, tại Nữu Ước, cũng một đêm cuối xuân, sau khi dự một buổi hòa nhạc, tôi về đến khách sạn ở khu Times Square vào lúc hơn một giờ sáng. Trước khi đi ngủ, tôi đứng ở cửa sổ lầu bốn, nhìn xuống con đường chạy qua dưới chân mình. Lòng đường đông nghẹt những chiếc xe hơi nối đuôi nhau chuyển bánh rất chậm, và trên hè phố rực rỡ ánh đèn, dám người bộ hành chen chúc nhau đi lại như trong một cuộc biểu tình lớn. Họ vừa ở rạp chiếu bóng ra, hay đi mua hàng hoặc đến những tiệm ăn, nhất là những tiệm ăn Ý, để thưởng thức món *pizza* nổi tiếng. Dòng người cuồn cuộn chảy, náo nhiệt và rộn rịp hơn lúc ban ngày, dưới ánh mặt trời. Trong bóng đêm, như bị sự hạn chế của thời gian thúc đẩy, họ vội vàng, hấp tấp hơn. Tại khu vực này, những hiệu ăn, tiệm tạp hóa, rạp chiếu bóng không bao giờ đóng cửa, và nếu trong ngày ta quá bận rộn, thì vào lúc ba bốn giờ sáng, có thể tạt vào đây mua một cái cà vạt hay một lọ nước hoa để làm quà tặng bạn trước khi đáp chuyến máy bay cất cánh vào hồi năm giờ sáng.

Bị thu hút bào nhịp sống chung, tôi không thể vào giường nằm được. Đi ngủ lúc này là một hành động phản lại sự sống đang sôi nổi đâng lên như một dòng sông vỡ bờ. Đứng ở khung cửa sổ một lúc lâu, tôi lại xuống đường, trà trộn vào đám đông, mặc dù tôi không cần phải đi ăn hay mua sắm một thứ gì. Tôi cũng không muốn đóng vai một lãng tử không nhà lang thang suốt đêm trong đô thị đa dạng và xô

bồ, vì vẫn nhớ rằng ngày mai tôi sẽ rất bận rộn. Nhưng tôi muốn lao mình cuộc sống mà tôi hằng yêu mến.

Vừa bước nhanh vừa ngắm đoàn người tạp chủng của thành phố quốc tế này, tôi liên tưởng đến phong thái nhàn hạ của một nhà thơ đời Tống. Một buổi sáng, từ cửa sổ của một lữ đếm, Lục Du ung dung nhìn xuống một người bán hoa hạnh trong một con đường hẻm:

*Thâm hạng minh triêu mại hạnh hoa.*

Và tôi ý thức được sự khác biệt giữa hai thái độ trong hai hoàn cảnh tương tự.

Khi tôi trở về khách sạn thì đã hơn bốn giờ sáng. Người sinh viên phụ trách ca đêm ở phòng tiếp đón đang mải mê đọc sách, chợt ngẩng đầu lên:

– Ông không ngủ được hay bận nhiều việc? Ngày mai có phải đi làm không?

– Có chứ!

Tôi trở về bàn viết, và nhớ lại tâm trạng trong đêm không ngủ tại Times Square năm nào, lòng thêm hoang mang. Lúc nào chúng ta phải quay cuồng với cuộc sống và lúc nào phải đứng ra ngoài lề? Nói chung, vì bản năng, vì quán tính, con người bị cuộc sống lôi cuốn hoặc muốn bám víu vào nó, kể cả những người, đáng ra, có thể rút lui khỏi sinh hoạt chung. Thỉnh thoảng trong công viên, trên đường phố, trong những buổi họp mặt, hội hè, chúng ta gặp những người tàn phế ngồi trên xe lăn, tự mình di chuyển hay nhờ người khác đẩy đi. Lại có cả những cuộc tranh tài thể thao dành cho những người không sử dụng được tứ chi một cách bình thường: họ ngồi trên xe lăn mà tham dự một cuộc đấu bóng rổ hay bóng chuyền. Cảnh tượng ấy làm cho chúng ta xót xa và thương mến những người bất hạnh ấy. Nhưng chúng ta hiểu rằng họ không muốn hoặc không thể nằm yên ở nhà. Họ cần phải ra ngoài ánh sáng, trộn lẫn vào dòng đời, để khỏi bị người đồng loại xem như bị gạt ra ngoài xã hội. Có những cơ quan chuyên kiếm việc làm cho họ, không những để giúp họ có phương tiện mưu sinh, khỏi nhờ

vào trợ cấp của chính quyền, mà còn tạo cơ hội cho họ tham gia cuộc sống chung.

Ngoài ra, có những người đến tuổi hưu trí mà vẫn thích hoạt động để không bị khủng hoảng tâm thần vì quá nhàn rỗi. Họ không muốn mang nặng mặc cảm của những người mất khả năng và không thể đóng góp vào cuộc nhân sinh. Vả chăng, thông thường người ta không mấy khi tự nhận rằng mình đã già, trừ một số ít người muốn làm những ông cụ non. Trong thi ca thù tạc, có nhan nhản những bài thơ tự thuật xác nhận rằng tác giả còn trẻ lắm và còn tồn tại nhiều năm nữa trong cuộc đời này: "Sáu mươi lăm tuổi vẫn chưa già" hoặc "Năm mươi lăm tuổi hãy mừng ta, còn bốn mươi lăm nữa đó mà..." Trong số này, tất nhiên cũng có người thành thực nghĩ – và chứng minh được – rằng họ cần phải tích cực hoạt động trong tuổi xế bóng vì họ không còn nhiều thời gian để thực hiện những ước mơ của mình hoặc hoàn tất sự nghiệp còn dang dở.

**II.**

Khép lại chiếc áo dạ màu đen phủ ra ngoài bộ áo nâu, nhà sư im lặng nhìn qua khung cửa. Dưới ánh nắng mong manh và trong suốt của một ngày cuối xuân, mấy ngọn bút tùng cao vút đong đưa trong gió sớm như muốn đùa cợt với những đám mây trắng bồng bềnh trôi. Trên con đường trước mặt chùa, những chiếc xe hơi lướt nhanh. Thỉnh thoảng, tiếng bánh xe miết xuống mặt đường ở một khúc quanh, reo lên và đội vào căn phòng hẹp. Trong hoàn cảnh lưu vong, không tìm được một địa điểm thích hợp, hội Phật giáo địa phương đã phải mua lại ngôi nhà cũ kỹ tọa lạc trong một khu phố đông dân cư để thiết lập ngôi chùa này. Mỗi lần đến đây – không thể nói là để vãng cảnh chùa – tôi không khỏi tiếc rẻ không khí trang nghiêm tĩnh mịch của những danh lam, thiền viện, tịnh thất... ở quê nhà.

Trong hương trầm thoang thoảng, nhà sư dứng tuổi chậm rãi nhắc lại một câu chuyện cũ:

– Hồi mới qua Mỹ, tôi trách thầy T.D. đi quá nhanh và như vậy không giữ đúng tác phong của một kẻ tu hành. Nhưng chỉ ba tháng

sau, tôi cũng bước hối hả như thầy T.D. và mới đây, thầy T.T. vừa đến Mỹ được hai tuần cũng chê tôi mỗi khi ra đường là chạy như một thể thao gia chuyên về môn việt dã.

– Mình bị cuộc sống thúc giục và dồn dập cuốn đi, nhiều khi không cưỡng lại được. Một hôm nghỉ việc, tôi ra đường dạo chơi, không có ý định mua sắm hay thăm viếng ai. Dọc theo hè phố, tôi thong thả bước đi, tâm trí nhẹ nhỏm. Nhưng chỉ một lát sau, khi đến một ngã tư, đèn xanh sáng lên, tôi băng nhanh qua đường rồi bị đám đông hút theo tốc độ chung. Ta tự để mình trôi theo dòng đời và luôn luôn vội vàng, hấp tấp. Vội vàng trước khi đi làm, trong công tác và cả trong lúc nghỉ ngơi. Chạy đua với đồng hồ, chúng ta lao vào những hoạt động thường nhật và không có những giờ phút thật sự rảnh rỗi để suy nghĩ về thân phận con người.

– Vì vậy mà tôi nghĩ rằng ta phải tổ chức lại cách sống. Ta phải biết nghỉ ngơi. Có những lúc ta phải biết quên công việc, đừng nghĩ đến nó và đừng để nó ràng buộc ta. Ta phải trở về với chính mình, sống với chính mình. Bởi vì đời sống tinh thần rất quan trọng. Phải có những ngày vô tư trong đó ta không phải giải quyết một vấn đề nào cả.

– Sau năm ngày làm việc quần quật, đến ngày nghỉ cuối tuần, người Mỹ thường ra bờ bể, lên núi hay về đồng quê. Trong những ngày nhàn du ấy, họ cố quên công việc để vui chơi giữa thiên nhiên. Có lẽ họ cũng có nhu cầu trở về với chính họ như chúng ta.

– Đúng thế. Họ bị cuộc sống vật chất câu thúc quá nên phải tìm một lối thoát.

– Một hôm, tôi gặp một ông già Mỹ đội một cái mũ mềm. Phía trước mũ, nổi bật lên mấy chữ: đã về hưu, không còn có điện thoại gọi, không có ngày giờ hẹn. Ông già ấy, sau những năm hoạt động, rõ ràng là muốn nghỉ ngơi, không muốn bị ai quấy rầy, muốn ẩn dật và có lẽ muốn trở về với chính mình.

– Nhưng đợi đến lúc xế chiều mới có thái độ tự giác như thế, tôi nghĩ rằng quá muộn.

Nhà sư nâng chén trà lên, từ từ uống, rồi tựa lưng vào thành ghế,

đôi mắt to và sâu nhìn qua khung cửa sổ mà như nhìn vào hư vô. Hôm nay được nghỉ việc, tôi muốn dành một ngày nhàn rỗi để viếng thăm nhà sư đã từng chia sẻ với tôi một vài quan niệm về nhân sinh. Trong lúc nhà tu hành chìm sâu vào trầm tư, tôi nhận thấy tâm hồn mình bình thản khác thường. Những ưu tư hằng ngày như đã dừng lại ở ngoài cửa chùa. Tôi có cảm tưởng đang đứng trên một ngọn thác ào ạt đổ nước xuống từ một mỏm đá cao và lôi cuốn chúng sinh đang quay cuồng trong những đợt sóng gào dữ dội. Câu nói của nhà sư nhắc tôi nhớ lại một nhận xét của một nhà sư khác: chùa là nơi ta đến để tìm lại chính mình. Sau tấm cửa kính, phía bên kia đường, từng đám hoa mimosa nở vàng trên nền lá xanh. Một đàn ong cần mẫn với những cánh nhỏ run rẩy không ngừng đang nhẹ nhàng đáp xuống những nụ hoa chớm nở. Ngước nhìn nền trời trong như bị căng mỏng ra, tôi bắt gặp lòng mình đang lặng lẽ tan dần vào Thiên Nhiên.

Đặt tách trà xuống mặt bàn, nhà tu hành quay bên phải, vuốt mấy lá lan dài của một chậu lan đặt ở góc phòng, bên cạnh ghế ngồi:

– Năm nay lan nở muộn. Có thể vì thời tiết thay đổi, không giống như mọi năm. Mùa đông dài quá, lấn sang cả mùa xuân. Mà thật ra, tôi cũng không có thì giờ chăm nom mấy chậu cây cảnh trong chùa cho chu đáo.

Nhận xét của nhà sư nhắc tôi nhớ đến thú chơi cây ngày xưa ở nước ta. Các cụ có nhiều thời gian để trồng lan, trồng cúc, ngoài việc nuôi chim, nuôi cá. Nếp sống đơn giản dành cho họ năm rộng tháng dài và họ có thể áp dụng thời khoá biểu của những người nhàn hạ: *tháng giêng là tháng ăn chơi, tháng hai cờ bạc, tháng ba hội hè*. Những nông dân chân lấm tay bùn cũng chỉ bận rộn vào những ngày tháng nhất định theo nhịp hoạt động của nghề nghiệp. Họ không đến nỗi tất bật như chúng ta ngày nay, ở nước Hoa-kỳ văn minh này. Người Mỹ yêu hoa. Nhưng ông hàng xóm của tôi chỉ mua những chậu cây đã nở hoa để trang hoàng phòng khách, phòng ăn, rồi khi hoa tàn thì vứt đi để mua chậu hoa khác, chứ không có thì giờ trồng hoa.

Nhưng mặt khác, phải công nhận rằng những nhà kiến thiết đô thị

Tây phương có chủ trương lập nên những vườn hoa, có khi rất lớn, để đem thiên nhiên về giữa những thị trấn đông người. Họ nhận thấy rằng những công viên với cây cối xanh mát và những loài hoa tươi thắm rất cần thiết để tạo ra một nếp sống hài hòa, lành mạnh và giúp cho con người có điều kiện giải tỏa những nỗi căng thẳng của một môi trường phức tạp. Đối với một số người, những buổi dạo chơi giữa công viên có giá trị như một liều thuốc an thần.

Cũng trong mục đích di dưỡng tính tình, người phương Đông thích có vườn tược xung quanh nhà, hay ít ra cũng xây đắp những ngọn giả sơn có đá, cây cối và suối nước để được sống gần một mảnh thiên nhiên thu hẹp lại. Trong tập *U Mộng Ảnh*, Trương Trào, một thi sĩ Trung hoa thuộc thế kỷ 17 viết: *Ở thành thị, nên lấy tranh làm sơn thủy, lấy bồn cảnh làm vườn tược, lấy sách làm bạn.*

Khi nghe tôi nhắc đến lối chơi hoa của ông hàng xóm, nhà sư cười và giải thích:

– Theo tôi hiểu, đó là một lối phân công trong xã hội Mỹ. Một số người theo nghề trồng hoa, một số người chuyên bán hoa, và những người khác mua hoa về thưởng thức mà không bận tâm đến thú trồng cây, chăm sóc cây.

*

Trên con đường từ chùa trở về nhà, những nhận định của nhà sư vương vấn mãi trong tâm trí tôi. Đặc biệt, trong những điều kiện sinh sống hiện thời của xã hội Mỹ, làm thế nào để trở về với chính mình? Hồi tưởng những thái độ của người xưa trước cuộc nhân sinh, tôi nhớ lại rằng từ thời niên thiếu, tôi đã bị những nhà ẩn sĩ hấp dẫn. Tính chất lãng mạn của họ làm cho tôi say mê, chưa đủ kinh nghiệm để có thể hiểu những con người đặc biệt ấy, nhưng vì yêu thiên nhiên, tôi hằng mơ ước cuộc sống an bình thơ mộng giữa non xanh nước biếc.

Lớn lên chút nữa, qua sách vở, tôi tìm hiểu họ thêm và phân biệt những thái độ khác nhau. Trong một giai đoạn lịch sử nhiễu thương, loạn lạc, có người không muốn liên can đến những âm mưu chính trị hoặc quân sự, không muốn tham gia những vụ tranh chấp quyền lực,

nên tạm thời lánh mình. Gia Cát Lượng mai danh ở Nam-dương. Nguyễn Trãi ẩn tích ở Côn-sơn. Nguyễn Bỉnh Khiêm rút lui về quê nhà ở Hải-dương. Cho đến khi gặp được người tri kỷ, Lưu Bị hay Lê Lợi thì họ xuất đầu lộ diện để mưu việc lớn. Họ phải sáng suốt nhận định khi nào cần xuất, khi nào cần xử. Trong thời gian ẩn cư, họ hòa mình vào thiên nhiên, sống thanh nhàn, đạm bạc giữa cỏ cây, sông núi:

*Thu ăn măng trúc, đông ăn giá,*
*Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao.*

Cũng có người chỉ xa lánh "xa mã thị thành" sau một thời gian dài hăng say hoạt động. Nhà nho chính thống Nguyễn Công Trứ muốn "trả nợ cầm thư" để phỉ chí nam nhi vì đã "trót đem thân thế hẹn tang bồng", nên sau khi làm tròn nhiệm vụ mới vui thú điền viên ở ngoài vòng cương tỏa của lợi danh. Và đến lúc đó mới đủng đỉnh cưỡi chiếc xe bò ngao du sơn thủy.

Nhưng thái độ rõ rệt và dứt khoát hơn cả là của những người tự ý rút lui khỏi cuộc sống phồn hoa để chôn dấu tên tuổi nơi thâm sơn cùng cốc, không muốn ai biết đến mình. Họ được người đời gọi là ẩn sĩ, như gọi những người khác là thi sĩ, họa sĩ. Họ lánh đời cho nên thường bị hiểu lầm là những người yếm thế, có cái nhìn bị quan về cuộc sống. Sự thật, họ là những kẻ yêu đời, và có lẽ yêu đời hơn ai hết. Ghét những lễ nghi phiền toái, không ưa những ràng buộc do xã hội đặt ra, họ "tìm nơi vắng vẻ" để tránh những phức tạp của cuộc đời vật chất, để sống giản dị với một nội tâm phong phú. Họ không chán đời; họ chỉ trở lại với chính mình. Họ không thích giao du rộng rãi, nhưng có một số ít bạn chí thân, những người tri kỷ. Trong tình bằng hữu thắm thiết, họ hưởng thụ cuộc sống nhàn hạ giữa thiên nhiên xinh đẹp, "bên đầm say hát nhởn nhơ chơi". Họ không muốn như con chim khách quên thân mình, quên cái ta thực của mình khi đuổi bắt con bọ ngựa như trong câu chuyện của Trang Chu. Họ muốn tìm lại nhân tính, cái "xích tử chi tâm" của thầy Mạnh.

Tuy nhiên thái độ ấy có tính cách tiêu cực và trái ngược với thái độ tích cực của những người muốn lao mình vào cuộc sống, lao mình

vào hành động. Vì vậy, có người như Tử Tư chủ trương một đường lối trung dung. Họ chống lại lối sống phóng lãng; họ không trốn đời, vẫn hoạt động giữa xã hội mà giữ được phong thái của người ẩn giả, ẩn cư ngay trong lòng cuộc sống, như những kẻ giác ngộ và tu tại gia. Thái độ trung dung ấy ở vào giữa hai cực đoan và đạt được thế quân bình giữa hai cực đoan, giữa động và tĩnh.

Trong sinh hoạt hằng ngày, họ rất phóng khoáng, không bị gò bó bởi những phương thức cứng nhắc. Trong thời gian giữ chức thái thú Hàng-châu, Tô Đông Pha ít khi làm việc ở công đường. Cùng với một vài tùy viên, nhà thơ thường đến một ngôi chùa lớn tọa lạc giữa một khung cảnh thiên nhiên xinh đẹp và lưu lại đó để thảo thư, trát. Có khi ông lên một ngọn núi không xa thị trấn để làm việc rồi ăn cơm trưa ngay tại chỗ, đến chiều mới cưỡi ngựa về. Có lúc ông dùng thuyền vượt Tây hồ, vừa uống trà vừa viết công văn. Nhà nghệ sĩ đồng thời là một người hành đồng ấy "đứng ở nơi không biến đổi" mà thưởng thức không bao giờ hết "ngọn gió mát trên sông và vầng trăng sáng trong núi" để vui với thiên nhiên và trở về với chính mình.

Nhưng theo Lâm Ngữ Đường, Đào Tiềm mới là người đã tạo cho mình một nếp sống hài hòa nhất. Đào Uyên Minh kết hợp Khổng giáo và Đạo giáo: ở ông, "triết học tích cực của Khổng giáo mất tính cách tự mãn tự đại và triết học lánh đời mất tính cách chống đối chua chát". Vì đã đạt được sự quân bình của tâm linh, nên ở Đào Uyên Minh không có sự xung đột nội tâm. Trả áo mũ cho triều đình, từ chức tri huyện Bành-trạch, viết bài phú *Quy Khứ Lai Từ*, ông trở thành một nông phu nghèo, sống giản dị, khiêm tốn và vô tư. Là một thi sĩ thiên tài và một tửu khách trung thành, ông ca tụng thú uống rượu và thú điền viên với một văn phong rất mực bình dị, một sự bình dị không mấy ai đạt được.

*

Đêm nay, tôi lại ngồi trước khung cửa sổ. Dưới ánh đèn, trang giấy lạnh lùng trắng và tâm trí tôi lang thang bất định, ngoan cố không chịu dừng lại ở một điểm suy tư nào rõ rệt. Sau khi dòng tư tưởng vẩn vơ

trôi một lúc khá lâu, tôi mới sực nhớ lại đề nghị của James chiều nay, khi anh gọi điện thoại cho tôi:

– Chắc anh còn nhớ rằng năm ngoái tôi có tậu được một ngôi nhà nhỏ nằm giữa một khu vườn rộng trồng đầy tùng bách, trong một vùng núi non hẻo lánh, cách thành phố Stockton một giờ lái xe. Thỉnh thoảng tôi rời San Francisco để lên nghỉ ngơi ở đó. Tháng trước, tôi có mời một người bạn Trung-hoa cùng đi với tôi. Là một doanh nghiệp có hạng ở Hongkong, lâu lâu anh ta qua San Francisco để trang trải công việc. Nhưng anh ta chỉ lưu lại nhà tôi có hai ngày vì không ưa cái không khí u tịch của khu vực này. Anh ta đã quá quen với lối sống náo nhiệt của Hongkong rồi. Nhưng anh thì khác. Tôi chắc anh sẽ hài lòng. Cuối tháng sau, anh cố xin nghỉ việc một tuần rồi chúng ta lên trên đó chơi. Đồng ý chứ?

James là một nhân viên ngoại giao kỳ cựu, nay đã thôi việc. Dưới chế độ Tưởng Giới Thạch, anh đã sống qua thời niên thiếu ở Thượng hải và đã từng phục vụ nhiều năm ở Đài loan, Nhật bản, Thái lan. Tôi nhận lời mời của anh vì muốn nghỉ ngơi một thời gian và cũng để đọc lại cuốn Nam Hoa kinh.

Bên ngoài cửa sổ, vầng trăng lưỡi liềm màu trắng đục lơ lửng dừng lại trên nền trời trong, ngỡ ngàng giữa những chấm sáng vàng nhạt của những ngọn đèn đường. Vầng trăng như lạc loài trong một khung cảnh xa lạ và muốn tìm lại bản sắc của mình. Có lẽ trăng đang tưởng nhớ đến những đồi núi hoang liêu, những dòng sông thôn dã và tiếng tụng kinh trầm trầm vọng ra từ một cánh rừng sâu. □

Tìm đọc:

**PHONG VŨ TIÊU TIÊU, LÔI VŨ ĐỘNG**

Chuyện dài Nguyễn Đức Lập

Tân Phong xuất bản

*HỒ ÔNG*

## BÓNG MÂY

*

*có khi*
*mình lại gặp nhau*
*buồn buồn*
*nhớ chuyện*
*qua-cầu-gió-bay*
*có khi*
*mình đứng tại đây*
*mà hồn*
*đắm đuối*
*với ngày hôm qua*
*có khi*
*mình chợt nhớ ra*
*trái tim*
*ai giữ trong da thịt này*
*có khi*
*tù ngục là đây*
*giam cầm*
*bằng những bóng mây*
*tình cờ*

## TRÁI SẦU

*

*vụng về*
*cõi tục bước sang*
*thôi dành*
*trả lại địa đàng*
*cho em*
*ợ lên*
*trái cấm không tên*
*bỗng nhiên sừng sững*
*một bên*
*trái sầu.*

## CHỐN NÀY

*

*quẩn quanh*
*trong cõi ta bà*
*thất kinh*
*ta lại gặp ta chốn này*
*soi gương*
*ngó lại mặt mày*
*chỉ nhìn*
*thấy giọt đắng cay*
*dang tràn.*

## MÀ SAO...

*

*mà sao*
*lòng vẫn tần ngần*
*quay lưng vấp phải*
*từng phân vuông buồn*
*mà sao máu đỏ không tuôn*
*khi*
*từng sợi tóc em luồn*
*qua tim*
*mà sao*
*lại phải kiếm tìm*
*mất em hiền dịu*
*lại dìm chết ta*
*mà sao*
*hạnh phúc thăng hoa*
*giữa khi*
*từng ánh chiều tà*
*đang rơi*
*mà sao*
*ta chẳng rong chơi*
*níu chi*
*một chút cuộc đời*
*phù vân*
*mà sao ta lại tần ngần*
*quay lưng*
*vấp phải*
*từng phân vuông buồn.*

(Thailand)

**THẬP LANG**

# chiếc thúng trôi sông

*

*Chuyện nào xảy ra trong thế gian chẳng có chút ít hoang đường...*

*Chuyện hoang đường nào mà chẳng mang một phần sự thật...*

**1.**

Người ta kể lại rằng, khoảng năm 1920, 1921 gì đó, tại một làng nhỏ nghèo nàn, nằm bên ven sông Cả, con sông chia cách hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, có một gia đình cày ruộng. Hai vợ chồng lấy nhau đã lâu, vẫn chưa có con. Người chồng xấp xỉ bốn mươi, người vợ ít ra cũng phải ngoài ba mươi, cái tuổi, ngày xưa ca dao hay ví von *Gái ba mươi tuổi lo toan đóng hòm*. Thế mà nàng vẫn còn son sẻ. Có điều khổ nhất cho người dàn bà, có chồng mà chẳng có con.

Người chồng có chút ít học thức, nhưng ở vào thời buổi đó, với vốn liếng học vấn của ông ta, chưa đủ làm nên bát cơm đầy cho gia đình. Sự học của ông ta chưa đủ để làm thầy được ai, lại không muốn làm thợ kẻ khác. Do đó, dù chỉ hai vợ chồng son sẻ, gia đình cũng vẫn thanh bần quanh năm suốt tháng.

Rồi một ngày người vợ mang thai, hai vợ chồng mầng mầng vô kể.

Nhưng rồi người vợ, như đang gặp điều gì trục trặc trong lúc mang thai. Nụ cười đã không còn nữa, như ngày mới bắt đầu thai nghén.

Gia đình nông dân này có nuôi một đứa tớ gái, và trong đêm người vợ lâm bồn, dường như cả căn nhà đó bao phủ một điều gì bí mật to

lớn. Khoảng nửa đêm, người chồng đánh thức đứa tớ dậy, cùng ông ta, khiêng một cái thúng bưng kín, ra bờ sông thả trôi vào dòng nước.

Mấy ngày sau, một bác tiều phu, đốn củi ven rừng Hồng Lĩnh, mà vùng đó gọi là rú Hống, bắt gặp chiếc thúng, sơn phết cẩn thận, giống cái nôi trẻ con. Bên trong bọc vải nhung và có một chiếc mền màu tím. Nhưng không thấy để lại vết tích gì, đây là cái nôi, đã có đứa trẻ nằm bên trong.

Xã hội ta ngày xưa, không có tin tức, con người sống với nhau ràng buộc bằng dư luận. Dư luận, ngoài bản chất phóng đại, còn mang sắc thái xuyên tạc, sai sự thật một cách độc ác. Cái thúng làm nôi đứa trẻ trôi sông, tự nó không có gì quan trọng, nhưng dư luận chưa chịu buông tha, đang truy tầm, đứa trẻ nằm bên trong cái thúng trôi sông.

Khi dư luận đến tai đứa tớ gái trong gia đình nông dân, nó chợt nhớ ra, trước đây vào một đêm nọ, có khiêng với ông chủ, cái thúng ra bờ sông, bỏ vào dòng nước chảy. Đứa tớ gái lại nhớ rất mơ hồ, vì đêm hôm đó, nó bị đánh thức dậy bất ngờ, và làm công việc đó như một kẻ mộng du.

Thế là cái thúng trôi nổi trên sông và đêm lâm bồn của người vợ trong gia đình nông dân, giờ đây ràng buộc với nhau. Nhiều câu chuyện phát ra liên quan đến hai sự kiện này. Tuy nhiên, dư luận có nghiệt ngã bao nhiêu, cũng có thể thêu dệt, để kết án một sự kiện trước mặt hiển nhiên. Vì bây giờ trong gia đình nông dân, có một bé gái sơ sinh và đang lớn dần. Bé gái là chứng tích và sự giải thích thỏa mãn, chính xác cho dư luận.

Từ đó dư luận lắng xuống, cái thúng trôi sông tự nó đi vào quên lãng của thời gian.

**2.**

Gần mười năm sau, nơi ven rừng cái thúng trôi dạt vào, xuất hiện một con hắc xà khổng lồ. Con hắc xà xuất hiện trên dòng sông La Lam (sông Cả) và ven rừng Hồng Lĩnh.

Hồng Lĩnh, dãy núi nằm sát bờ biển của miền cực bắc tỉnh Hà Tĩnh. Chỗ xuất hiện con hắc xà là nơi gối đầu của dãy núi Hồng Lĩnh

và dòng sông Cả. Đây là vùng đất hoang sơ nhất của đất nước. Núi Hồng Lĩnh có 99 đỉnh núi cao vút lên bầu trời. Người ta truyền rằng: thuở xa xưa, có 99 con phượng hoàng, đậu trên 99 đỉnh trong dãy núi Hồng Lĩnh. Rồi ngày ông Nguyễn Hoàng kéo quân vào phương Nam lập nghiệp, khi qua dãy núi Hồng Lĩnh, không dừng nơi đây làm đế đô, mà lại tiếp tục đi qua bên kia đèo Ngang, nên 99 con phượng hoàng cất cánh bay đi. Từ đó người ta không thấy bóng phượng hoàng xuất hiện trên những đỉnh núi của dãy Hồng Lĩnh nữa.

Trở lại câu chuyện con hắc xà, nó xuất hiện vào lúc vùng Nghệ Tĩnh đang có vụ nổi dậy của nông dân do phong trào Cộng sản giật dây, một biến động không có gì quan trọng, nhưng lại khởi đầu cho những biến cố lịch sử to tát sau này, do một chủ nghĩa đã đưa nhân loại vào con đường lầm lẫn nhất của thế kỷ hai mươi và lịch sử loài người.

Con hắc xà thường xuất hiện vào những đêm trăng sáng, thỉnh thoảng cả ban ngày. Người ta kể lại rằng bình thường mặt nước trên dòng sông nơi đây phẳng lặng như ngái ngủ. Tự nhiên sóng gió nổi lên. Từ dòng sông dâng lên những đợt sóng trắng xóa và con hắc xà vươn mình trong những đợt sóng dữ đó. Rồi từ lòng sông sâu, những đợt sóng cứ dồn về phía bìa rừng và ghềnh đá, sóng phủ lên bờ cao và những ngọn cây nghiêng ngả như con lốc dồn dập và mất hút vào rừng núi âm u.

Nó đến như cơn sóng dữ, đi qua như cơn lốc đổ dồn, biến nhanh như cơn gió thoảng. Con hắc xà như một vị thần trên đỉnh núi cao mênh mông.

Tuy xà thần xuất hiện, nhưng chưa giết ai, và thật sự chẳng có ai ở chốn hoang vu đó để nó giết hại.

Sau khi con hắc xà xuất hiện, không biết tự đâu, câu chuyện cái thúng trôi sông, mười năm về trước, lại được đưa ra bàn tán. Người ta dựng nên một câu chuyện hoang đường, để gắn chặt con hắc xà với cái thúng trôi sông. Có người quả quyết, con hắc xà chính là cái quái thai do một người đàn bà sinh ra, người đàn bà đó là vợ của một gã nông

dân, sống ven dòng sông Lam Giang, tác giả cái thúng trôi sông năm xưa.

Câu chuyện hoang đường về cái thúng trôi sông và con hắc xà, được người ta kể lại vanh vách. Họ nói: "Thiếu phụ vợ người nông dân kia, không phải mang thai 9 tháng 10 ngày như những người phụ nữ khác, mà bà ta mang bào thai đó đúng 12 tháng chẵn. Lúc lâm bồn kéo dài 48 tiếng đồng hồ. Đến nửa đêm của ngày thứ hai chuyển bụng, bà ta sinh ra một bọc nước. Người chồng bứt cái màng mỏng, nước nhờn chảy ra, bên trong có hai đứa bé. Một đứa bé gái, cất tiếng khóc như mọi đứa bé sơ sinh khác. Còn đứa bé thứ hai, nó không phải con trai, mà cũng chẳng phải con gái. Da nó xanh thâm, như da người ta bị bầm sau một trận đòn. Nó không cất tiếng khóc mà lại kêu chiu chít, như tiếng chuột chù rúc đêm. Đầu nó ngửng cao, lắc lư như cái bình hoa di động.

Người chồng biết đó là quái thai, bỏ vào cái thúng, đậy kín, buông trôi vào dòng sông.

Cái thúng giạt vào ven rừng, và bây giờ quái thai trở thành con hắc xà trên dòng sông La Lam và dãy núi Hồng Lĩnh.

Quả là một câu chuyện hoang đường, nhưng gây nghiệt ngã cho một gia đình nông dân hiền hòa, thủ phận. Người vợ bây giờ không dám bước ra khỏi cửa, lúc quá cần thiết, ra đường không dám ngửng mặt lên, chỉ cúi xuống nhìn vào ngọn cỏ trên mặt đất.

Tuy nhiên con người đâu phải con kiến, đào hang sâu mà xuống, đâu phải con chồn, con cáo, để có thể đi tìm ăn trong đêm khuya thanh vắng. Vì vậy, trước dư luận cay nghiệt độc địa đó, hai vợ chồng phải bồng con, bỏ xứ ra đi, không một lời từ giã bà con lối xóm.

Dư luận chính là con quái vật, khi đã hết đối tượng, tự nhiên xẹp xuống như quả bóng hết hơi.

**3.**

Năm 1949, trên dãy núi Hồng Lĩnh, tự nhiên một đỉnh cao bị chẻ làm hai, một nửa quả núi đổ xuống lấp đi một dòng suối. Từ xa cả mấy chục cây số, người ta có thể trông thấy mảnh núi lở, đỏ tía như một

quả cam đường chín mọng. Cũng từ đó người ta truyền đi, con hắc xà trong dãy núi Hồng Lĩnh đã bị giết, trong biến động núi lở.

Năm đó, tôi đang học trung học, một ngày mùa hè, nhân tiện, tôi đi thăm một gia đình bà con ở một làng nằm dưới chân núi Hồng Lĩnh. Đây là một vùng đồng bằng, nhưng nhìn lên núi Hồng Lĩnh, trông rất gần, mắt thường có thể trông thấy những thân cây trắng, vươn lên trên những tàng cây rừng xanh thẫm, chằng chịt ở lưng chừng núi. Và cũng ở lưng chừng núi đó, có một cái am, trắng lồm lộp, nổi như một cái nấm hoang, mọc giữa bụi cây um tùm.

Người ta nói, trong am có một cụ già trụ trì đã lâu. Không ai biết, ông ta từ đâu đến, nhưng ông ta ở cái am này, lúc hãy còn tráng kiện. Cụ già sống rất thanh bạch và xa rời mọi người trong vùng này. Ở đây chẳng có khách thập phương cúng quẩy, nên chẳng ai biết ông ta sống bằng cách nào. Thuở xa xưa, có một chú tiểu, nhưng sau đó, chú tiểu được gởi đi học xa, cho nên ông ta vẫn sống vò võ một mình.

Một vài ngày sống ở vùng này, tôi được nghe nhiều câu chuyện về con hắc xà và quả núi lở trên cao. Câu chuyện nào cũng ăn khớp với nhau và đi xa ra ngoài thực tế.

Rồi một ngày tôi lên tìm am, gặp cụ già, vì tôi nghĩ, cụ già sống gần với núi rừng nơi đây, có thể biết chính xác nhất về con hắc xà và biến động núi lở mấy tháng về trước.

Cụ già tiếp tôi tại cái sân am rộng thênh thang, chúng tôi ngồi trên một phiến đá, nhẵn thín như mặt bàn, đặt dưới tàng cây cổ thụ. Không khí ở đây lạnh ngắt như trong thạch động, mặc dù lúc này là mùa hè, trời nắng chang chang.

Không biết ai xây cất cái am này, nhưng theo một mô hình kỳ quái. Sáu bức tường, tạo thành hình trụ sáu góc, thẳng đứng, cao vút lên cả mấy chục thước trên cao. Ở chóp đỉnh, một hình bán cầu, giống nửa quả dừa khô úp xuống. Từ xa trông giống một chiếc sọ người khổng lồ, nằm trên một khối trụ lục giác.

Cụ già giữ am, không giống một vị sư trụ trì, hay một ông từ thắp

nhang ở chốn tế tự, mà dáng dấp một nhà đạo sĩ, lang thang trong dân gian thuở xa xưa.

Tôi đề cập đến con hắc xà và quả núi lở. Ông cụ lại kể cho tôi thêm một câu chuyện hoang đường nữa. Ông nói: "Con hắc xà ở trên những đỉnh núi cao này, nó không xuất hiện liên miên mà rất đều đặn. Cứ khoảng chín tháng con hắc xà xuất hiện một lần. Như vậy chứng tỏ nó di chuyển trên 99 đỉnh núi cao của dãy Hồng Lĩnh, cứ chín tháng quay về một lần.

Những lúc hắc xà trở về, đêm tối ai cũng nhận ra. Đầu nó sáng như một bó đuốc, vì trên đỉnh đầu hắc xà có một hạt ngọc thật lớn. Thật sự chưa ai nhận diện ra hình thù nhất định của con hắc xà, nó xuất hiện ra nhiều dạng thức khác nhau. Có khi đó là một con hắc xà vĩ đại, có khi là một luồng gió quẩn đen di chuyển, có khi hình thù một con rết lắm chân, khổng lồ, màu nâu bầm, với những chân vươn dài như những cái xà nhà.

Cách đây ba năm, có một tay thiện xạ về đây, quyết giết cho được con hắc xà, để chiếm đoạt viên ngọc. Ông ta làm những cái chòi trên những chòm cây cao cổ thụ, rải rác trên các triền núi đi xuống suối nước. Đêm đến, nhà thiện xạ ẩn trong các chòi đó chờ đợi.

Không biết tại sao, đã hai năm liền con hắc xà không xuất hiện. Đến năm thứ ba, vào một đêm, khoảng quá canh ba, nhà thiện xạ thấy một bó đuốc từ trên đỉnh núi đi xuống. Khi đến gần, thấy đó là một toán ba người, một người đi đầu, cầm bó đuốc. Người đi giữa mặc bộ áo tang trắng vải sô. Người đi sau, vác một dao phát rừng dài. Toán người đi xuống suối, một lúc rồi quay trở lên đỉnh núi. Khi đi lên, người cầm đuốc vẫn đi trước, người mặc áo tang vẫn đi chính giữa, người vác dao phát rừng vẫn đi sau cùng.

Sau đêm đó, nhà thiện xạ trở về nhà suy nghĩ, đây là núi rừng quạnh quẽ, đêm hôm khuya khoắt, toán người này không thể là người thật mà là con tinh xà biến dạng, do đó nhà thiện xạ quyết định nổ súng nếu con tinh xà xuất hiện.

Đêm kế tiếp, cũng khoảng canh ba, toán người hôm qua lại xuất

hiện từ đỉnh núi đi xuống suối. Nhà thiện xạ nhắm ngay người cầm đuốc nổ súng, đuốc phụt tắt, núi rừng im lặng.

Đêm thứ ba, cũng giờ nói trên, toán người lại xuất hiện, nhà thiện xạ nhắm người vác dao phát rừng đi sau cùng. Cũng như đêm hôm trước, tiếng súng nổ, đuốc phụt tắt, núi rừng trở lại im lặng.

Đêm thứ tư, nhà thiện xạ nhắm ngay người mặc áo trắng đi chính giữa. Sau tiếng súng nổ, đuốc phụt tắt, một giây im lặng. Rồi tự nhiên trời đất rung chuyển, mặt đất rung rinh như động đất. Núi rừng cây cối, nổi lên tụt xuống, như cơn bão tố khủng khiếp. Khoảng giờ sau, nửa quả núi bể ra, đổ xuống lấp đi một thung lũng và một ngọn suối sâu. Biến động làm khiếp đảm cả mấy làng mạc xa cả mấy chục cây số. Sáng hôm sau, người ta ghi nhận biến cố núi lở trên dãy Hồng Lĩnh này. Biến cố núi lở, theo các bô lão, cứ mấy trăm năm mới xảy ra một lần.

Nhà thiện xạ tham lam và mạo hiểm đó, sau đêm kinh hoàng và khiếp đảm, đã bỏ đi biệt tăm."

**4.**

Mười hai năm sau, năm 1961, tại miền Nam, tôi đến dạy học tại Cao Lãnh, tỉnh Kiến Phong. Ở đây tôi gặp một cô giáo, vừa tốt nghiệp sư phạm. Cô ta tên Duyên, nguyên quán Hà Tĩnh, nên chúng tôi quen và thân nhau dễ dàng.

Rồi từ đó, hễ cứ chiều thứ bảy cuối tuần, Duyên đưa tôi về thăm bà mẹ tại làng Mỹ Thới, cách thị xã Cao Lãnh khoảng bốn năm cây số, nơi ông ngoại của Duyên mấy chục năm về trước đến đây lập nghiệp.

Má Duyên là một thiếu phụ khoảng trên dưới bốn mươi, tuy nhiên trông còn mặn mà sắc sảo lắm. Bà ta nói giọng Hà Tĩnh còn nguyên vẹn, với âm thanh nặng chình chịch, phát ra từ cặp môi dầy và đam mê, đỏ tía vì ăn trầu kinh niên. Má Duyên nói chuyện rất cởi mở và tỏ ra hiểu biết thâm thúy.

Có lần tôi vui miệng kể về câu chuyện con hắc xà, trên giòng sông Cả và dãy núi Hồng Lĩnh, tự nhiên nét mặt bà sa sầm xuống. Nhưng

một lúc sau, bà mẹ Duyên lấy lại bình thường và cũng chính hôm ấy, tôi nghe được câu chuyện con hắc xà liên quan đến gia đình của bà ta.

Mẹ Duyên nói:" lúc tôi lên chín mười tuổi gì đó, câu chuyện con hắc xà xảy ra lan truyền khắp cả vùng. Mũi nhọn của câu chuyện hoang đường đó, vẫn nhắm vào gia đình cha mẹ tôi. Đến một lúc không chịu nổi mũi nhọn của dư luận,ba tôi bỏ xứ, đem mẹ con vào Nam lập nghiệp.

Trên đường đi, phần vì bi phẫn, phần vì phải xa tổ tiên ông bà, dọc đường mẹ tôi ngã bệnh mà chết. Sau đó ông cụ đưa tôi về dạy học và lập nghiệp ở đây.

Từ đó,tôi lớn lên trong mặc cảm và hoang mang trong câu chuyện hoang đường này. Rồi tuổi trẻ lớn lên, chưa chín chắn tôi hận cha tôi, hận gia đình, hận thù đổ lên người cha bất hạnh. Cứ in trí, câu chuyện người mẹ sinh ra quái thai là sự thật mà nguyên nhân cũng tại bởi một người cha.

Một ngày tôi bỏ gia đình lên Sàigòn, sau đó lấy một gã đạp xích lô và có với hắn một đứa con.

Rồi một hôm được tin cha ốm nặng, tất tưởi bồng con trở về, nhưng mọi sự đã quá trễ. Người cha đã chết cô đơn, không có lấy một kẻ thân thích bên giường bệnh. Trước khi chết, ba tôi để lại một bức thư, coi như lời trăn trối về một câu chuyện oan gia mà cha mẹ tôi phải gánh chịu. Trong thư ba tôi viết: Khi cha đã gần 40 tuổi, má con mới mang thai lần đầu. Vào một ngày trong thời kỳ thai nghén,có một đạo sĩ đi khất thực. Ông đến ngồi trước cửa nhà mình. Vừa khi má con đưa lon gạo ra bố thí, thoáng thấy má con vị đạo sĩ đứng dậy khoát tay từ chối, miệng nói lẩm bẩm "oan gia, oan gia". Rồi quay lưng bước ra ngõ bỏ đi.

Từ đồng ruộng trở về nghe má con thuật lại, bán tín bán nghi, ba bỏ công ăn việc làm, đi tìm vị đạo sĩ. Bảy ngày sau, thấy ông lang thang trên một đoạn đường thiên lý. Ba đưa vị đạo sĩ về nhà. Sau một lúc đàm đạo, vị đạo sĩ cho ba biết. Má con đang cưu mang hai hài nhi, một trai một gái, có cung mệnh đối khắc nhau như lữa với nước. Lữa thì

bốc lên trời, nước nặng rơi xuống, tìm chỗ thấp mà chảy đi. Lửa đốt nước, nước biến thể, nước gặp lửa, lửa biến đi. Đó chính là cung mệnh đối khắc, có có không không, không không có có. Biến thiên trong hoàn vũ, thấy đó và mất ở đó. Vì thế bà có sinh mà không có dưỡng.

Hai đứa trẻ này, tuy bây giờ nằm chung trong một bào thai của một người mẹ, nhưng khi đạp đầu nhau ra, thấy được ánh sáng mặt trời, chúng quay lại giết nhau, giết nhau cho bằng được, và cuối cùng cả hai đều phải chết. Chết một cách vô cùng thê thảm. Cho nên ta mới bảo "oan gia, oan gia" là vậy đó.

Khi gạn hỏi vị đạo sĩ phải làm thế nào, ông ta nói: "Sau khi bà nhà sinh ra hai trẻ, ông bà chỉ được nuôi một trong hai đứa bé đó mà thôi. Ông bà có quyền chọn trai hay gái. Đứa bé không được chọn, hãy bỏ vào một cái thúng, sơn phết, ngăn nước thấm vào, lấy vải nhung tím bọc lấy đứa bé, đưa ra bờ sông thả vào dòng nước, trước khi mặt trời mọc ở Phương Đông. Đứa bé trôi sông sẽ có quý nhân tiếp cứu và nuôi dưỡng thành người".

Vị đạo sĩ bỏ đi và chỉ nhận một lon gạo bố thí.

Rồi những ngày kế tiếp, ba và mẹ con tranh luận với nhau về số phận hai đứa bé sắp sinh, nên giữ trai hay gái. Má con thì không quyết đoán, muốn giữ cả hai. Cứ dùng dằng cho đến ngày sinh nở, vấn đề vẫn chưa ngã ngũ ra sao. Rồi đêm hôm lâm bồn, ba độc đoán, bỏ đứa con trai vào cái thúng, buông vào giòng sông.

Khi chiếc thúng được phát giác, không có đứa trẻ, ba nghĩ đã có quý nhân cứu con trai ba. Tưởng thế mọi việc sẽ đi vào bí mật. Sự đau đớn dằn vặt của má con, khi phải bỏ một khúc ruột vừa bứt ra, rồi ngày tháng cũng nguôi ngoai và đổ cả tình thương vào đứa con gái đang trong vòng tay của mình.

Không ngờ mười năm sau, con hắc xà xuất hiện, để dư luận nghiệt ngã đổ lên gia đình mình, âu đấy cũng là cái quả, do cái nhân trôi sông đứa con trai mười năm về trước".

Người đàn bà ngưng câu chuyện ở đây, bà ngồi chống hai chân lên tấm di văng màu gụ, vén cái quần đen rộng ống lên chùi hai bên mép

dính bả trầu. Rồi kết luận: "Ông thấy không, đây là hai câu chuyện hoang đường, một dựng lên do óc tưởng tượng phi phàm của quần chúng. Một do bàn tay ba tôi tạo nên, theo lời nói vu vơ của một gã ăn mày mà ba tôi gọi là đạo sĩ."

**5.**

Sau năm 1975, tôi có gặp một nhà văn quê Hà Tĩnh. Ông ta kể cho tôi nghe nhiều câu chuyện huyền thoại và những nhân vật tài ba sinh ra trên mãnh đất, ngàn đời nghèo đói của quê hương tôi.

Trong những câu chuyện đó, ông có kể về một vị tướng mà nhà văn ấy gặp trong chiến khu. Vị tướng trẻ đó là tư lệnh của một đại đơn vị của Bắc Việt, tiến công vào miền Nam, trong các chiến dịch lớn và nhất là chiến dịch mùa xuân năm 1975, để dứt điểm chiến trường miền Nam. Vị tướng trẻ đó sinh ra bên bờ sông La Lam, và thuở nhỏ sống trên núi Hồng Lĩnh. Ông ta là một kẻ rất bình dân, trông quê mùa như một người cày ruộng, lại thích uống rượu. Rượu đổ vào ông như nước lả đổ vào chum.

Một ngày trong cục R, nhà văn đó ngồi uống rượu với vị tướng trẻ. Lúc rượu đã khá nhiều, hai mắt vị tướng đỏ như hai giọt máu. Một thoáng buồn hiện lên trên khuôn mặt, và ông kéo nhà văn ra ngồi trên một triền núi, kể cho nghe chuyện đời mình.

Vị tướng trẻ đó nói: "Thuở nhỏ tôi sống với người đàn ông mà tôi cứ tưởng đó là ba tôi. Chúng tôi sốngtrên một cái am,lưng chừng dãy núi Hồng Lĩnh. Khách thập phương qua lại, tưởng ba tôi là đạo sĩ còn tôi là chú tiểu. Thực sự chúng tôi sống với nhau như cha con. Ba tôi là một người đàn ông trầm lặng, trầm lặng đến độ như một người câm. Nhưng ông ta thương yêu tôi hết tấm lòng của một người cha.

Năm hai mươi ba tuổi, tôi tốt nghiệp College Vinh. Mùa hè năm đó tôi trở về am, định chuẩn bị qua năm ra Hà Nội học tiếp.

Vào một ngày ông ta dẫn tôi ra mé rừng, nơi tiếp giáp dãy núi Hồng Lĩnh và giòng sông Cả. Ông ta nói hết mọi bí mật, cuộc đời giữa tôi và ông ta cho tôi nghe. Ông ta nói: "Thực sự cha không phải là cha ruột của con, thuở thiếu thời cha là một tướng cướp biển. Cha không

bao giờ cướp trên đất liền, chỉ cướp những tàu bè qua lại ngoài khơi biển Nam Hải. Đời cha vào sinh ra tử trần ai, nhưng cũng lắm đam mê, đó là nuôi con khôn lớn cho đến ngày nay.

Ba lấy ngọn núi này và dòng sông nơi đây làm cứ địa, xuất quân đánh cướp trên biển, lui về ẩn náu trong các hang động vùng này. Trên ba mươi năm hành nghề, vua quan nhà Nguyễn, tụi thực dân Pháp bó tay. Dân ở đây gọi ba là ông "Rú Hống".

Ông Rú Hống mang nhiều huyền thoại hoang đường, đến cái chết cũng được coi như một biến thể của huyền thoại.

Những thập niên đầu của thế kỷ này, dân gian trong vùng Hà Tĩnh ai lại không biết đến chuyện ông Rú Hống. Có một lần ba ra phố chợ, ghé vào một quán ăn, thấy người ta xúm lại bàn về ông Rú Hống. Một cụ già khẳng khái kể lại rằng ông Rú Hống là một người xuất quỷ nhập thần, tinh thông bói độn, biết được việc gì sắp xẩy ra, tính toán như thần như thánh. Một ngày người ta thấy ông Rú Hống ngồi trên một phiến đá ở một đỉnh núi cởi áo bắt rận. Quan quân được báo, đem cả mấy trăm lính bao vây chặt quả núi, cứ thế vòng vây khép lại và tiến lên, nhưng khi lên đến đỉnh núi thì thấy ông Rú Hống đang ở trưởng ngồi bắt rận trên đỉnh núi bên kia. Quan quân lại bao vây và cứ thế ông Rú Hống chuyền từ đỉnh núi này sang đỉnh núi khác, như một trò chơi với quân lính. Đến khi mặt trời khuất núi, ông mới bỏ đi.

Một lần trên con đường số 8, một cụ già ghé lại một cái quán bên đường xin tá túc qua đêm, chủ nhà mở cửa mời vào, nhưng ông từ chối chỉ xin ngủ trước hiên. Nửa đêm quân lính bao vây cửa hàng, nhưng cụ già ra đi từ lúc nào. Đó là huyền thoại của ông Rú Hống.

Thực tình khi ba nghe về câu chuyện ông Rú Hống, ba cũng không biết ông ta có tài ba như thế không, nhưng dân gian thì tin lắm.

Cuộc đời ba thắng kẻ thù nhờ huyền thoại, không phải do thực lực của mình. Huyền thoại của ba reo rắc định kiến chủ bại cho đối phương. Thắng kẻ thù, yếu tố quan trọng nhất là không cho kẻ thù biết mình là ai, muốn thế phải dùng huyền thoại ngụy trang con người thật của mình. Con thấy không, ven rừng này, căn cứ địa của ba có gì

là hiểm trở đâu, nhưng ba đã tạo nên một vùng hoang địa đầy bí mật, cho nên nó trở nên hiểm trở. Ba lấy câu nói của ông Nguyễn Bá Học làm nguyên lý hành động. Tạo nên huyền thoại hoang vu và bí mật để trong lòng vua quan nhà Nguyễn "ngại núi e sông", cho nên dành cho ba một khu bất khả xâm phạm nơi đây.

Ở một dân tộc, dân trí còn kém cõi và nhiều dị đoan như dân trí vùng này, huyền thoại là thành trì vững bền nhất cho một chiến khu. Gần chục năm nay, chắc con có nghe đến con hắc xà trên đỉnh núi Hồng Lĩnh và trên dòng sông nơi đây phải không? Thực sự có ai thấy tận mắt con hắc xà đâu, nhưng ai cũng tin và sợ con hắc xà. Quần chúng và kẻ thù đều tin về câu chuyện con hắc xà và sự khủng khiếp của nó.

Con hắc xà là thành đồng bền vững của ba đấy.

Thuở nhỏ ba học chữ Nho, lớn lên học võ thuật. Bạn bè của ba lắm kẻ làm quan, nhưng ba từ chối những thứ đó. Sống thế này chẳng ai bon chen với mình. Cướp của, thừa tiền đi giúp kẻ nghèo khó.

Một ngày trên dòng sông này, ba bắt gặp một cái thúng trôi giạt vào vùng tử địa của ba, bên trong có một đứa trẻ thật khôi ngô, nhưng đói đến lả đi, không còn khóc được nữa. Ba đem về hang động nhưng lúc đó thật lúng túng. Ba cướp của giết người thì thành thạo dễ dàng, nhưng nuôi một đứa trẻ thì vụng về, không biết phải làm sao. Ba đến một thôn kia tìm vào nhà một phú hộ. Ông ta có một người con dâu vừa sinh con so. Ba giết đứa bé sơ sinh, bắt thiếu phụ về hang động làm mẹ vú cho con. Đời của ba là thế đó, giết một đứa trẻ để cứu một đứa trẻ, đó chính là con người thực của ba.

Thiếu phụ ở với ba trong hang động. Mới đầu còn ủ rũ, ù lì, liều mạng, nhiều lần định quyên sinh. Tuy nhiên ba đã có cách. Ba biết bà ta sợ rắn hơn tất cả cái gì bà ta sợ, ba cho bà ta ngủ với rắn, không phải ngủ với một con mà ngủ với cả chục con rắn độc to bằng bắp chân, ruốt cuộc bà ta sợ ba hơn sợ rắn. Ba quản trị con người như thế đó. Ba nói với thiếu phụ, trên cõi đời này điều đáng sợ nhất vẫn là con người.

Mấy năm sau, bà ta yêu con như con đẻ. Nghĩ cũng lạ đời, tình yêu

là cái hạt giống của loài cỏ cây hoang, nơi nào cũng có thể bén rễ, trổ mầm được. Một hạt cây con chim tha đến, vương vất trên cành chồi, tự nhiên bén rễ, đâm cành làm thân chùm gởi trên cây. Tình yêu người của thiếu phụ kia đối với con cũng thế. Bà ta ẵm ôm con ngày đêm, dần dà thấm sâu vào lòng, để biến thành tình mẫu tử. Người thiếu phụ kia tự quên rằng, vì con mà đứa con ruột của bà ta bị nhát dao phân ra làm hai mảnh.

Một ngày ba chán cái cảnh đi hôm về trầm, lấm lét như con cáo trong rừng sâu, ba bỏ nghề và đuổi người đàn bà trở về hạ bản, ẵm con lên am sống cho đến hôm nay.

Hôm chia tay, người quả phụ đã sụt sùi nước mắt, như người mẹ chia tay đứa con. Nhìn thấy cảnh đó, làm ba trắc ẩn, nhưng chỉ một thoáng rồi đâu lại vào đó. Lòng dạ ba đã dầy dạn với bão tố với mưa sa. Ông Trời đâu cho ba được réo rắt trong tình yêu đâu nữa con."

Sau khi nghe hết câu chuyện về ba tôi, tôi không biết phải xếp ba tôi vào chỗ nào trong tâm hồn tuổi trẻ của tôi lúc đó. Ông ta là một kẻ thiện ác lẫn lộn như vắt xôi đậu nếp.

Tuy nhiên buổi chiều đó là một bài học hữu hiệu và quý giá nhất của tôi, để áp dụng trong cuộc đời binh nghiệp sau này. Nhất là phương thức quản trị con người của ba tôi, nhốt một thiếu phụ đẹp bắt ngủ chung với một hầm đầy rắn.

Sau bữa đó tôi trở về thu xếp ra đi, tôi không ra Hà Nội để tiếp tục học như đã dự định từ trước. Tôi gia nhập đảng Cộng Sản, năm 1946, vào bộ đội đánh giặc cho đến ngày nay. Tôi chiến thắng mọi người, bạn có, thù có, tất cả bằng những phương thức do bài học của ba tôi dạy tôi tại bìa rừng trên dãy núi Hồng Lĩnh năm xưa."

**6.**

Một ngày tôi đến bến xe Lục Tỉnh, tình cờ gặp lại Duyên, người thiếu nữ dạy học với tôi tại Cao Lãnh năm xưa. Duyên đã bỏ nghề cô giáo, đi buôn tạp lục trên những chuyến xe Sàigòn Lục Tỉnh. Duyên cho biết mẹ Duyên đã chết, chết sau ngày Sàigòn thất thủ.

Trước khi chết, mẹ Duyên đã cho biết người anh song sanh, mà

người cha bỏ vào chiếc thúng trôi sông là một vị tư lệnh đem quân chiếm miền Nam và đổi tên một thành phố.

Mẹ Duyên nói: "Giá ngày xưa ông ngoại con chọn người anh trai, bỏ mẹ vào cái thúng trôi sông, biết đâu đất nước lại đỡ bất hạnh và không trải qua những biến động khủng khiếp như hôm nay." Mẹ Duyên cũng nói rằng: "Người đạo sĩ năm xưa quả là kẻ hiểu thấu cơ trời. Nhưng hiểu thấu cơ trời không có nghĩa là xoay chuyển được mệnh trời. Phương thức tách rời một đứa trẻ bỏ thúng trôi sông chỉ là phương thức vá víu, tạm bợ của loài người, nhưng chung cuộc vẫn như nhau. Dứa anh đạp đầu đứa em ra trước, vẫn quay lại giết em, đó là cơ trời không thể thay đổi được, đó là hai cung mệnh khắc nhau như nước với lửa." Bà con nói tiếp: "Nhiều câu chuyện hoang đường, thời gian dần dà sẽ biến thành câu chuyện thật, chẳng hạn như chuyện con hắc xà trên dãy núi Hồng Lĩnh và cái thúng đựng quái thai trên dòng sông Cả, người ta tưởng đó là câu chuyện hoang đường. Thực sự đó là câu chuyện có thật, câu chuyện kéo dài cả mấy chục năm và kết thúc vào ngày 30 tháng 4 năm 1975, để một thành phố phải đổi tên, Sàigòn - Hồ Chí Minh".

Mãi mãi sau này, tôi vẫn bị ám ảnh bởi một chi tiết trong câu chuyện trên đây. Người đạo sĩ khất thực ngồi trước cửa gia đình nông dân và ông Rú Hống, có liên hệ gì với nhau hay không? Người cha nuôi của vị tướng trẻ, khi kể về cuộc đời ông ta, có cố tình quên đi cái chi tiết kẻ đã đạo diễn nên cái thúng trôi sông và câu chuyện quái thai sinh ra con hắc xà trên dòng sông Cả năm nao?

Trong thế gian, chuyện nào xảy ra mà chẳng có chút ít hoang đường.. Chuyện hoang đường nào mà chẳng mang một phần sự thật...[ ]

*HUỲNH LIỄU NGẠN*

## HƯƠNG GIANG

*

*chiều êm xuống mấy cửa thành xuống qua*
*cửa chợ em thành Hương giang có tôi*
*xuôi ngược từ ngàn hoa trưa héo nụ*
*bên đàng em qua chiều nay xuống phố*

*qua phà qua sông nhìn nước chảy và*
*nhìn mây dưới sông cá lội từng bầy*
*rong rêu xanh mát em gầy liếc ngang*
*dạ thưa con nước Hương giang bên ni*

*tả ngạn đò ngang em về không dưng*
*lẽo đẽo cây thề thốt xưa quên hết*
*lời thề gió bay Huế ơi xa mấy*
*tháng rầy mà về lại thì em bay*

*em bay em bay em bay mất rồi!*

NGÔ NGUYÊN DŨNG

# người đi bên cạnh tôi

*

Tỉnh lại sau cơn mê, vật đầu tiên Ngàn nhận thấy là trần nhà vôi trắng lờ mờ trong vũng ánh sáng yếu ớt. Không biết ở đâu, cũng không rõ mấy giờ. Khẽ xoay cái đầu nặng trịch như bao cát ngậm nước, Ngàn cảm thấy nhức thốn. Cơn đau truyền xuống ngấn cổ trơ cứng, lan đến từng khớp xương làm người nàng tê buốt. Ngàn cố nhớ lại, nhưng ký ức mù sương đặc quánh. Nàng nhấc cánh tay còn cử động được sờ lên mặt, mới hay cả đầu bị băng bó cứng ngắc như một xác ướp. Hai tai trống bắt được tiếng "tít, tít" đều đặn của một bộ máy nào đó. Trong không khí có mùi thuốc khử trùng và môi Ngàn khô khốc, lưỡi dắng chát mùi vị không quen.

Khi ngũ giác Ngàn sờ soạng, dò dẫm ghi nhận những hình ảnh đầu tiên sau giấc mê dài, trong tiềm thức sâu thẳm chợt vọng lại tiếng cười dáng yêu, giòn tan đầy sinh thú. Khởi đi từ tiếng cười ấy, như đầu một sợi dây dài, Ngàn mon men lần những gút thời gian trong trí nhớ mù câm. Hiện lên nhiều khuôn mặt thân quen trùng nhập lên nhau. Có Christian, bé Kim và vô số những diện mạo lạ. Nhưng rõ nét nhất vẫn là diện mạo của người con gái ấy. Cô ta khoảng chừng hai mươi, tóc dài ngang vai, hai mắt buồn, sống mũi thẳng, cặp môi đầy và nụ cười duyên dáng. Từ những chi tiết ấy, Ngàn rùng mình hồi tưởng sự việc vừa xảy ra. Như một đoạn phim quay chậm, mà Ngàn vẫn là khán giả duy nhất, nàng sật sờ xem lại một quãng đời gần, lặng lẽ bên ngoài mà đầy những biến động nội tâm.

*

Ngàn quay số điện thoại của Christian tại văn phòng. Chuông reo dỗi lâu chàng mới nhấc máy:

– A-lô, Christian Henke nghe đây.

Ngàn nghe giọng mình lạnh lẽo thốt:

– Em gọi để báo anh hay là chiều nay em vắng nhà.

– Có chuyện gì vậy?

– Không có chuyện gì cả.

Cuối đường dây bên kia, Christian gằn giọng hỏi:

– Em đùa đấy à?

– Không, em chỉ muốn đi thăm một người bạn.

– Sao em không chờ cuối tuần hẵng đi, còn bé Kim?

– Em sẽ gửi bé Kim tại nhà mẹ anh. Em vừa được tin có người bạn thân lâm bệnh nặng, đang nằm tại bệnh viện ở K., em muốn tới thăm anh ta lần cuối. Christian buông tiếng thở dài, hỏi khẽ:

– Bao giờ em về?

– Nội tối nay. Anh đừng chờ em, đi làm về nhớ ghé ngang nhà mẹ đón bé Kim. Thức ăn tối em đã làm sẵn, cất trong tủ lạnh, chỉ cần cho vào máy hâm lại. Trước khi cho bé Kim đi ngủ, anh nhớ lau tay rửa mặt, thay áo ngủ và nhắc con bé đánh răng. Anh chịu khó đọc cho con nghe một đoạn trong tập truyện cổ tích để ở đầu giường...

Christian ngắt lời Ngàn:

– Ngàn!

Sau ngần ấy năm sống chung mà Christian phát âm tên nàng vẫn còn ngập ngọng. Ngàn im lặng.

– Hình như em giấu anh chuyện gì?

Ngàn lặp lại câu trả lời khi nãy:

– Không có chuyện gì cả.

Christian nói lửng lơ:

– Thôi chúng ta sẽ nói chuyện sau. Em cứ đi, nhớ về sớm!

Giọng Ngàn không cảm xúc:

– Chào anh.

Ngàn gác máy, cõi lòng đóng băng lạnh. Nàng ngước mặt nhìn ra

vườn xanh. Nắng tàn thấp thỏm trên hàng dậu thấp. Có tiếng chim léo nhéo gọi hoàng hôn. Trên cỏ, chiếc ghế gỗ sơn xanh đỏ của bé Kim nằm chỏng chơ, con vịt nhựa vàng ngã úp trong thau nước tắm. Trong vườn nhà bên cạnh, đám trẻ con vẫn còn tóe nước trửng giỡn đuổi nhau. Mùa hè thật sự bắt đầu từ hôm nay với cái nắng bất ngờ ụp xuống thành phố sau nhiều tuần mưa dầm. Thời tiết đẹp bất xứng với cái tin bất ngờ Ngàn nhận được vào xế trưa, Vĩnh đang nằm chờ chết trong bệnh viện tại K. Nghe người bạn nhắc lại cái tên thân thuộc ngày xưa, tim Ngàn chợt lạc nhịp. Nếu khi trước Vĩnh chịu từ bỏ cái tham vọng văn chương và Ngàn chấp nhận những nông nổi bốc đồng của chàng thì mọi chuyện đã đổi khác. Ngàn không phải dằn vặt với cuộc sống hôn nhân dị chủng, không phải đau khổ với những mối tình vụng trộm của Christian những năm gần đây. Còn Vĩnh, có lẽ đã không hóa thành ngựa chứng, lao mình vào cuộc đuổi tìm danh vọng phù phiếm.

Tuy không còn liên lạc với Vĩnh, nhưng suốt thời gian qua Ngàn luôn luôn theo dõi các sáng tác của chàng trên những tờ báo văn học. Nàng âm thầm bước cạnh Vĩnh giữa những dòng văn chương, cố hình dung ra Vĩnh qua những nhân vật hư cấu. Dần dà, Ngàn biết Vĩnh vẫn còn ôm chiếc và sống một cuộc đời phóng túng. Trong bài phỏng vấn mới đây của nguyệt san *Người Bút*, Vĩnh đã trả lời như sau khi được hỏi về tình trạng gia đình: "*Tôi đã lập gia đình từ nhiều năm rồi. Vợ tôi là văn chương, bảy con của chúng tôi là ba quyển tiểu thuyết, năm tập truyện ngắn và một cuốn tập ghi đã xuất bản. Bạn thân tình của tôi là rượu. Khi sáng tác, tôi cần có chai cognac bên cạnh để gợi hứng. Rượu từ trái tim tôi tuôn theo dòng mực xuống giấy trắng thành thơ văn. Văn chương tôi là men rượu kết tinh. Máu thịt tôi do rượu mà thành. Chỉ cần hôn tôi, sẽ say choáng váng*". Đọc đến đây, Ngàn đã cười thầm vì ý nghĩ ngông nghênh của Vĩnh, để sau đấy lại lo lắng vu vơ. Nàng tự hỏi, không lẽ Vĩnh sống đời bê tha trụy lạc thế sao? Lòng nàng dấy lên mối thương cảm mơ hồ, không rõ đó là tình yêu ban đầu còn sót lại hay chỉ là nỗi ái ngại thông thường của tâm hồn mẫn cảm. Lá thư Ngàn viết gửi Vĩnh nhờ tòa soạn chuyển không được hồi âm. Mãi đến khi một

người bạn của Ngàn và Vĩnh vào bệnh viện thăm Vĩnh thì được chàng nhờ liên lạc với Ngàn để báo tin này. Từ giây phút ấy, Ngàn bất chợt tìm ra sự thật của lòng mình bấy lâu, là nàng vẫn còn yêu Vĩnh. Tuy xa mà Vĩnh vẫn bước cạnh Ngần như chiếc bóng. Văn chương chàng là hơi thở quê hương truyền vào đời sống Ngàn bên người chồng dị chủng.

Lần đầu tiên khám phá mùi nước hoa đàn bà vướng trên áo Christian, Ngàn đã hạch sách chồng đủ điều. Christian chối quanh. Tiếp theo là những tối về muộn mà Christian viện cớ vì công việc nhiều. Ngàn vạch vịa săm soi tìm dấu vết ngoại tình trên áo chồng. Không còn mùi hương lạ, thay vào đó là một sợi tóc dài vàng hoe quấn trong nút áo. Ngàn lặng lẽ khóc khi nghe Christian thú tội. Chỉ là một cuộc vui chơi, giọng Christian ngọt như mật, em tha lỗi cho anh, lần này là lần cuối. Christian quỳ xuống, áp đầu vào ngực Ngàn. Nàng vuốt tóc chồng như người mẹ vỗ về đứa con nhỏ vừa trở lại nhà sau một thời giang hồ phiêu bạc. Ngàn vừa âu yếm Christian vừa vọng tưởng đến những nhân vật trong văn chương Vĩnh.

Ngàn giữ những bài viết của Vĩnh rất cẩn thận, mua tất cả sách xuất bản của chàng. Đôi khi Ngàn còn lờ mờ nhận ra hình bóng nàng trong dòng văn chương Vĩnh. Người đàn bà ấy tên Liên, yêu nhân vật xưng tôi mê đắm, nhưng đành phải xa nhau vì bản tính ương ngạnh của mỗi người. Chỉ vì vậy. Giản dị như hai người đồng hành một mùa nghỉ hè ngắn, rồi giã từ, trở về với những bận bịu riêng. Đọc xong đoản văn ấy, Ngàn rợn người cảm động. Câu chuyện không có gì đặc biệt, nhập và kết thật bất ngờ. Nhưng đẹp ở văn phong chân phương, trong sáng. Nhất là khi Vĩnh tả cảnh thiên nhiên, lúc chàng hóa thân nhập vào thơ, viết những vần đột hứng rồi thả bay theo gió. Không gian là ngọn đồi thấp và những vòm cây già cỗi nhìn xuống đại dương xanh biếc, càng xa bờ càng xanh. Bên phải, ven sườn đá soải, lơ thơ cây cỏ, là những ngôi nhà nóc bằng, tường vôi trắng có những ô cửa trông ra khơi ngàn. Nhân vật tôi đã nói với Liên sau đó: "Nếu em lấy tôi, có nghĩa là em phải sống chung với văn chương và rượu". Giọng Liên khẩn khoản, bạt theo gió: "Văn chương không nuôi anh nổi và rượu là

độc dược tàn phá cơ thể anh". "Không sao, đời người hữu hạn em à. Em không nghe sao? Lũ ve sầu liên hoan ca múa chỉ một mùa hè". Người đàn bà tên Liên quay mặt giấu khóe mi ướt, xoay lưng bước chậm xuống đồi. Ngàn bắt được tiếng ve rền vang trong tâm tưởng, lê thê đuổi theo bước chân thiểu não của người đàn bà, nghe như chuỗi cười khiếm nhã. Trong thoáng chốc, Ngàn nhập vào nhân vật bướng bỉnh dáng thương ấy, chạy như bị săn đuổi về phòng khách sạn, lục tìm tập bản thảo chàng viết mấy hôm rồi, xé thành trăm mảnh. Vĩnh kết thúc truyện ngắn tựa đề "*Người đi bên cạnh tôi*" như sau: "*Tuy tôi và Liên không còn gặp nhau nữa, nhưng trong sâu kín tim tôi, lúc nào cũng có nàng đi bên cạnh*".

*

– Mami, mami, mình đi dâu đó?

Bé Kim cố nhoài người ra chiếc ghế con đã cài dây an toàn, léo nhéo hỏi Ngàn. Nàng nghiêng đầu liếc nhìn cho con yên tâm, đáp:

– Mami và Kim đi về nhà nội.

Con bé reo lên khoái chí:

– A, về nội thăm Pussy.

Rồi một tay Ngàn vỗ tay lái, miệng ca lắp đáp bài hát trẻ con:

– Này là một đàn vịt con... Hát đi con... đi ra bờ sông tắm chơi...

Bé Kim cười rúc rích, dãi đớt họa theo:

– Này là một đàn vịt con...

Ngàn ngân ư ử theo bài ca con hát, nhìn ra cửa kính. Nắng chợt tắt. Một dụn mây xám từ dâu kéo đến, mắc nghẽn nơi rặng cây trên ngọn đồi bên kia xa xa. Ngàn sực nhớ tới bản tin dự báo thời tiết trưa nay, chiều tối sẽ có mưa dầm. Ngàn chợt ái ngại khi nghĩ tới đoạn đường đến K.

– Mami, hát đi! Này là một bầy vịt con...

Giọng bé Kim réo lên sau lưng. Ngàn lúc lắc đầu, huýt sáo theo điệu nhạc.

Cũng may, vì có Pussy nên bé Kim không đòi theo Ngàn khi nàng hôn từ giã con. Con bé chỉ ngước mặt hỏi, hai mắt tròn xoe:

Mami đi đâu vậy?

Ngàn bẹo má con, giọng êm như ru:

– Mami đi thăm người quen. Lát nữa papi sẽ tới đón con về nhà.

Bé Kim vẫn không ngừng thắc mắc:

– Chừng nào mami về?

– Tối nay.

– Mami nhớ về sớm để kể chuyện ru con ngủ nhé!

– Ừ, mami sẽ về sớm.

Tiễn nàng ra cửa, mẹ Christian ngẩng lên nhìn trời mây xám, lo lắng hỏi:

– Con có mang dù theo chứ?

– Có rồi, mẹ khỏi lo.

– Có cần mẹ nhắn lại với Christian chuyện gì không?

– Mới nãy con có điện thoại vào hãng dặn dò anh ấy kỹ lưỡng lắm rồi.

Bà cụ vẫn chưa an lòng, nói với theo:

– Lái xe cẩn thận nhé con!

Ngàn gật đầu, khép cửa gỗ, cài chốt sắt, vẫy tay chào bà cụ lần cuối. Khi rẽ ra xa lộ, trời giăng mây tối sầm. Lòng đường lóe ánh đèn ngược xuôi. Nơi lưng chừng không gian và thời gian tối sáng, Ngàn nhớ tới truyện dài "*Một văn chương*" của Vĩnh viết về những chặng đường ra mắt sách của một ông văn sĩ đi chung với người bạn gái tốt bụng tên Nghi, cũng là một nữ độc giả hâm mộ văn ông. Cuốn sách đã gây chấn động trong văn giới cũng như đã bị độc giả phê phán gay gắt vì tính phóng túng của câu chuyện. Nhân vật chính xưng tôi được diễn tả là một văn sĩ nhiều đam mê, mải miết đi tìm cái đẹp văn chương tuyệt đối. Không thấy. Dần dần ông ta lâm vào trạng thái suy tâm lý và khủng hoảng sinh lý, luôn luôn bị dục tính dày vò. Nữ độc giả theo ông chặng đường đầu, được ông nâng niu chìu chuộng như một người

em gái. Sang chặng đường thứ hai, nửa đêm vào nghỉ tạm trong một bãi vắng ven xa lộ trước khi tìm quán trọ, ông đã cưỡng hiếp cô gái. Trong chặng chót của tuyến đường ra mắt sách, vì thất bại dồn dập, ông văn sĩ đã đối xử với cô gái như một người vướng bệnh bạo hành. Cuối cùng, khi chiếc xe chết máy dọc đường, cạnh cánh đồng sau cơn bão tuyết, ông văn sĩ đã khuân chồng sách đốt sưởi cho cô gái co ro ngồi quấn chăn bên trạm xe liên tỉnh.

Tự dưng, lúc này, Ngàn nhớ đến câu chuyện tình kỳ lạ, đầm dục tính nhưng rất thơ mộng ấy. Nàng tự hỏi, người văn sĩ trong truyện có phải là Vĩnh? Nếu quả thật vậy thì trời ơi, Ngàn không ngờ nổi đam mê văn chương của chàng mạnh mẽ đến thế. Vượt cả những nhân tính bình thường. Phá vỡ bức tường luân lý kiên cố, nghênh ngang bước vào những vùng đất cấm. Dù những phê phán gắt gao, Ngàn vẫn cho rằng đấy là quyển sách cốt lõi trong sự nghiệp văn chương Vĩnh. Nó đưa ra những tham vọng tầm thường của con người, những xâu xé nội tâm khi biết rằng chân lý chỉ là vọng, và cuối cùng thiêu hủy tất cả những căn nguyên dẫn tới khổ đau dằn vặt.

Giọt mưa đầu tiên rơi xuống kính xe lúc nào Ngàn cũng không hay. Khi cảnh vật trước mặt bỗng nhiên phủ nước nhạt nhòa. Ngàn mới hốt hoảng bật quạt kính. Những tia đèn ngược chiều sáng lóe nhức mắt, Ngàn bật máy phát thanh. Người xướng ngôn viên thông báo về những đoạn đường nghẽn xe. Ngàn mừng thầm khi thấy bảng chỉ lối rẽ vào K phía trước. Người bạn gọi điện thoại báo tin trưa nay đã dặn dò kỹ càng: "Bệnh viện nằm gần đại học y khoa, chỉ cần tới đó hỏi thăm, ai cũng biết".

Vĩnh nằm trong khu nội khoa, dãy K, tầng năm, phòng 503. Hành lang bệnh viện sơn xanh nhạt, sàn lót thảm nhựa lau chùi bóng loáng. Ngàn bối rối chùn chân vài giây trong thế giới của bệnh nhân, mũi vướng vất mùi thuốc khử trùng. Một cô y tá đi ngang, hỏi nàng đến thăm ai. Ngàn lúng túng trả lời:

– Tôi tìm phòng 503.

Người dàn bà trẻ mỉm cười thân thiện:

– Cánh cửa thứ ba, bên phải.

Ngàn lí nhí cám ơn và đưa cô ta bó cúc vàng mua trong máy tự động đặt trước cổng bệnh viện:

– Cô vui lòng cắm vào bình hộ tôi. Cám ơn.

Cô y tá gật đầu nhẹ, cầm bó hoa vòn vẹn năm nhánh bước thoăn thoắt vào phòng trực. Trong nháy mắt, Ngàn bàng hoàng nhận ra dường như nàng đã nghiệm trải khung cảnh này khi nào một lần rồi. Vẫn những hạt mưa tưới nghiêng lên mặt kính cửa sổ cuối hành lang. Vẫn hai dường gạch lát men trắng song song viền chân tường. Vẫn những chụp đèn nê-ông rưới ánh sáng lờ nhờ hấp hối. Và cánh cửa sơn xám ấy, tay Ngàn đã gõ lên khi nào?

Vĩnh nằm một mình trong căn phòng hai giường. Ngàn nhoẻn miệng cười, khẽ gọi:

– Anh.

Tia mắt Vĩnh sững sờ rồi bập bùng dấy lửa trên khuôn mặt xương xẩu tái ngoét. Cặp môi khô, xanh lắp bắp:

– Ngàn... đó sao?

Rồi chàng trườn người dậy, dựa lưng vào thành giường. Vuông ngực mỏng như thanh gỗ được bọc bởi chiếc áo ngủ lụng thụng. Ngàn nhỏ nhẻ kéo ghế ngồi xuống cạnh giường, đặt tay lên năm ngón khẳng khiu của Vĩnh duỗi trên mép nệm.

Có tiếng gõ cửa, tiếp theo là bóng áo trắng của cô y tá lướt vào, bước lại đặt bình hoa trơ trọi vài đóa vàng rực lên mặt bàn đêm. Ngàn và Vĩnh đồng loạt lên tiếng cám ơn.

Ngàn nhỏ giọng hỏi:

– Sức khỏe anh thế nào?

Vĩnh đáp với nụ cười héo trên môi khô:

– Yếu.

Ngàn siết nhẹ tay Vĩnh. Những ngón tài hoa đổ mưa văn chương trên nghìn trang sách giờ nằm bất động trong tay nàng. Vĩnh thều thào giọng khàn:

– Không ngờ gặp lại em hôm nay, tình cờ vào một chiều mưa. Em còn nhớ đêm mưa ngày xưa không?

– Nhớ chứ anh.

– Cả buổi trưa trên đỉnh đồi nhìn xuống Địa-trung-hải và những vần thơ gửi theo gió.

– Vâng.

– Và những trang sách anh đốt sưởi ấm bàn tay em sau cơn bão tuyết năm nào?

Ngàn chợt hiểu, gục đầu vào tay Vĩnh, rưng lệ đáp:

– Nhớ.

Bàn tay kia của Vĩnh vuốt nhẹ tóc nàng. Người đàn ông cười se sẽ:

– Em thấy đó, xa cách ngần ấy năm trời mà chúng ta vẫn gần nhau, vẫn ấm áp hương lửa ba sinh. Tất cả những nhân vật nữ chính trong truyện anh viết đều chất chứa hình bóng em.

Ngàn bật khóc rấm rứt:

– Em biết.

– Anh phạm một lỗi lớn, đã chọn văn và rượu.

Ngàn ngẩng đầu, rút khăn giấy chùi khóe mi ướt:

– Em cũng đã quyết định sai.

Vĩnh nhìn vào mắt Ngàn, hỏi:

– Cho anh biết điều này, em có hạnh phúc không?

Ngàn trầm ngâm vài giây rồi thấp giọng đáp:

– Có lẽ chỉ một nửa.

– Anh cũng thế.

Rồi cả hai bật cười thú vị. Sau đó Vĩnh từ tốn kể cho Ngàn nghe bệnh trạng chàng. Sơ gan và ung thư dạ dầy, tất cả do rượu mà ra. Chàng bảo, đã trả cái giá quá đắt cho tham vọng văn chương, nhưng không còn có cách chọn lựa khác. Văn chương là nghiệp dĩ, như một món nợ vay từ kiếp nào, kiếp này phải trả. Xong nợ là hết.

Ngàn ngồi lắng nghe Vĩnh tâm sự với nhiều tư vấn mông lung. Còn nàng đã vay ai món nợ hạnh phúc kiếp nào để kiếp này chỉ nhận được

phân nửa? Như có ngọn lửa châm vào bể dầu, tâm hồn Ngàn phừng phực cháy. Ngàn hoảng hốt nhận ra những đốm điểm soi yếu trong phòng lạnh chứa xác. Nhân vật ấy tên Hồng, lẻn vào nhà xác để sống đêm cuối cùng với chồng vừa qua đời vì bệnh nan y. Căn phòng băng giá. Người đàn bà bật đến que diêm cuối vẫn không đủ sưởi ấm hai bàn tay tê. Buổi sáng, người y công đẩy cửa bước vào, tìm thấy người đàn bà lạ nằm chết cóng cạnh xác một người đàn ông Á châu.

Ngàn giật mình liên tưởng tới cái-cảm-giác-thấy-lại mới này. Thì ra nàng đã nghĩ đến một truyện ngắn của Vĩnh đã đọc ở đâu đó. Chỉ có điều lạ, cảnh trí trong truyện giống gần như tuyệt đối cảnh trí bệnh viện nơi đây. Ngàn luồn những ngón tay vào nhau, bấu chặt để khỏi run rẩy.

Từ đó cho đến khi đứng dậy từ giã Vĩnh, Ngàn chỉ lửng lơ trả lời khi được hỏi. Nàng muốn hôn vĩnh biệt Vĩnh, nhưng nhìn cặp môi lạnh như nhánh lá khô, Ngàn chỉ cúi xuống kề mặt lên gò má chàng. Cả hai chúc nhau những lời khách sáo, dẫu thâm tâm hiểu rằng đây là lần cuối. Ra tới cửa, trời vẫn còn rắc mưa, Ngàn sực nhớ đã bỏ quên cây dù trong phòng bệnh.

*

Người con gái Á châu dí mặt sát cửa kính, cặp môi tái mấp máy. Ngàn quay kính xuống, nở nụ cười thân thiện, hỏi bằng tiếng bản xứ:

– Cô cần chi?

Cô gái đáp, cũng bằng ngôn ngữ bản xứ:

– Tôi muốn quá giang tới H. Bà có đi về hướng đó không?

Ngàn cười xòa:

– Tôi đang trên đường về H. đây và cần có người ngồi cạnh trò chuyện để khỏi buồn ngủ.

Ánh mắt cô gái rực lên:

– Ô may quá.

Ngàn nhoài người mở cửa xe cho cô gái. Cô mặc áo thun trắng, quần ka-ki cụt màu vàng rơm, nước da sạm nắng. Hành lý vỏn vẹn một

xách tay ny lông đen. Khuôn mặt ướt loang dấu điểm trang nhạt. Tóc bết vào nhau, lòa xòa ngang vai. Nhận xét đầu tiên của Ngàn về người con gái mơ hồ kỳ lạ. Nhưng chắc chắn một điều, Ngàn đã gặp cô ta đâu đó một lần rồi. Trong ngày hội Tết hàng năm? Trong buổi tiệc cưới nào đó hay nhân lễ lạc thành Viên Giác tự? Nghĩ thế, Ngàn bạo dạn cất tiếng:

– Tôi có linh cảm, cô là người cùng quê hương với tôi.

Cô gái quay nhìn thẳng vào mắt Ngàn, cao giọng:

– Việt Nam?

Ngàn reo lên bằng tiếng mẹ:

– Vâng, tôi tên Ngàn.

Giọng cô gái véo von như chim:

– Em tên Nga.

– Tên gọi trong nhà của tôi cũng là Nga vì lúc đặt tên, cha mẹ tôi không hay là trùng với bà cô hay bà sờ thời xửa thời xưa nào, sau ông bà ngồi lật gia phả cho xem, đành phải sửa lại giấy khai sinh.

Ngàn đưa cho Nga hộp khăn giấy. Nga chùi lấy, chùi để cặp mắt và hai vành tai ướt. Rồi cô mở xách tay, lấy lược gương chải lại mái tóc. Thấy Ngàn vẫn chưa mở máy xe, Nga hỏi:

– Chị còn chờ gì?

Ngàn nhún vai giải thích:

– Tôi vừa đổ xăng xong, còn đang lưỡng lự không biết có nên vào quán uống một tách cà-phê hay không thì gặp cô.

– Thì em và chị vào uống một tách cà-phê.

– Bây giờ thì không cần nữa vì đã có bạn đồng hành.

Nói xong, Ngàn xoay chìa khóa. Chiếc xe run nhẹ. Ngàn ngước nhìn kính chiếu hậu, đẩy khẽ cần sang số, đạp ga, bẻ tay lái. Xe trườn vào bóng tối cơn mưa trút. Ngàn bật quạt kính. Tiếng cao su cào sột soạt trên mặt gương chiếu ánh đèn đỏ của vài chiếc xe phía trước, xa dần rồi lòe nhòe mất hút trong màn mưa đục.

Giọng Nga vang lên, thấp như một nốt nhạc trầm:

– Chị biết em vừa đi đâu về không?

Ngàn cười khẽ:

– Làm sao tôi biết được.

– Từ nhà một người quen. Không, phải gọi anh ấy là người yêu mới đúng. Chị thấy em liều lĩnh đến độ ngu đại, điên cuồng không? Mẹ em hay được chuyện này, chắc giết em chết. Em nói dối là đi thăm một con bạn vừa từ trại tị nạn bên Phi-luật-tân sang, bị bệnh nặng phải nằm nhà thương.

Ngàn thắc mắc:

– Việc gì phải nói dối? Bên này chứ có phải bên nhà.

Nga liến thoắng:

– Nói như chị thì mọi chuyện đã êm xuôi. Người yêu của em ấy à? Anh ấy lớn hơn em gần hai mươi tuổi, đã có gia đình. Con gái lớn của anh ấy cũng suýt soát bằng tuổi em.

Nga chặc lưỡi:

– Nếu vậy thì... hừm... khó thật!

Bỗng Nga giơ tay chỉ rối rít:

– Đấy, đấy, chị có thấy gì không? Ồ mất rồi.

Ngàn dứ chân chạp thắng ngơ ngác hỏi:

– Cái gì vậy?

– Một con thú từ rừng cây chạy đến lề đường thì hoảng hốt phóng trở vào.

– Con thú gì?

– Trông như mèo. Phải rồi, một con mèo rừng.

– Làm gì có mèo rừng ở chốn này?

– Hay mèo nhà đi hoang cũng không biết chừng.

Mẩu đối thoại ngẫu nhiên khiến Ngàn rùng mình nhớ lại chiều mưa dậy thì ngày xưa. Mười tám tuổi, ở Gia Định, trên căn gác chật rên rỉ tiếng mèo gọi tình, với Vĩnh. Ngàn cũng đã mượn cớ sang nhà bạn soạn bài học để hẹn hò với một người đàn ông trung niên.

Người con gái lại mở xách, lục lạo móc ra một bao thuốc lá nhầu nát.

– Chị có hộp quẹt không?

Ngàn nhớ tới bao diêm của Christian vất lơ đễnh trong hộp xe phòng khi hữu sự.

– Trong hộp xe trước mặt cô đấy.

Không hỏi, Nga thản nhiên bật lửa châm hai điếu, đưa cho Ngàn một. Ngàn bối rối lắc đầu:

– Tôi không hút thuốc.

– Hút thử một lần cho biết.

– Không, tôi không hút thuốc được mà.

– Thử một điếu, có sao đâu? Chị xem này!

Vừa dứt lời, người con gái rít một hơi sâu, chu miệng thổi những vòng thuốc quấn quít lãng đãng trong không khí nặng sệt hơi nước. Ngàn cảm thấy vui lây, đón lấy điếu thuốc kẹp giữa hai ngón vụng về. Hít hơi đầu tiên, Ngàn chỉ giữ trong miệng, tiếp nhận vị đắng thấm vào đầu lưỡi tê sè. Nàng vội vã phun khói. Cảnh quá khứ theo làn khói xám lại lung linh trở về. Cô Ngàn mười tám ngồi trân người đón nhận hơi thuốc đầu đời truyền từ miệng người đàn ông sành sõi. Cảm xúc choáng váng. Sợ hãi và thú vị cùng lúc. Những ngón tay bật hàng nút bóp "tách, tách". Mưa vỗ rầm rập trên mái tôn. Giọt nước mắt ứa trong lần chăn gối đầu tiên. Vĩnh úp thân thể ấm trên người nàng thật lâu, rồi bật ngửa ra nói: "Anh thèm một tách cà-phê thật đậm và một điếu thuốc thật đắng". Ngàn ngồi dậy, khoác sơ-mi Vĩnh lên người, xỏ đôi dép chàng đi trong nhà, tới chéo bếp bật lò đun nước sôi. Nàng mồi thuốc lá cho Vĩnh. Hai người ngồi kề nhau bên khung cửa gỗ hẹp, nhìn ra ngoài mưa. Hương cà-phê thơm kỳ lạ. Khói thuốc lá đen quyện vào khói cà-phê tan trong không gian tù hẹp của một xóm nghèo ngoại ô, mà sao hôm ấy, Ngàn thấy dường như vừa mở ra nghìn cánh cửa ngời ánh sáng. Dưới mái nhà bên kia, giăng mắc hàng điện câu, nàng thấy lờ mờ dáng một con mèo đen rúm thân trú mưa, xù lông tìm

hơi ấm. Có tiếng trẻ con đùa nghịch dưới lòng hẻm và tiếng rao mì "lắc cắc" từ xa vọng lại.

Ngàn trút nỗi thắc mắc từ nãy giờ:

– Hình như tôi đã gặp Nga một lần rồi, nơi nào không nhớ.

Nga ngửa mặt cười giòn, đùa cợt hỏi:

– Một lần hay nhiều lần?

Chợt cô đổi giọng nghiêm trang:

– Em chưa gặp chị bao giờ. Chị lầm em với một người khác rồi.

Ngàn gật gù:

– Cũng có thể, vì dạo này tôi hay nhiều việc, gặp những người mà tôi có cảm tưởng đã trải qua, đã biết họ ở đâu đó, ít nhất một lần.

– Ồ, chị biết người ta nói đó là hiện tượng gì không?

– Không.

– Ảo giác.

Ngàn lắc đầu, giọng quả quyết:

– Không đâu, không thể gọi đó là ảo giác. Nga biết tôi tin điều gì không?

Nga quay mặt nhìn Ngàn, hai mắt mở lớn:

– Điều gì?

– Tôi tin con người có thể thấy lại quá khứ mình, trong khoảnh khắc hạnh ngộ. Để tôi kể cho Nga nghe về những giao cảm của tôi và nhà văn Đỗ Xuân Vĩnh. Nga đọc tác phẩm của ông ta lần nào chưa?

Nga đáp như reo:

– Có chứ, em thích nhất tập *"Người đi bên cạnh đời tôi"*.

Ngàn cất tiếng đều đều:

– Tôi vừa đi thăm ông ta trong bệnh viện về. Ông bị chứng suy gan và bướu dạ dầy, kết quả của rượu và đời sống phóng túng. Ông ấy là mối tình đầu của tôi đấy, nhưng vì bản tính chúng tôi khắc kỵ nhau nên không thành vợ chồng. Xa nhau nhiều năm, hoàn toàn không liên lạc, vậy mà hôm nay gặp lại, mới hay là chúng tôi luôn luôn gần gũi, như hình với bóng. Ông ta đến với tôi bằng các sáng tác đăng rải rác

trong những tập san văn chương. Tôi vẫn kể cận ông ấy qua vai trò của những nhân vật nữ.

Nga lắp bắp hỏi:

– Thì ra chị cũng là Liên trong *"Người đi..."*

Ngàn ngắt lời:

– Vâng, Liên là tôi đây. Tôi còn là cô gái bị ông văn sĩ dày vò lợi dụng trong cuốn *"Một vạn chương"*. Tôi cũng là Hồng, người vợ chung thủy, lẻn vào nhà xác sống đêm sau cùng với người chồng vừa qua đời. Tất cả nhân vật chính trong toàn bộ tác phẩm của nhà văn Đỗ Xuân Vĩnh đều chứa đựng ít nhiều hình bóng tôi. Có điều khiến tôi băn khoăn mãi, vì đôi khi ông ta thấy trước những chuyện mà tôi chưa thấy...

Nói tới đó, Ngàn giật mình người, xoay nhìn cô gái ngồi bên cạnh. Nga vẫn bình thản phà khói. Làn hơi xám phủ tản mạn khuôn mặt tái xanh, màu trắng đêm cuối mùa. Mười ngón tay Ngàn cử động vô ý thức trên tay lái. Tiếng quạt kính cửa lệt sệt trên mặt gương tóe nước. Ngàn vừa nghĩ tới một truyện ngắn của Vĩnh kể lại cuộc gặp gỡ kỳ dị của một người đàn bà và một cô gái, cũng vào một đêm mưa dầm trên xa lộ, ba ánh đèn ngược xuôi. Cô gái chính là quá khứ xuân xanh của người đàn bà ấy. Ngàn không dám nghĩ tiếp, nàng đưa tay che miệng, ngăn tiếng kêu sững:

– Trời ơi.

Nga nhẹ nhàng đặt tay lên vai Ngàn, di chuyển chậm xuống bên dưới. Cả người Ngàn tê điếng, thấy trước mặt là phiến gương lớn, in bóng nàng đầy thì mũm mĩm với hai bàn tay đưa lên vuốt ve đôi nhũm ngực nhum múp. Ngàn hoảng hốt hét lên một tiếng "không", dùng tay hất văng những ngón quá khứ ám ảnh ghê rợn từ lâu nay. Chiếc xe chao lệch. Ngàn bẻ mạnh tay lái, thấy người và xe lao vút vào vệ lộ. Tiếng bánh lê trên mặt nước sũng nước, nghe sàn sạt như lướt trên băng. Ngàn tất tả đạp thắng. Cảnh vật phía trước nhòe nhoẹt rối rắm, cùng với âm thanh đổ vỡ của một chấn động mù. Ngàn bị lôi tuột vào bóng tối sâu hút, trôi về miền tĩnh lặng tuyệt đối. □

*TRẦN SA*

# ĐỒI HOANG, HẠ, BIỂN, ÁO CÒN XANH

*Mùa hạ khi vui khi buồn*
*Thành phố khi rực rỡ khi nhàm chán*
*Buổi sáng có khi ngáp dài*
*Những ly cà phê sóng sánh nâu thì quyến rũ*

*Bây giờ thì cứ*
*Đi ngang qua bãi biển tay trong túi*
*Biển đẹp lúc hoang vu*
*Sự cô độc tự do thì thơ mộng*
*Hãy tận hưởng*

*Bây giờ thì cứ*
*Mỉm môi cười màu hồng*
*Sự ngang bướng, rồ dại, hồn nhiên, nhiệt tình,*
*thành thật, đam mê, khổ đau, thất vọng,*
*Và hy vọng...*
*Đó là những điều mỗi người già vẫn đang*
*âm thầm tiếc nuối*

*Cất giữ cẩn thận những tình yêu trong đời*
*Mai sau còn đem ra ngắm nghía*
*Cười mỏm mém kể, ngày xưa...*
*Lúc mắt mờ tay run chẳng mối tình xưa nào xấu cả*

*Mùa hạ có khi vui khi buồn*
*Nhưng mùa thu sẽ buồn hơn mùa hạ*
*Áo còn xanh ơi*
*Nhớ xanh nhé trên đồi hoang!*

*Phụ bản TRẦN SA*

**PHẠM THỊ NGỌC**

# florence

*

Ngày xưa, trong một lúc lẫn lộn giận yêu, chàng đã phê bình tôi một câu như vầy, "Em sao con gái gì mà khó bảo." Bây giờ, hiện giờ, khi lại một lần nữa chỉ còn một mình trên quãng đường đời thênh thang, tôi có nhớ đến chàng, và tôi thấy điều chàng nhận xét ngày xưa chưa thấm vào đâu so với hiện tại. Ngày xưa, tôi đã giải thích cho chàng hiểu tại sao tôi cứng đầu, giải thích bằng một vài câu về "tiểu sử", về "thuở ấu thời" mà tôi nghĩ giá ngày xưa tôi đừng nói gì thì hơn. Nhưng cũng chẳng sao. Chàng hiểu được gì, tôi hiểu được gì, bây giờ cũng chẳng có gì khác biệt đối với tôi. Ngày xưa, vào cái thời mà chàng còn có thể gắt "Sao em ngày càng cứng đầu" đó, và vào khi tôi còn có thể giải thích cho chàng, tôi nói rằng tôi lớn lên thiếu thốn sự đùm bọc của người đàn ông nên ra như vậy. Sau 75 tôi không có cha, và lại mất đi người anh khi anh tôi đổ xuống như một loài cổ thụ hoang bị đốn ngã, mở ra một mảnh trời, hé ra một chút mặt trời cho các loài sâu bọ cây dại khác từ trước tới giờ vẫn sống dưới bóng cây. Ngày ấy, chàng không thích cách giải thích của tôi. Nhưng bây giờ, nhớ lại cách giải thích ấy chỉ làm cho tôi thấy buồn cười, và nhớ nét mặt đăm chiêu của chàng lúc ấy càng làm tôi thấy buồn cười hơn. Tôi, con nít con nôi, giải thích tâm lý học. Chị tôi từ thuở bé cho đến thuở lớn luôn có bố tôi che chở, luôn có bố bênh vực cho cả những lần chị tử chiến với trẻ con họ hàng láng giềng. Vậy mà lớn lên chị vẫn không trở thành nữ nhi nhu nhược. Nhưng, chị tôi hình như sanh ra đã là một

nghịch lý (chứ không chỉ là một ngoại lệ), một *antithesis* (nói theo tiếng triết học cho oai). Và còn mẹ tôi nữa. Mẹ tôi không thiếu sự hiện diện của người đàn ông trong đời bà, lập gia đình khi còn rất trẻ, và chỉ xa ông ngoại tôi khi bà cùng chồng đi Nam. Nhưng về mẹ tôi, tôi nghĩ đó là một đề tài tôi chỉ nên nói thật ít.

Tôi nhớ tôi có nói với chàng thuở ấu thời làm tôi cứng đầu, nhưng cũng làm tôi cần có một người đàn ông, có lẽ cần hơn mọi người đàn bà bình thường khác. Điều này tôi không bao giờ phủ nhận hay đem ra để khôi hài. Lúc nói với chàng, tôi có thu người tôi lại trong vòng ấm thoát ra từ người chàng. Nhưng bây giờ, tôi biết rõ hơn, tôi cảm thấy rõ hơn, sự thiếu thốn của tôi. Tôi biết, dẫu có chàng trong căn phòng này đi nữa, dẫu có chàng bên trong vòng ấm của tôi đi nữa, tôi vẫn thấy chưa đầy đủ. Sự hiện diện không đầy đủ. Sự hiện diện của chàng là sự hiện diện không đầy đủ. Dù sao, tôi cũng mừng vì ngày xưa tôi đã không nói với chàng điều đó.

Anh tôi, ngày xưa đứng trên mặt đất vững vàng như một loài cổ thụ, bây giờ nằm dưới lòng mặt đất, chẳng còn là gì. Đã mười mấy năm rồi, hình ảnh về cái chết của anh trở về trong trí nhớ tôi cũng chỉ phảng phất mơ hồ thôi. Ngày giỗ, tôi đi thăm mộ, đem theo vài chậu hoa tươi và hoa giả. Nhớ về anh, tôi có một ý nghĩ: anh già quá. Già trong mọi chọn lựa, từ áo quần đến bạn bè đến cả lời ăn tiếng nói. Anh già, nhưng lại quá trẻ trong sự lựa chọn bạn gái. Anh mê một đứa con gái chỉ hơn tôi có non một tuổi. Thu Sương với tôi ngày ấy chưa bao giờ nói chuyện với nhau. Thu Sương tiểu thư mấy ai được gặp, tôi có bao giờ được dạy thế nào là tiểu thư. Thu Sương... học dốt, tôi đỡ dốt hơn. Thu Sương ra đường chỉ đi chơi với em gái, tôi có cả một bầy bạn gái.

Bây giờ, có lẽ tôi chẳng còn bạn nào nữa. (Mười mấy năm qua rồi, đến bây giờ tôi mới bắt kịp Thu Sương của mười mấy năm trước). Thu Sương bây giờ nghe dâu cũng đã hai con, và vừa mới ly dị chồng. Anh tôi còn sống chắc chẳng đi đến chuyện gì với Thu Sương, nhưng chắc anh cũng chẳng vĩ đại như tôi đang vĩ-đại-hóa anh bây giờ. Sống bấy nhiêu cũng đủ.

Tôi quay lại khi mẹ tôi bảo sửa lại chậu hoa bên cạnh bia đá. Tôi làm theo lời bà, rồi hai mẹ con đọc đoạn kinh ngắn trước khi rời nghĩa trang. Có lúc tôi nhìn bà, và nghĩ hình như sự phiền khổ không còn nữa trên nét mặt bà, trên hơi thở bà. Mười mấy năm rồi, anh bây giờ sướng hơn mẹ. Nhìn bà, tôi muốn để ý, tìm một nét lạ nào đó qua khuôn mặt. Lâu nay bà hay than tim đau, đau nhất là khi tôi cãi, cho nên đừng cãi bà nữa. Tôi cho đó là một cách bà dọa tôi, làm áp lực bắt tôi phải lấy chồng. Nhưng tôi vẫn để ý một nét lạ nào đó, nếu có.

"Bây giờ, mình đi thăm bà Florence. Tiện có con về mẹ mới đi thăm người ta được," mẹ tôi nói.

Florence Baudoin. Tên Florence Baudoin lướt thật nhanh trong đầu tôi, tìm ra một khuôn mặt. Hình ảnh Florence Baudoin được gợi lên, làm lòng tôi chợt chùng xuống.

Nhưng trước khi lên xe, đầu óc tôi chưa bỏ hẳn mộ anh. Tôi nhớ, những buổi trưa ngày xưa còn bé, tôi hay đến bên anh những lúc anh ngủ, vạch mí mắt anh ra để xem lúc anh ngủ mắt anh đi đâu, có nhìn thấy tôi không. Tôi nghịch mợm vạch mí mắt anh bằng bàn tay nhỏ, vạch rồi lại buông, buông rồi lại vạch. Mắt anh vẫn còn nguyên ở đó, không đi đâu cả. Mắt hơi lồi, còn đủ cả lòng trắng lòng đen. Nhưng anh không nhìn thấy tôi. Tôi nghĩ rằng anh chỉ giả vờ ngủ, và giả vờ không nhìn thấy tôi. Chỉ giả vờ thôi.

*

Chàng có đi với tôi một lần đến thăm bà Florence Baudoin. Chúng tôi đứng gõ cửa mãi mới được bà ra mở cửa cho vào. Chàng lúng túng khi bước vào một thế giới hiu hắt của một người đàn bà bảy mươi không chồng. Tôi thì không lạ lùng gì cả, vì đã biết trước. Tôi không có mục đích đem chàng đến để khoe với bà. Tôi đến vì muốn chào bà trước khi tôi đi học xa. Dù có chàng, nhưng tiện đường, thành thử tôi ghé vào từ giã một người đã đối xử với gia đình tôi rất tốt.

Tôi nhớ chàng đã lúng túng khi bước vào thế giới ngăn nắp không một hạt bụi, và cũng là một thế giới lạnh lẽo thiếu ánh sáng của một bà già độc thân. Trong thế giới đó, sự tối tăm lờ mờ lúc nào cũng đòi

người ta phải điều chỉnh lại con người khi bước vào, sự sạch trơn từ sàn nhà cho đến vách tường đến cả mọi góc cạnh làm người ta không dám đi sâu vào quá vài bước từ ngưỡng cửa. Sàn nhà gỗ bóng loáng làm chàng lúng túng cởi giầy. Bà Florence bảo cậu không phải cởi giầy. Nhưng khi chúng tôi đã bước vào trong, và khi tôi ngồi nói chuyện còn chàng thì đứng ngắm tranh trên tường, có lúc chàng toan rút bao thuốc từ trong túi áo thì Florence đã vội nói cậu đừng hút thuốc ở đây. Chàng đưa mắt nhìn tôi, và tôi cười trong mắt để chàng biết rằng tôi hiểu chàng đang nghĩ gì. Florence quay qua tôi và hỏi tôi sắp đi có cần thêm tiền không. Tôi trả lời thưa không, tôi đến chào bà vì tôi coi bà như mẹ. Bà bảo từ bé đến lớn tôi là đứa con gái ngoan, bà muốn tôi luôn ngoan như vậy.

Mắt Florence sau cặp kính nhà giáo nhìn thẳng tôi. Mắt bà xanh, xanh như đôi mắt của loài mèo, xanh biếc tôi thấy cả con người chính giữa. Màu tóc thì thay đổi theo thời gian, nhưng màu mắt thì không thay đổi và vẫn còn tinh sáng lắm. Florence ngồi đối diện tôi, ngồi thẳng lưng trên chiếc ghế bành bà thường ngồi, chân này chéo qua chân kia dưới làn áo *wardrobe*. Chân bà xỏ đôi giày đi ở trong nhà, loại giầy bông thật nhẹ. Nhưng đôi cổ chân bà, tôi thấy, sưng vù như bị phù thủng, đôi chân sưng trắng bệch, đây đó lốm đốm những mảng da nám màu nâu nhạt.

Tôi nghĩ, hình thù của đôi chân người ta cũng là do cuộc đời, số mệnh uốn nắn. Hình thù đôi chân, đôi bàn chân, tùy thuộc vào loại giầy dép người ta mang, vào mặt đất người ta đứng, vào lộ trình người ta phải đi qua. Đôi chân mẹ tôi lòi mắt cá hai bên, có những lần gân từ đó chạy lần lên ống quyển. Bàn chân mẹ tôi bị chai ở gót, lâu lâu đau nhói bà bảo tôi cắt hộ bà lớp da khô chai dầy cộm. Có lần, khi tôi hỏi về một vết thẹo ở bắp chân, mẹ tôi kể ngày còn bé bà bị chó nhà ông ngoại cắn bậy. Tôi nhìn bà không hiểu. Bà giải thích, chó nhà ông và bà trẻ.

Khi chúng tôi đứng lên cáo từ Florence thì ngày đã ngả về chiều. Đèn đường đã tự động bật sáng dù trời chưa đậm màu. Tôi ngỏ ý muốn xem khu vườn của Florence thì bà nói cứ tự nhiên nhưng còn bà thì ở

lại trong nhà vì bà không hay ra ngoài vào giờ đó. Khi cánh cửa lưới vòng ngoài được đóng lại, tôi chỉ còn thấy lờ mờ vạt áo Florence di động loáng thoáng ở bên trong, và rồi cũng biến mất khi bà đóng nốt cánh cửa gỗ. Chàng hỏi tôi cốn muốn coi vườn nữa làm gì. Thật ra, tôi muốn nhìn lại căn nhà bên cạnh, nơi gia đình tôi đã ở được năm năm đầu khi mới đến.

"Ở lại với em một lát nữa thôi," giọng tôi thấp, "phim chưa đến xuất mà."

Căn nhà bên cạnh, căn nhà gỗ sơn vàng với rất nhiều cửa sổ, là nơi đã đòi hỏi ở chúng tôi tất cả sức chịu đựng của con người. Đó là nơi đã chất chứa tất cả những tiếng thở dài não nề nhất khi một gia-đình liên tiếp trải qua những tang thương, phân ly, lỡ làng. Tôi có kể chàng nghe tuổi thơ của tôi ở căn nhà đó. Tôi đã nói cho chàng nghe những gì tôi ao ước cho tương lai, những ao ước nảy sinh từ tuổi thơ tôi. Bình thường thôi, phải không anh. Tôi đã hỏi, nhưng chàng không trả lời. Cũng chẳng có gì cần thiết.

Căn nhà bên cạnh có rất nhiều cửa sổ, những cửa sổ viền nâu trên vách nhà vàng. Căn nhà bên cạnh có rất nhiều cây, những cây cao thấp trổ hoa thơm ngát những mùa xuân. Tôi đứng bên hàng rào ngăn chia hai nhà, nói với chàng về một loài hoa màu hồng bên vườn nhà cũ:

"Hoa *azelea* đó anh, còn gọi là hoa quyên."

*

Ngày chúng tôi đến thành phố, hoa *azelea* chưa nở. Ngày chúng tôi đến thành phố, vào mùa đông, nước Mỹ có rất ít để chào đón. Một nửa căn nhà trống trải, đêm ngủ trên sàn nhà gỗ gió lạnh lùa dưới gầm nhà lạnh thấu qua lưng. Bên nửa kia của căn nhà, bên kia vách tường và cánh cửa gỗ luôn luôn được khóa kín, là những cô hàng xóm có lẽ vì nghề nghiệp nên không thân thiện, những cô kỹ nữ thức đêm ngủ ngày nên lâu lâu vào những buổi sáng nào chúng tôi hơi ồn họ đã ném mạnh một vật cứng vào cánh cửa gỗ để nhắc nhở. Tiếng cạch chát chúa khi một vật cứng đập vào cánh cửa nghe thật dữ dằn, nhưng

đó chỉ là một chi tiết nhỏ trong một xã hội đầy bất ngờ này. Ngày chúng tôi mới đến, nước Mỹ vào mùa đông chỉ có những cơn mưa lạnh đi trước những lần tuyết rơi lấm tấm. Nửa bên căn nhà chúng tôi có cả mười sáu khung cửa sổ, những khung cửa sổ dài hình chữ nhật được che bằng những tấm màn ny-lông mỏng bám đầy bụi, để những khi mưa gió nhìn ra đường tôi chỉ thấy nước Mỹ ở nơi chúng tôi tứ phía là mưa lạnh. Màn cửa ny-lông rẻ tiền, trong suốt, tôi có thể thấy được khi anh tôi đạp xe về nhà giữa trưa thứ bẩy bảo rằng trời mưa ướt át không có khách rửa xe nên chủ nó bắt về sớm. Màn ny-lông trong suốt, mỗi buổi tối tôi có cảm giác như từ ngoài đường người ta nhìn vào để thấy chúng tôi bên trong đang làm gì, chúng tôi còn có thể làm gì nữa. Và những buổi tối khi đã tắt đèn, tôi nằm nhìn qua cửa sổ, qua màn ny-lông trong suốt, nhìn ngọn đèn ga-ra nhà bên cạnh, nguồn ánh sáng duy nhất của căn nhà, nhìn và đoán xem nước Mỹ còn gì cho chúng tôi nữa không.

Khi tôi tâm sự với chàng rằng tuổi thơ của tôi ở đó sâu đậm hơn tuổi thơ ở Việt-nam, chàng đã cười và cho đó là chuyện dĩ nhiên. Tôi còn quá nhỏ để nhớ, chàng nói. Nhưng tôi nhớ, tôi nhớ rất rõ. Tôi chỉ không hay nói ra điều tôi nhớ, và nhiều khi cũng chẳng nói ra rằng tôi nhớ. Những kinh nghiệm không vui thường đậm màu hơn, tôi muốn nói như vậy. Nơi căn nhà có cả thảy mười sáu khung cửa sổ, những khung cửa sổ như những ngõ thoát của hạnh phúc, là nơi tôi được trải qua những kinh nghiệm rất khiêm nhường nhưng rất căn bản của cuộc sống. Nơi đó đã dến thật rõ ràng bấy nhiêu mưa và nắng, bấy nhiêu tuyệt vọng và hy vọng, bấy nhiêu nước mắt và tiếng cười, đưa và đón, mộng và thực. Không bao nhiêu cả, chỉ vừa đủ cho tôi.

Trước khi mùa đông đi qua, những người hàng xóm đã dọn ra khỏi nhà bên cạnh. Mùa xuân đến, có người Việt ở thế vào chỗ đó, hai vợ chồng Việt cũng kín cổng cao tường. Mùa xuân đến, mẹ tôi có thể bước ra ngoài và khởi sự một góc vườn nhỏ ở sân sau, chiều đi học về tôi có phận sự tưới. Chủ nhà, sau mùa đông đã đến và dọn lại cỏ cây chung quanh nhà cho quang hơn. Nhưng hình như ông đã không trở lại lần nào nữa suốt mùa xuân đó. Mùa xuân, cây cỏ đã được dọn tàm

tạm quang đãng, tôi có thể chơi rượt bắt vòng quanh, lâu lâu khám phá ra đây đó có vài cốt xương khô của những con mèo hoang đã chết dưới gầm nhà.

Và, mùa xuân cũng ấm áp đủ khiến bà Florence như một loài chồn sóc thò ra đường thăm xuân, đứng làm quen với tôi bên kia hàng rào.

Lần đầu đối diện bà Florence, tôi ngỡ như mình đang thấy một bà tiên. Bà đạo mạo với mái tóc trắng búi cao, với khuôn mặt gầy nghiêm nghị, với cách phục sức dịu màu trang nhã. Tôi đang đứng tưới những cây hoa khi bà lên tiếng gọi, giọng cao. Tôi ngẩng lên nhìn, nhưng dù cho bà đã như là một bà tiên trước mắt tôi, sự xuất hiện đột ngột của bà đã làm tôi thấy sợ. Mấy hôm trước, em trai tôi trong một lúc nghịch ngợm với cái ná đã lỡ tay bắn một hòn sỏi qua bên vườn của người hàng xóm đàng sau. Viên sỏi bắn lỡ không làm gẫy hoa, không làm vỡ cửa kính, không làm chết chim chóc, nhưng bà chủ nhà cũng dọa gọi cảnh sát. Anh tôi cũng mấy hôm trước trong ngày dọn vườn, đã đốt lá khô ngoài sân sau. Khói bốc đã gây báo động sở cứu hỏa, và chỉ độ mười lăm phút sau đã có hai xe cứu hỏa đầy đủ vòi rồng còi hú kéo đến trước nhà. Cho nên sự xuất hiện trong nháy mắt của bà Florence đã làm tôi giật mình. Tôi có làm gì sai không, tôi chỉ đang tưới cây thôi.

Tôi hiểu khi bà nói rằng bà là Miss Baudoin, nhưng tôi có thể gọi bà là Florence. Miss Florence hỏi tôi học lớp mấy trường nào và giáo viên tên gì. Tôi nói tôi học tiểu học La Rosen, cô giáo tên Ernie. Cô Ernie ngày xưa là học trò tao, Miss Florence nói. Tôi không biết nói à như vậy bà là sư tổ của tôi nên tôi im lặng.

Khi tôi vào nhà và báo động mẹ tôi rằng có người hàng xóm muốn gặp, bà nhìn tôi ái ngại như trời ơi con lại làm chuyện gì nữa đây. Ngày đó, tôi rất sợ làm mẹ tôi buồn, những cơn buồn cấn thêm vào những cơn hoang mang khi chưa ổn định đem bà tới mức nóng nảy tôi chưa bao giờ thấy. Tôi cố làm bà vui lòng. Đàng nào đi nữa, ít nhất tôi đã không bỏ nhà ra đi như các anh chị em khác trong nhà hết thẩy đều

đã ít nhất một lần bỏ nhà ra đi rồi lại trở về. Cảnh bỏ nhà ra đi đã buồn, cảnh trở về lại càng buồn hơn.

Sáng đó là sáng Chủ nhật. Gặp mẹ tôi, Florence nói rằng bà hay thấy chúng tôi đi bộ đến nhà thờ, vậy mai mốt hãy đi chung xe với bà nếu muốn. Thế là mẹ tôi có được một người láng giềng gần, một người láng giềng tốt. Mẹ tôi, cả một đời chỉ biết lo cho chồng con, không có đến một người bạn gần gũi. Nhưng Florence không chồng con mà hình như cũng chẳng có bạn bè, cũng chẳng thân thiện với hàng xóm chung quanh. Quen được một thời gian, tôi biết bà chỉ có hai thứ để bầu bạn: cái ti-vi, và cái xe hơi hiệu Ford truyền lại cho bà từ đời song thân. Cái ti-vi để mở từ sáng đến tối Florence bảo là để cho căn nhà còn có tiếng người. Cái xe Ford bốn cửa tuy đã lâu đời nhưng còn được giữ gìn rất kỹ tôi nghĩ không bao giờ được lăn bánh đi đâu quá ba mươi dặm từ sân dậu.

Tôi theo mẹ vào nhà Florence cái ngày bà mở cửa mời láng giềng vào chơi. Florence bảo từ ngày mẹ bà chết, cách đây cũng hơn hai mươi năm, căn nhà bà không có gì thay đổi. Cho nên trước khi bước vào nhà bà, tôi đã tưởng tượng đến một viện bảo tàng, và khi đã bước vào rồi tôi không hiểu sao bà có thể sống trong sự u tối đó mấy chục năm. Tôi rón rén bước qua từng phòng trong nhà Florence, chân nhẹ nhàng nhón gót, tay không dám chạm bất cứ đồ vật gì trong nhà, sợ làm xê dịch vị trí đã được ổn định từ mấy chục năm qua. Mẹ tôi sửng sốt trước sự nối tiếp êm đềm từ đời mẹ sang đời con của gia đình Baudoin, một sự tiếp nối gần một thế kỷ không gián đoạn. Mẹ tôi sửng sốt vì nơi đây, mặt đất quá hiền hòa người ta có thể dung thân tại một chỗ duy nhất suốt một thế kỷ, hay nhiều thế kỷ nữa, dung thân yên ổn, không cần phải biết, không cần phải thấy, và có lẽ không tin rằng ở những nơi khác, dù trên cùng một mặt đất, một thế kỷ trải qua đã có liên tiếp nhiều thế hệ như những lớp sóng táp vội vào bờ, đến rồi đi, những thế hệ bỏ đất mà đi, những thế hệ vùi sâu dưới lòng đất.

Mùa xuân đến đem theo loài *azeleas*, loài trà mi, mộc lan, và những thứ hoa khác tôi không biết tên. Mùa xuân thứ nhất, các anh tôi tính lại chuyện học hành, trong đó có anh thu xếp vào nội trú, để lại

cho tôi mấy chậu cá lia thia. Trước tuần nghỉ xuân, tôi đem giấy nhà trường về nhà, giấy mời phụ huynh đến trường cùng với giáo viên kiểm điểm lại học vấn của con em. Lần ấy anh tôi tò mò, ký giấy sẽ đến. Anh đã đến gặp bà giáo Ernie, để trở về nhà với phiếu điểm của tôi và một nụ cười khó hiểu.

Anh đưa tôi xem phiếu điểm, nói, "Bà Ernie cho anh biết em đang chơi với vài đứa trẻ không ngoan".

Tôi cầm phiếu điểm, chột dạ, dù đã biết trước điểm của mình. Không có gì quá đáng, chỉ có điểm hạnh kiểm là dưới mức "có thể chấp nhận được". Tôi dán mắt vào phiếu điểm, không hiểu những đứa khác giờ này cũng đang nhìn phiếu điểm không biết có bấn loạn hơn tôi. Tôi không nhớ tôi có tội gì, chỉ nhớ có một lần, sau giờ ra chơi, chúng tôi trở vào lớp mà theo lời bà Ernie lúc đó thì chúng tôi không còn hình dạng gì cho thấy chúng tôi là con người. Bà Ernie nói khó hiểu quá. Hèn chi chúng nó vẽ râu lên hình bà, bắn bi trong lớp bà, nghịch lửa trong lớp bà, truyền thư trong lớp bà, dấu chìa khóa vào lớp của bà. Tôi vui vì đã được lũ trẻ Mỹ thu nhận và ưa thích. Tôi vui vì được nhập bọn với Karen thông minh nhất lớp, và Quinn Martie nghịch ngợm nhưng hay bênh vực bạn. Có lẽ, anh tôi cũng vui vì em gái đang bắt đầu sống trở lại nên anh cười. Tôi, một đứa trẻ, đang tập sống trở lại giữa những đứa trẻ khác giống. Những đứa trẻ không biết phân biệt nòi giống để ghét hay để ưa. Tâm tình mọi đứa trẻ dưới mọi nơi đều giống hệt như nhau. Trẻ em không ngoan nhưng cũng không nên có anh hùng. Một xã hội huấn luyện trẻ em thành anh hùng là một xã hội có một cái gì đó đã sai.

Bà Ernie cuối năm ấy về hưu. Dù không ưa bà, bọn trẻ cũng định tổ chức một bữa tiễn đưa bà, chỉ thêm cớ để khỏi phải học. Tôi xung phong viết thư tiễn biệt, dù chẳng ai mời, dù biết mình còn dở chữ. Bọn trẻ chỉ ậm ừ thôi. Tôi cũng không quan trọng hóa việc viết thư, nháp được một trang rồi cất một góc lớp. Rồi tôi quên bẵng. Gần đến ngày bãi trường, bà Ernie dọn lớp và bắt được lá thư. Lá thư viết nháp cũng đủ làm bà rơi lệ, và chẳng nói chẳng rằng bà đến ôm chầm lấy con Quinn Martie là đứa học trò thiếu khả năng nhất. "Quinn Martie,

tôi không ngờ trò đã viết lên những lời này." Bà Ernie nghẹn lời. Tôi có cảm giác rất chính xác là nước mắt của bà không hơn gì những giọt nước mắt ứa ra khi tôi ngáp dài mỗi sáng. Karen nhìn tôi, nói vừa đủ để tôi nghe rằng nó biết tôi mới là người viết thư đó. Nhưng bà Ernie cũng biết chứ! Nét chữ đó là nét chữ của tôi, lời lẽ đó chỉ có tôi mới viết được, bà là người chấm bài tôi hằng ngày chẳng lẽ bà không biết! Tôi nhìn Karen, cười, *Oh, I lied*, tao viết xạo đó mày.

Nhưng cũng từ đó trở đi, tôi biết tôi không nên viết dối những chuyện như vậy nữa. Tôi vẫn viết dối, chỉ không viết dối để người tôi không ưa hiểu lầm tình cảm của tôi thôi.

Không được chuộng bằng một đứa học trò bản xứ, tôi cũng chẳng lấy gì làm buồn rầu. Điều làm tôi khó chịu là bà Ernie sau khi đã về hưu vẫn thường hay lui tới nhà tôi, như thể bà là người giàu lòng bác ái. Bà Ernie đến chơi nhưng ít khi nào ghé sang thăm người thầy giáo cũ của bà là Florence. Bà Ernie bảo Florence từ hồi nào đến giờ vẫn khó tính, luôn luôn có một thái độ như mình ở một địa vị cao hơn mọi người, rất khó thân. Đến đỗi Florence đã từ chối hôn nhân với vị hiệu trưởng vào thuở xưa khi còn dạy học. Ông ta về sau làm đến thị trưởng, còn Florence vẫn là gái già. Bà Ernie hé một tí tình sử của Florence, kể qua khói thuốc. Chẳng hiểu vì bà Ernie đã hút thuốc lá hay sao mà tôi đã cảm thấy không thích nghe.

"Sao bà không lấy chồng?" Mẹ tôi vui miệng hỏi Florence một lần. Florence im lặng, tôi tưởng bà sẽ quay qua và dạy rằng đó là một câu hỏi thiếu lịch sự, như khi bà bảo tôi là bấm kèn inh ỏi trước sân nhà người, dù người quen, là một hành động bất lịch sự. Nhưng Florence đã trả lời mẹ tôi, vì dù sao mẹ tôi cũng không phải là người đáng ghét nhất đã hỏi bà điều đó. Florence nói bà không định để sống độc thân, bà cũng không nghĩ bà phải lấy chồng, bà đã sống một lối sống thích hợp nhất nên chẳng bao giờ nghĩ đời sống bà có thể khác đi như thế nào.

Câu trả lời của Florence chẳng trả lời gì cả. Tôi cũng chẳng thắc mắc gì, chỉ tưởng tượng bà ở một mình trong căn nhà đó thừa chỗ quá,

giá chi bà cho tôi vào ở ké. Tôi tưởng tượng một mình tôi một phòng trong căn nhà rộng rãi mát mẻ. Nhà tôi chật chội hơn nhiều, sự chật chội không có chi là đầm ấm cả, và nhất là không buồn cười đâu. Mùa đông thứ hai, một người anh của tôi trở về từ nội trú với cánh tay bó bột. Cả nhà không hề được anh báo tin bị gẫy tay, gẫy vì chơi đô vật trong giờ thể thao trường. Mùa đông ấy, Florence mua quà cho tôi, đôi găng tay màu đỏ bà mua từ một trong những hiệu đắt nhất. Đôi găng tay màu đỏ quá sang trọng tôi không bao giờ dám đeo vì không hợp với loại quần áo tôi mặc. Mùa đông ấy, Florence cũng báo tin em gái bà sắp trở về từ Trung-hoa. Laurie, người em gái ngoài sáu mươi tuổi của Florence đã mãn việc ở tòa lãnh sự Hoa- kỳ tại Trung-hoa và sẽ về nghỉ hưu với chị. Và, cũng như chị, Laurie Baudoin không hề lập gia đình.

Những ngày Laurie mới về là những ngày nhà Florence đông khách nhất. Khách đến thăm lẻ tẻ, kéo dài nhiều ngày, và đến khi không còn khách nữa thì Laurie qua nhà chúng tôi chơi. Laurie cũng cốt cách như người chị già, dáng dấp nhỏ nhắn thanh tao, y phục màu sắc trang nhã. Những câu chuyện của Laurie rộng đề tài hơn của chị, những câu chuyện như vô tận của người từng nay đây mai đó trong cõi Á-châu bao la. Nhưng, Laurie nhấn mạnh chữ nhưng, bà chưa bao giờ được đến Việt-nam cả. Laurie đi khắp Á-châu trong mấy chục năm liền nhưng không một lần dừng chân lại Việt-nam, về đến nhà lại nghe chị nói rất nhiều về những người Việt-nam sống bên cạnh. Vâng, Laurie nói chuyện rất khéo léo, bắt hết từ chuyện này qua chuyện kia để sự hiện diện của Florence ở đó chỉ còn là một sự hiện diện phụ thêm. Lần có Laurie ghé sang chơi, mẹ tôi ngại ngùng phân trần nhà chúng tôi không có gì đẹp đẽ để dẫn bà đi thăm nhà. Cắt lời mẹ tôi, Florence nói rằng mai kia chúng tôi sẽ phải đến thăm kho tàng Laurie mới đem về từ Á-châu, những đồ đạc trang hoàng quý giá Laurie sẽ dùng vào căn nhà mới.

Mẹ tôi sửng sốt hỏi Florence, "Vậy bà sẽ dọn đi sao?" Florence lắc đầu, trả lời rằng Laurie sẽ dọn ra riêng. Hai chị em, nhưng vẫn là hai

thế giới riêng biệt, và cả hai đều đầy đủ, vững vàng trong thế giới riêng của mỗi người.

Laurie về cũng kịp đám tang anh lớn của tôi vài tháng sau đó. Trong những ngày gia-đình tôi lúng túng trước cái tang bất ngờ, Florence và Laurie đã luôn luôn ở cận kề, một sự thường trực quá chu đáo chúng tôi không thể dòi gì hơn. Khi anh tôi đã yên mồ, Florence bảo chúng tôi nên thay màn cửa, và vài ngày sau bà đem qua nhà chúng tôi bộ màn cửa bên nhà bà, treo từ đời người mẹ. Bộ màn cửa *custom-made* cũ kỹ chỉ vừa cho phòng ngủ. Mẹ tôi không có ý kiến gì về chuyện thay màn. Vải màn dầy cộm che ánh sáng mặt trời ban ngày làm cho căn phòng lúc nào cũng mang một màu lờ mờ khiến tôi liên tưởng đến nhà quàn.

Florence nói, qua những khung cửa sổ thiếu màn che của chúng tôi, có nhiều tối bà đã thấy rõ mồn một cảnh sống gia đình tôi.

Tôi không hiểu bà có nhìn qua nhà tôi chăng, tối trước đêm anh tôi ra đi vĩnh viễn. Chẳng hiểu bà có thấy tối có bức ảnh Mẹ Hằng Cứu Giúp trên tường đã tụt đinh rơi xuống đất, để anh lật đật đi tìm búa đóng đinh vào tường treo tranh trở lại. Chẳng hiểu bà có thấy tối đó anh đã mình trần đứng trước gương chải đầu bực mình không biết sẽ rẽ ngôi tóc bên phải hay bên trái hay chính giữa. Chẳng hiểu tối đó bà có nhìn qua chăng, để thấy anh tôi bực dọc hơn mọi ngày, mắng mỏ em lớn em bé là một lũ ngu như bò, để thấy tôi nằm quay mặt vào tường bực bội thầm giục thôi anh đi làm thì đi đi cho tôi còn ngủ.

Và anh đã đi luôn, để tôi còn nhỏ bước vào những bóng đêm dài nhất cuộc đời, dù không có ác mộng, những bóng đêm khi tôi ngộp thở nằm lắng nghe những tiếng động sẽ sàng nhất để tưởng chừng như anh đang trở về nhà, lưu luyến xác nhận sự hiện diện của anh, sự hiện diện mỏng manh nhẹ hẫng chỉ có tôi mới biết.

Anh đi luôn để tôi vỡ tan, vỡ tan tôi biết tôi không thể nào gượng dậy nổi. Anh buông bàn tay giữ dất để tôi chìm sâu, chìm sâu để vùng vẫy đạp chân đạp tay hoài mà tôi vẫn không tài nào ngóc được lên trên.

Tôi đã nằm nín thở, không dám thở, nhìn bóng đêm không hiểu tôi còn muốn gì nữa, còn có thể muốn gì nữa. Tôi nhìn bóng đêm nước Mỹ nơi chúng tôi ở, không biết nước Mỹ còn gì cho chúng tôi, còn có thể còn gì nữa cho chúng tôi.

*

Cuốn phim chúng tôi đi xem là một phim về chuyện tình của một người đàn bà với một người đàn ông điên. Một tình yêu thật bền bỉ của nàng dành cho chàng, bỏ gia đình xã hội để tìm đến với chàng, đi với chàng qua những cơn điên loạn, sẵn sàng chịu đựng khi người đàn ông điên trút cơn giận dữ vô nghĩa lên nàng, thô bạo giải quyết sinh lý trên nàng. Cuối phim, người ta bắn chết chàng để cứu đứa bé trai, con của chàng và nàng, mà chàng trong cơn điên loạn đã bắt đi trong đêm. Một người điên bị bao vây bởi muôn người tỉnh, sợ hãi nắm lấy cổ đứa bé con mình và cứ siết chặt siết chặt cho đến khi một viên đạn bắn xuyên qua lưng chàng, viên đạn của những người tỉnh không còn biết cách nào khác hơn một viên đạn.

Tôi thì nghĩ rằng cuốn phim ấy không thể có một kết thúc nào khác. Dù thế, tôi cũng quay hỏi chàng lúc chàng dắt tôi ra về.

"Lúc coi phim, anh có khóc không?"

"Anh mà khóc gì!" Chàng reo nhỏ, rồi kéo tôi lại gần khi hai đứa đi bộ với nhau một quãng đường dẫn về nhà tôi. Tôi thường thích bắt chàng dậu xe ở đầu khu phố, rồi đi bộ về nhà.

"Em khóc", tôi nói.

"Sao anh không nghe gì cả?"

"Thì em chỉ chảy nước mắt thôi".

"A, như vậy gọi là khóc thầm".

"Em thấy cuốn phim nói lên một nỗi cô đơn. Nàng cô đơn, chàng cô đơn, xã hội của họ cô đơn...".

"Anh thấy tội cho nhân vật nữ. Em có thể hy sinh cho ai như vậy được không? Em có thể hy sinh cho anh như vậy được không?"

Tôi nhìn chàng, tự nhiên cảm thấy chàng không nên hỏi như vậy. Dù sao tôi cũng trả lời:

"Hy sinh cho tình yêu? Dĩ nhiên." Tôi trả lời để bỗng cảm thấy tôi thật cô đơn, bỗng cảm thấy một sự sợ hãi rất nhẹ vừa thấm vào lòng. Tôi bỗng nghĩ đến một ngày khi ước mơ ruồng bỏ. Và, tôi nói để chàng biết điều tôi sợ.

"Em mơ mộng nhiều quá, em nhạy cảm quá, anh theo không kịp".

Chàng nói trong lúc vòng tay ôm trọn lấy tôi khi chúng tôi ngừng lại ở ngã tư đường. Tôi nghe hơi thở chàng thật gần.

"Anh đã chẳng yêu em vì những ước mơ của em sao?"

"Thôi, em".

"Rồi, thôi anh về đi, em đi một mình ở quãng này cũng được".

"Giận rồi? Để anh đi với em".

"Tối nay em muốn đi một mình ở quãng này".

Chàng còn ngần ngừ. Tôi nói bằng một giọng vui: "Mai em đi rồi, anh ở nhà nhớ ngoan kẻo em giận".

"*Yeah*, đi nhớ viết thư về kẻo anh trông".

Chàng quay ngược đường, tôi tiếp tục con đường về nhà. Cảm giác nhẹ tênh của một ràng buộc nào đó vừa mới đứt làm tôi muốn ngã quỵ. Nhưng, thế giới này chẳng phải là một cõi cô đơn sao. Mỗi con người thật ra là một phần tử rất lẻ loi cô đơn, thế giới có cả hàng tỉ con người cô đơn. Thời đại này là thời đại của những kẻ cô đơn. Những con người cô đơn ngày càng xuất đầu lộ diện, thật hợp thời như những con người mắc chứng AIDS, hợp thời như chứng ung thư, như phụ nữ bình quyền, ERA. Tôi chỉ là một phần tử rất nhỏ nhoi, lạc lõng trong khối cô đơn vĩ đại đó. Tôi sẽ không khóc trong chính cuộn phim cô đơn này của riêng tôi.

*

Trong một lần nói chuyện với tôi qua điện thoại, mẹ tôi kể rằng bà Florence mới bị tai nạn xe. Lúc đó, chúng tôi không còn được là hàng xóm của Florence nữa. Mẹ tôi kể Florence lái xe vào một buổi sáng đi

lễ về như mọi sáng, nhưng sáng ấy bà bị đụng bởi một chiếc xe *truck* chạy vượt đèn đỏ. Bà không bị thương tích, nhưng chiếc xe của bà kể như bỏ. Chiếc xe của bà, truyền xuống từ đời mẹ đời cha, được gìn giữ nâng niu như đứa con yêu, sau khi bị đụng chỉ còn giá trị vài trăm bạc. Tôi nói với mẹ, bà Florence có thể mua được một chiếc xe khác. Nhưng mẹ tôi chặc lưỡi, bảo Florene đâu có giàu như Laurie, mà Florence cũng không muốn một chiếc xe nào khác. Vậy bà Florence di chuyển đi lại như thế nào, tôi hỏi. Mẹ tôi nói có Laurie đến nhà đưa đón mỗi ngày. Năm ấy, người em trai của cả hai bà cũng vừa mất, để hai chị em Florence là hai người niên trưởng sau cùng của dòng họ Baudoin.

Khi tôi về nhà mùa đông đó, hai chị em Florence đến thăm nhà tôi vào ngày trước Giáng Sinh. Tôi chợt nhớ tới đôi găng đỏ Florence cho tôi năm nào tôi còn giữ kỹ. Laurie không thay đổi, nhưng Florence thì đã chịu thua tuổi già. Bà ngồi ở cái ghế Laurie dắt bà đến ngồi, và chỉ nói khi Laurie gợi chuyện cho bà nói.

"Đây là con Ngọc, chị nhớ nó không, Florence?" Laurie hỏi khi tôi đến bên cạnh hai người.

Chị nhớ nó không? Câu hỏi gì lạ vậy? Chẳng lẽ Florence không nhớ tôi? Chỉ mới có hơn một năm thôi khi tôi đến chào bà ở nhà cũ, chẳng lẽ bà không nhớ tôi.

"*Yes*", Florence trả lời, nhìn tôi ngờ ngợ tôi đọc được trong ánh mắt bà một sự cố gắng lôi ra trong trí nhớ một vài hình ảnh quen thuộc.

"*Oh, yes*, Ngọc. Mày có đủ tiền tiêu dùng không?"

"*Oh*, Florence!" Laurie cằu nhàu khiến ánh mắt Florence đang mới linh động lại tắt ngúm. Florence im lặng trở lại.

"Chị lại giận nữa rồi phải không", Laurie nói rồi quay qua tôi, "Hồi này bả hay giận lắm. Tôi lỡ miệng một tí là bả giận ngay".

"Bây giờ Florence chịu ở với bà rồi?" Tôi hỏi.

"Bả phải ở với tôi chứ ở hai nơi làm sao tôi trông bả nổi. Nhưng ngày nào hai chị em cũng về nhà cũ và ở lại từ sáng đến chiều, vì đó là

điều Florence thích. Mỗi lần như vậy, tôi thu dọn dần dần đồ đạc của bả qua nhà tao. Florence không thể sống một mình được nữa".

Mùa đông đó là lần cuối cùng Florence đến thăm chúng tôi. Bây giờ, cũng đã hơn một năm kể từ ngày đó, tôi nghe tin rằng Florence đã chính thức bước chân vào cơn mê của căn bệnh Alzheimer. Tôi đến thăm Florence với mẹ, cũng để chiều mẹ. Bao nhiêu năm trời, tôi chạy theo những thay đổi của thời gian, những đòi hỏi của cuộc sống, chẳng hề nghĩ lại về một người hàng xóm tốt, lúc xưa hằng ân cần thăm hỏi, chẳng hề nhớ đến một người bạn gia đình đứng bên ngoài những xô đẩy của cuộc đời. Bây giờ đến thăm?

Căn nhà màu xám của Laurie nằm tại một khu vực sang trọng của những người về hưu có tiền. Nhà rộng, sân rộng, nhưng bước vào bên trong thì lại thiếu chỗ ngồi. Florence đã có lần bảo rằng Laurie rất bừa bãi. Chúng tôi đến, không thấy Florence mà chỉ thấy Laurie. Bà thu dọn vội vàng đống sách vở báo chí ngổn ngang trên mặt bàn mặt ghế, cho chúng tôi được chỗ ngồi. Laurie vừa thu dọn vừa than phiền bao nhiêu năm nay rồi mà cái nhà của bà vẫn như một cái nhà kho. Đồ đạc vẫn còn ở trong thùng, và từ hồi nào tới giờ bà mới chỉ tạm ổn định được cái buồng ngủ cho Florence. Bao nhiêu năm nay, bà chỉ lo nổi cho Florence là hết sức.

Laurie nhắc về Florence, để tôi thấy yên tâm cho một nỗi lo âu thắc mắc vô cớ Florence còn sống hay đã mất. Laurie cũng đã quá sáu mươi. Bà sẽ cố thêm được bao nhiêu năm nữa? Người Mỹ ngày càng sống lâu, nhưng y học thì chưa trang bị đầy đủ để đương đầu với những căn bệnh đi đôi với tuổi già. Laurie bước tới, hôn tôi bên má, nói bà đang nấu súp. Và trước khi mọi người ngồi xuống ở phòng ngoài, Laurie kéo mẹ tôi xuống ngay gian bếp và bắt nếm thìa xúp *beef stew* còn đang sôi. Công thức mới, bà nói. Florence rất thích *beef stew*, và cái gì Florence thích là bà nấu. Tôi đứng lại một mình nhìn quanh gian phòng. Lại cái ti-vi để mở. Lại đĩa chuối xanh trên mặt bàn ăn. Bên trong hành lang tối mờ, có một ánh đèn đổ ra từ một căn phòng. Tôi bỗng thấy ớn lạnh. Kinh nghiệm khiến cho tôi không sợ gì bằng sợ nhà quàn và bệnh viện. Tôi đang ở nhà Laurie, nhưng tôi đi thăm một

người bệnh. Khi từ dưới bếp trở ra nhà ngoài, Laurie hỏi sao tôi không ngồi xuống.

"Florence đâu?" Tôi hỏi, và ngồi xuống.

"Chị Florence đang nghỉ trong nhà", Laurie trả lời, nhìn tôi như tuyệt vọng. "Bả bị Alzheimer, cô biết chứ?"

Tôi gật đầu nhưng Laurie đã quay sang mẹ tôi, hỏi cùng một câu hỏi, rồi trả lời luôn câu hỏi của bà. Alzheimer, chứng bệnh di truyền bột phát lúc về già, tế bào óc não chết dần chết dần để người bệnh mất dần trí nhớ và các khả năng căn bản. Người Á-đông không thấy ai bị, nhưng có thể là người Á-đông chưa thọ lâu đủ. Tôi định nói cho Laurie nghe về khám phá mới nhất của y học nhưng tôi thấy bực với ý nghĩ của tôi, để tôi trở về câu chuyện của Laurie lúc bà nói đến chỗ đời trước mẹ của bà cũng bị Alzheimer nhưng trong các anh em Baudoin đời bà thì chỉ có Florence mới bị. Làm sao Laurie biết trước được bà sẽ không mắc bệnh?

Nhật báo mấy ngày qua có loan tin một người bà cao niên đã tự sát bằng một liều thuốc độc chích vào gân, tự sát khi mới biết mình có giống Alzheimer, chết trước khi căn bệnh có cơ hội tàn phá. *Die in dignity*. Chết sớm để còn giữ phẩm cách. Florence có nghĩ đến điều này chăng?

Laurie quay qua hỏi tôi về chuyện học hành. "Florence ngày trước hay nói về tương lai của cô".

"Florence bị bịnh không đúng lúc. Bà về đây để hưởng tuổi già mà, Laurie?"

"Chị Florence yếu đi từ ngày mất cái xe. Nhưng chị Florence chỉ bắt đầu nhắc về cái chết ngày người em trai tôi chết. Florence bắt đầu sợ chết từ đó, lúc nào cũng sợ mình sắp sửa chết. Nhưng thôi, cô đến đây không phải để thăm một người bệnh".

Laurie kéo một chiếc ghế từ bộ bàn ăn, rồi kê sát ghế vào tường, để lưng ghế làm thành góc với vách. Chúng tôi hiểu bà sắp làm gì. Mẹ tôi lên tiếng ngăn trước.

"Laurie, bà không phải dem Florence ra đây".

"Không, bà Phạm, khách đến thăm Florence phải gặp. Tôi cũng muốn Florence ra khỏi giường. Ôi bà Phạm, bà không biết tôi cực đến mức nào, mẹ tôi nuôi Florence không biết có cực bằng tôi chăng. Ngày ngày tôi lo từng mảnh tã đến muỗng ăn cho Florence".

Rồi không nghe ai nói thêm, Laurie đi vào hành lang tối mờ. Từ căn phòng có ánh đèn đổ ra, tôi nghe có tiếng ú ớ không ra lời của Florence khi Laurie bước vào. Tiếng ú ớ gắt gỏng phản đối, rồi tiếng dằng co của tay chân chạm vào nhau, rồi tiếng những bàn chân dặm lết trên sàn nhà. Laurie từ trong nhà trở ra, vòng tay ôm ngang người Florence cao lớn hơn, bế xốc từng bước từ trong nhà bước ra rồi đặt ngồi vào cái ghế đã kê sẵn. Laurie đặt Florence vào ghế, cho lưng tựa hẳn ra ghế, cho đầu tựa vào vách tường. Rồi Laurie đứng thở dốc.

Florence mặc áo chùng màu đỏ. Tôi cố tìm ra bà tiên năm nào trong con người ngồi kia. Mẹ tôi đến bên cạnh Florence, bàn tay run run vuốt mái tóc bạc Florence để xõa dài, bù rối.

"Florence, Florence", mẹ tôi thầm gọi theo mỗi bàn tay vuốt nhẹ lên mái tóc người ngồi đó. Tôi nghe như có sự xót thương, tiếc nuối trong giọng nói của mẹ tôi.

Florence không phản ứng. Tôi nhìn Florence trong áo chùng màu đỏ, cố hình dung ra một Florence ngày xưa. Con người đó, Florence, ngồi dạng háng để hở phần kín thân thể mà không biết, nhưng đã có Laurie che lại cho. Mái tóc bạc phơ chải ngược, xõa xuống lưng chỉ còn là một mái tóc khô. Miệng không đeo răng giả, móm mém. Miệng há hốc như đang cười, chiếc miệng ấy ngày xưa có nụ cười chúm chím. Đôi mắt xanh đã đục mờ, đôi cửa sổ hoang vắng của linh hồn không còn ở đó nữa. Florence ngồi tựa đầu vào tường, ai muốn làm gì thì làm, ai muốn ngắm sao thì ngắm.

Tôi ngắm Florence, chợt thấy bà như to lớn nặng nề hơn trước, giống như khi người ta chết thì thân thể bỗng trở nên nặng nề hơn lúc sống. Florence còn thở, nhưng bà không còn ở đây nữa. *To die in dignity*. Chẳng biết Florence có nghĩ đến điều đó không.

Mẹ tôi vẫn đứng bên cạnh Florence. Cuộc đời bà, chồng con đây

đủ, nhưng có chắc bà yên ổn hơn, đầy đủ hơn những người đàn bà không chồng con này chăng.

*To die in dignity*. Tôi nhìn Florence ngồi ngả đầu qua một bên, há hốc mồm. Florence ngồi dạng háng nhưng Florence còn phẩm cách. Florence ngồi dạng háng với đầy đủ phẩm cách của bà, vì *dignity* (danh dự? phẩm cách?) còn nằm trong sự can đảm. Sống cho trọn những gì đã được an bài, nếu đã tin vào sự an bài.

Tôi đứng lên và tiến đến hôn lên má Florence. Da thịt bà chằng chịt những vết tích dọc ngang của thời gian, da thịt bà lành lạnh ở môi tôi. Trước khi bước ra về, ở ngưỡng cửa, tôi quay lại nhìn Florence một lần nữa.

"*Good bye*, Florence". Tôi nói thật lớn, tay tôi vẫy cao.

Trong một thoáng ngắn ngủi, tôi đã gọi được Florence trở về. Bà đảo đôi mắt, tìm tôi bên ngưỡng cửa, rồi giơ tay vẫy trả.

"Bye!"

Một tiếng ngắn ngủi thôi. Một tiếng ngắn ngủi the thé. Nhưng tôi thấy như có nụ cười vụt sáng trong ánh mắt ấy. Tôi ôm nụ cười ấy, ra về. Chắc tôi không gặp bà lần nào nữa. □

*NGUYỄN LÝ*

## Ở ĐẠI HỒ

*

*Chiều, trên kè đá*
*Nghe sóng nói rì rầm*
*Lời ăn năn*
*Hạnh phúc xưa*
*Đã tìm về bên người*
*Mang cả theo*
*Chiếc bóng dài buồn, tôi.*

*HOÀNG XUÂN SƠN*

# EM HOANG

*

*Lâu nay em có năng về nhà*
*bước chân hoang có bao giờ chùng lại*
*em có về nhà em có nhớ*
*những đêm nực nồng tụi mình ngoài hàng ba*
*tiếng đàn em trầm buồn*
*và giọng hát xưa như đời thoảng có*

*Lâu nay em có năng về nhà*
*mẹ đã già lắm rồi tóc chỉ tuyền một thứ*
*màu bạc sương chiều nguồn sữa gầy hương nhũ*
*em có thiệt tình nghe xót xa*

*Lâu nay em có năng về nhà*
*cái ghế cái bàn chông chơ ngày tháng*
*em cá về nhà em có nghe*
*cây lá rét run sau hè*
*nhện sa vào tuổi đắng*

*Em có buồn sao em không về*
*về tình cờ như cánh chim tạt qua*
*những rui-mè-cột-kèo như anh cũng thế*
*như nền đất cũng hoang tê*
*chúng ta đã không còn cha*
*chúng ta còn mẹ nhưng mẹ đã già lắm rồi*
*già thật rồi!*

NGUYỄN MẠNH TRINH

# nói chuyện với nhà văn võ phiến

*

**Lời tòa soạn:** *Độc giả Việt Nam trong cũng như ngoài nước không mấy ai không biết đến tên tuổi nhà văn Võ Phiến. Gần đây với nỗ lực hoàn tất Võ Phiến toàn tập của nhà xuất bản Văn Nghệ, toàn bộ tác phẩm của ông không những có trong tủ sách độc giả vẫn hằng mến mộ ông từ trước mà người tìm đọc ông ngày nay còn là giới trẻ trưởng thành tại xứ người. Bài phỏng vấn dưới đây do nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh thực hiện vào khoảng thời gian cuối năm 1990 và Văn Học có cái may mắn được phép gửi đến độc giả bốn phương.*

*

**NGUYỄN MẠNH TRINH:** *Trong những lần các báo phỏng vấn ông trước đây, tôi nhận thấy các câu hỏi đầu tiên thường đi ngay vào chuyện văn chương. Lần này, ở năm 1990, một thời điểm đặc biệt, để cho được hợp tình hợp cảnh thiết tưởng chúng ta nên bắt đầu bằng những ý nghĩ hướng về số phận quê hương. Hiện nay đa số các nước Cộng sản đã từ bỏ chế độ độc tài lỗi thời; còn ở Việt Nam, ông nghĩ rồi sẽ ra sao?*

**VÕ PHIẾN:** Bên Tàu trước đây có câu nói được nhắc đi nhắc lại rộng rãi: "Chỉ có chế độ Cộng sản mới cứu được Trung Hoa". Ngày nay người ta chế giễu: "Chỉ có Trung Hoa mới cứu nổi chế độ Cộng sản". Những ông kẹ ở Việt Nam cũng như ở Cuba, Bắc Triều-tiên v.v... đang phùng mang trợn mắt vỗ ngực bảo rằng họ có thể thực hiện được phép lạ cứu chế độ, rằng họ đủ tài đủ sức để duy trì mãi mãi... độc tài và nghèo đói. Không mấy ai tin.

Tôi cũng chỉ nghĩ theo đa số rằng chế độ Cộng sản phải đi đời. Lịch sử đã xử tử nó. Nhưng sự sụp đổ của nó có nhiều cách. Hoặc nói dứt khoát cái một; hoặc nó cù cưa dùng dằng; hoặc nó đổ nhanh; hoặc nó sụm chậm; hoặc nó tan tành trong máu me hỗn loạn; hoặc nó chuyển biến êm thấm... Tất cả những cái đó tùy ở thái độ của nhà cầm quyền và của dân chúng.

**NMT:** *Ông bảo chế độ Cộng sản có nhiều cách sụp đổ; vậy Cộng sản Việt Nam sẽ đổ kiểu nào?*

**VP:** Kiểu cù cưa, thưa ông. Trong những ngày đầu tiên, khi dân tộc các nước Đông Âu lật đổ Cộng sản, đám cầm quyền ở Việt Nam mướt mồ hôi; vội vã cởi mở. Sau đó, thấy Đặng Tiểu Bình chọn đường lối giết người bám quyền, đám Việt Nam hớn hở theo Trung cộng, dẹp chuyện cởi mở. Thành thử những điều họ đang loay hoay tại Hànội bây giờ không phải là sửa sai, mà là cứu sai. Là lo cứu vãn lấy chế độ độc tài chính trị. Cứu lấy bộ da của kẻ cầm quyền. Vậy thôi. Không phải cứu nước cứu non gì cả. Mọi ba hoa chẳng qua là nói hươu nói vượn.

**NMT:** *Chủ trương kinh tế tự do mà chính trị độc tài, bảo rằng để tránh hỗn loạn. Ông nghĩ sao về chủ trương ấy?*

**VP:** Tôi nghĩ đó là một thí dụ về chuyện nói hươu nói vượn.

Ông thử xem có bao giờ xã hội Việt Nam hỗn loạn như bây giờ? Giữa thời bình mà trộm cướp đĩ điếm như rươi; tham nhũng hối lộ hoành hành công khai, buôn lậu ầm ầm như là nghề nghiệp chính của đa số; giáo chức chán dạy, học sinh chán học, dân trong nước ngày đêm chỉ những tính bỏ nước ra đi, v.v... Nghìn năm đô hộ của giặc Tàu có thế chăng? Trăm năm đô hộ của giặc Tây có thế chăng? Từ thuở ông Bàn Cổ ra đời có thời nào thảm thương như thế chăng? Ông có nghĩ rằng tình trạng ấy là hậu quả của một chính sách đã trót quá... dân chủ không? quá dân chủ từ sau 1975?

**NMT:** *Theo ông lý do của cảnh suy đồi ấy là chế độ độc tài?*

**VP:** Không hẳn thế, tôi có đề cập đến chuyện ấy trong cuộc phỏng vấn của báo *Làng Văn* trước đây. Nguyên do là vì mất niềm tin. Xã hội

băng hoại là vì lý tưởng sụp đổ. Vì những dối trá bị cải chính phũ phàng. Vì không ai còn tin rằng chủ nghĩa Cộng sản là đúng, người Cộng sản là tốt, lãnh đạo Cộng sản là sáng suốt nữa. Vì ai nấy cảm thấy mình vừa mắc bịp. Vì những cái trịnh trọng thiêng liêng bỗng chốc hóa khôi hài.

Tình cảnh ấy Nguyễn Huy Thiệp gọi là cảnh "*không có vua*". Tây phương từng trải qua một thời kỳ khủng hoảng tinh thần, và họ kêu: "Thượng Đế đã chết". Thượng đế có thể là một nhân vật không từng có bao giờ, thế nhưng ông ta tịch một cái là chuyện rất phiền cho loài người.

Vua là món lỗi thời, nhưng không có vua là cả một thảm trạng. "*Không có vua*" thì cảnh nhà chị Sinh điên đảo, nhục nhã. Không có vua thì học thức chỉ thêm loạn thêm xấu (*Giọt máu*). Không có vua thì Tổng Cóc trâng tráo quá cỡ (*Chút thoáng Xuân Hương*). Không có vua thì ở vườn hoa cặp trai gái này làm tình ngay trước mặt cặp trai gái khác, cách nhau có vài mét, "gã thanh niên rướn người lên như một con gà" (*Những bài hát*) v.v...

Chủ nghĩa này có chỗ yếu này, chủ nghĩa kia có chỗ sai kia, tín ngưỡng nọ có điểm kém cỏi nọ v.v... Khó có cái toàn hảo. Thế nhưng cái không toàn hảo rất cần thiết. Khi cả xã hội sống không còn lý tưởng dẫn đạo, không còn thần tượng để tôn thờ, thì là đại họa. Khi không còn có một lý tưởng nào chủ trì cuộc sống, thôi thì...

**NMT:** *Ông cho rằng chế độ Cộng sản Việt Nam sẽ sụp đổ vì... "thiếu vua" sao? Thiết tưởng một khủng hoảng triết học hay đạo đức có thể làm suy tàn một nền văn minh, nhưng không đến nỗi làm sụp đổ tức thì một chính phủ, một chế độ.*

**VP:** Ông nói phải. Một chính phủ chỉ đổ khi dân thiếu cơm ăn, thiếu bánh mì, chứ không phải thiếu... Thượng đế.

Nhưng ở Việt Nam, hiện thời không phải chỉ có mỗi một khủng hoảng về niềm tin, một khủng hoảng triết lý mà thôi. Còn có cái sai lầm về kinh tế (mà ông Đỗ Quý Toàn từng phân giải rành rẽ). Còn có

cái sai lầm về chính trị... Hơi nhiều. Quá sức chịu đựng của một chế độ, một dân tộc.

**NMT:** *Thế thì theo ông ước chừng đến lúc nào Cộng sản Việt Nam đi đời? Mấy năm? Mấy tháng nữa?*

**VP:** Ông hỏi thế, nể ông e tôi đến phải "hư cấu" mất! Tôi không ở cái vị trí có đủ dữ kiện cho một ước tính cụ thể.

Dù sao một chế độ độc tài dù có bệu xệu tới đâu cũng phải xô đẩy nó mới ngã. Nếu nó cố gắng cù nhầy đến một lúc nào đó, Hà Bá tự dưng phun dầu hỏa lên ào ào dọc bờ biển Thái Bình Dương, không chừng nó được cứu sống: Các ông bí thư đảng tiếp tục cai trị như các ông vua Á Rập: dân chủ độc nguyên tha hồ thắng lợi vinh quang.

**NMT:** *Nếu cần xô đẩy để bắt buộc nhà cầm quyền Cộng sản ở Việt Nam phải thay đổi theo chiều hướng dân chủ, theo ông, nhà văn có nên góp phần vào công cuộc chung đó không?*

**VP:** Nhà văn hay nhà gì, cái đó không thành vấn đề. Vấn đề là có còn nghĩ mình là người Việt Nam hay không. Nếu tự cho là dân Việt Nam thì "nhà" thất phu cũng có trách nhiệm.

**NMT:** *Ông nghĩ sao về hiện tượng văn chương gọi là phản kháng ở trong nước hiện giờ?*

**VP:** Văn chương phản kháng thì hay. Không, xin lỗi! Nói "hay" e không đúng. Văn chương phản kháng là "thường". Thường còn hơn cả hay.

Theo lệ thường, văn chương vẫn phản kháng. *Đoạn trường tân thanh* là phản kháng; nếu không, nó đã không "đoạn", nó đã là "toàn trường", là "toàn hảo trường" tân thanh. Không phải điều ngang trái, có gì đến nỗi đứt ruột? *Chinh phụ ngâm* là phản kháng; nếu không nó đã là "Phu phụ hoan ca". *Cung oán ngâm khúc* cũng lại là phản kháng đấy chứ; nếu không đã là cung ái, cung tụng. Có phản kháng mới *Ẩm băng*; nếu không thì ẩm trà, thì "nhẩm xà" mới thích chứ? Hồ Xuân Hương là phản kháng, *Thạch hào lại* của Dỗ Phủ là phản kháng v.v...

Chuyện đời mấy khi vừa ý? Cầm cây bút lên, mười cái viết ra không chừng tới bảy tám cái là nói về điều không mãn ý. Bất bình với

nhà cầm quyền, với xã hội, với người, với định mệnh, thân phận, với Trời v.v... Thường là thế. Cho nên văn chương mà không phản kháng, văn chương minh họa hóa ra bất thường, không lành mạnh. Hóa ra một sự quái gở, lố bịch. Dứt điểm được món đó là tốt. Nhưng văn chương phản kháng ở ta mới lai rai, chuyện dứt điểm e còn xa...

**NMT:** *Ông nghĩ rằng văn nghệ phản kháng là mồi lửa sẽ đem tới trận cháy lớn?*

**VP:** Tôi không biết, không tiên đoán gì về cháy lớn cháy nhỏ này nọ. Nhưng trước có ý phản kháng trong lòng, sau có sự phản kháng ra lời, tất rồi phải có phản kháng bằng hành động. Diễn tiến ấy cũng là sự thường, chạy đâu cho khỏi. Hành động có gây nổi dấm cháy không, đó là chuyện khác...

Văn chương mà phản kháng – như đã nói – không phải là cái gì lạ thường. Lúc này ở nhiều nơi, còn cả chuyện văn chương lên ngôi. Cái đó lạ.

**NMT:** *Có vậy sao?*

**VP:** Có đấy. Xin nói thêm cho rõ: Lên ngôi, không riêng gì văn chương, mà có cả các ngành nghệ thuật khác. Vậy nên gọi chung là văn nghệ lên ngôi.

Nói cho vui thôi, thực ra là chuyện mấy ông văn nghệ tham chánh, cầm quyền. Ở Tiệp Khắc, một kịch tác gia làm quốc trưởng, ở Lithuania một ông nhạc sĩ làm quốc trưởng, ở Hung Gia Lợi nhà văn chủ tịch văn bút Arpad Goencz làm quốc trưởng, ở Bảo Gia Lợi nhà văn kiêm triết gia Zhelya Zhelev là quốc trưởng... Còn những ai nữa nhỉ? Nào tiểu thuyết gia Vargas Llosa suýt trúng cử ở Peru, nào nhà báo Tadeusz Mazowiecki ở Ba Lan, rồi cái bà tổng thống Nicaragua ấy cũng là nương theo uy danh ông nhà báo Chamorro chứ, lại ông tiểu thuyết gia Shintaro Ishihara cũng đang dòi làm thủ tướng Nhật đấy... Vua Nhật là vua ngồi chơi, thành thử ông thủ tướng Nhật mới là thứ vua làm việc. Khắp đông tây coi bộ bộn bề...

**NMT:** *Vâng. Có nhiều. Thời nay giới cầm bút xênh xang áo mão có nhiều.*

**VP:** Thực ra, một người đã là nhiều. Một người đã thành chuyện lạ. Xưa nay anh hàng chiếu lên làm vua (như Lưu Bị), có. Nông dân áo vải lên làm vua, có. Một ông biện (như biện Nhạc) kiêm nghề buôn trầu lên làm vua, có. Chúa mà lên làm vua: có. Và con vua lên làm vua thì dĩ nhiên là càng có. Nhưng văn nghệ sĩ mà làm vua, thì cổ kim chưa từng.

Ông nghĩ sao về trường hợp một ông Lý Bạch muốn làm vua, một ông Vũ Trọng Phụng, ông Hàn Mạc Tử, một cụ Vi Huyền Đắc v.v... lăm le làm tổng thống? Văn hào Balzac vẫn mơ chút liên hệ với triều đình nhưng suốt đời cũng chỉ ra sức ghép một chữ "De" vào cái tên của mình thôi, chứ không bao giờ dám nghĩ đến chiếc ngai.

Độ này văn nghệ dấn thân xa quá.

**NMT:** *Ông nghĩ sao về sự kiện ấy?*

**VP:** Tôi có cảm tưởng quần chúng bắt đầu nghĩ rằng giới văn nghệ không phải gồm những kẻ nói chơi mà là những người làm thiệt. Có thế mới bầu làm tổng thống chứ. Nếu không, ai thèm bầu vào ghế cầm quyền những kẻ chuyên nghề... hư cấu.

Quần chúng đúng chăng? sai chăng? chờ xem. Ít ra, cái gì khiến cho quần chúng nhận định như vậy, cái ấy đã là một điểm son cho giới văn nghệ. Cái thành phần, cái xu hướng, cái phong cách v.v... của văn giới hẳn gần đây có những thay đổi tích cực nào đó trong con mắt người đời.

Tôi đoán vu vơ vậy thôi, ông giữ kín giùm cho. Kẻo bà con bảo mình bốc họ lên mong hưởng chút thơm lây. Dù sao, chuyện chưa xảy đến nơi xứ mình.

**NMT:** *Ông nghĩ sách báo xuất bản ở hải ngoại có được dân chúng trong nước đọc hay không?*

**VP:** Chữ "dân chúng" có một chứa đựng mơ hồ. Thế nào cũng có một ít sách báo của chúng ta được đem về nước; nhưng tôi chắc cái số lượng "dân chúng" được đọc món của hiếm ấy không đáng là bao. Xin thú thực, đây cũng chỉ là suy đoán thôi. Tôi không biết được đích xác tình hình phổ biến ấn phẩm từ trong nước ra ngoài hay ngược lại.

**NMT:** *Ông nghĩ việc dân chúng trong nước đọc sách báo hải ngoại sẽ ảnh hưởng thế nào đối với nhà văn hải ngoại?*

**VP:** Không phải ai cũng có sách được về nước. Kẻ nào may mắn nghe ông bạn mới sang bảo lúc ở bên nhà có trông thấy sách mình thì cái "ảnh hưởng" tiếp nhận đầu tiên là... khoái tỉ. "Ảnh hưởng" kế tiếp là loan báo rộng rãi tin tức quan trọng: mình đang châm ngọn lửa thiêu hủy chế độ độc tài v.v...

Lại xin thú thực: Trên đây cũng chỉ là... hư cấu. Tôi chưa biết gì rõ ràng.

Theo lệ thường thì cái "viết cho ai" phải có ảnh hưởng đến cái "viết những gì? viết thế nào?" Về phần tôi, nếu tôi có bằng chứng rằng sách mình được phổ biến đến đồng bào trong nước tất tôi phải viết khác đi. Có những điều mình cần nói với khối độc giả này mà đem ra nói với khối độc giả khác thì không hợp.

Nhưng... úi chà! Hiện thời cán bộ lãnh đạo một tỉnh sát cận Sàigòn còn gửi văn thư hỏi đi hỏi lại ông Tổng thư ký hội nhà văn Nguyễn Quang Sáng cho chắc chắn xem bà Dương Thu Hương có phải là một nhà văn (hay một bà thày bói?) – lúc mà cái tương quan giữa độc giả trong nước và tác giả trong nước còn như thế – mình ở ngoài nghìn trùng lo về ảnh hưởng của dân chúng độc giả trong nước, e có vội vàng quá chăng?

**NMT:** Đã trót suy đoán vài điều, xin ông nhân tiện suy đoán luôn về nền văn học Việt Nam hải ngoại trong tương lai. Về chiều hướng và tầm vóc của nó, so với những thời kỳ văn học trước.

**VP:** Phen này tôi dìu đứng với ông. Không phải tôi dám ngại chuyện bói toán. Tuy nhiên tôi loáng thoáng thấy câu hỏi có hàm chứa đôi điều ngôn ngoại rối rắm.

Chẳng hạn trong mấy tiếng "trong tương lai" nghe như có một ngờ vực run rẩy. Hồi còn ở trong nước các nhà phê bình khảo luận thường chỉ duyệt lại các thời kỳ văn học trước và đánh giá thời kỳ văn học hiện tại của mình thôi. Văn học tương lai nó sẽ ra sao? Để con cháu nó lo, mình biết đâu mà liệu? Nhưng sống ở đây thì thỉnh thoảng có kẻ

lại khe khẽ đặt ra vấn đề tương lai văn học hải ngoại. Mân mê lá số tử vi của một nền văn học như thế, e có mối tư lự về mệnh số của nó chăng?

Lại chẳng hạn, nói "so với những thời kỳ văn học trước" tức ngầm cho rằng văn học hải ngoại là một thời kỳ văn học Việt Nam, là thời kỳ "sau", nó sẽ nằm kề các thời kỳ huynh trưởng của nó trong bộ lịch sử văn học Việt Nam trong nước v.v...

Có vậy chăng? Ông không đặt vấn đề, không hỏi đến. Nhưng giả vờ không hiểu cái ngụ ý bất thành ngôn của ông thì hổng bét, thì hóa ra kẻ nói một đường người trả lời một nẻo.

**NMT:** Vậy chúng ta dừng ngại đề cập thẳng đến các... ý ngầm. Xin ông cứ tự nhiên.

**VP:** Văn học hải ngoại rồi nó có tương lai dài ngắn thế nào? Nguyên chuyện đó cũng đủ mệt.

Khoảng mấy năm đầu, sau 1975, ở hải ngoại người Việt Nam chẳng có mấy, văn sĩ lưu vong chẳng bao nhiêu. Bấy giờ văn học hải ngoại lèo tèo, tưởng chừng yểu mệnh tới nơi.

Rồi xảy ra phong trào vượt đại dương tìm tự do, rồi một người thoát đi được lại kéo theo nhiều người đoàn tụ. Số người đọc người viết tăng lên vùn vụt. Văn học hải ngoại nở rộ toe toét.

Hiện thời trước mắt vẫn còn một số khá lớn cựu tù binh Cộng sản sắp sang và bà con sẽ lần lượt qua Mỹ để đoàn tụ với gia đình. Tuy nhiên chuyện vượt biển gặp trở ngại lớn, có cơ chấm dứt. Văn học hải ngoại đâm lo lắng.

Thành thử ở vào những năm trước 1980 căn cứ vào cái lèo tèo mà đoán điều bi quan thì sai; ở vào khoảng 87, 88 trông vào cái rầm rộ mà đoán lạc quan cũng hố; rồi tới đầu thập niên 90 nhìn ra mặt bể vắng vẻ mà lo lắng cũng chưa chắc đúng. Dù sao, chúng ta đã thấy tính chuyện văn học ở hải ngoại không phải chỉ bằng vào văn học, mà giả có tí chút tin tức từ phủ Cao ủy Tỵ nạn Liên Hiệp Quốc càng hay. Có Cao ủy Tỵ nạn rồi cũng chưa đủ: ta cần xem thời tiết chính trị quốc tế. Nếu phong trào dân chủ mà diễn tiến tốt, các chế độ độc tài tiếp tục

sụp đổ thật gấp, Việt Nam thay đổi rụp rụp ngon ơ, thì kẻ sĩ có lòng còn ở hải ngoại làm chi nữa: cộng đồng lưu vong có bao nhiêu bầu nhiệt huyết đều bị ôm chạy về Việt Nam cả. Chỉ có đám máu lạnh ở lại với nhau, sao làm nổi văn học huy hoàng? Ngược lại, nếu Mỹ rủi ro sa lầy ở Trung Đông, kinh tế khủng hoảng nặng, hoặc cuộc cải cách của Gorbachev thất bại đổ vỡ, cánh dân chủ không còn sáng giá nữa, đám Cộng sản tàn dư ở Á châu cứ thế mà cù cưa hết thập niên này qua thập niên khác, thì... cánh hoa văn nghệ lưu lạc của Việt Nam cứ nở mãi ở ngoài vạn dặm lâu ngày nó còn giữ được mấy nét dân tộc nữa?

**NMT:** *Đường xa nghĩ chuyện sau này mà ghê, ông nhỉ?*

**VP:** Ghê chứ ông. Chỉ có một biến chuyển thuận lợi và nhanh chóng ở nước nhà là tiện thôi. Cơ hội ấy xảy đến, các bậc đàn anh ôm bầu máu nóng chạy về, và không quên ôm theo luôn khoản sự nghiệp văn chương hải ngoại, đem về ghép vào dòng lịch sử văn học của dân tộc: nội ngoại đề huề. Tiện lắm. Trong khi ấy cái nhánh rơi rớt lại ở nước ngoài cứ tha hồ héo hắt tàn rụi.

Còn giả sử sự đời diễn biến không thuận buồm xuôi gió thì những văn chương "hoa gấm" của chúng ta... ôi thôi.

**NMT:** *Chúng ta là hàng triệu con dân Việt Nam ở nước ngoài chứ phải ít sao? Tim óc của chúng ta, tiếng nói của chúng ta, công trình trước tác của chúng ta, bỏ đi cả à?*

**VP:** Kẹt cho chúng ta. Oan cho chúng ta lắm. Nhưng biết sao. Hiện thời dân số Trung Hoa hải ngoại đã lên tới 46 triệu 900 nghìn. Người Tàu, nước họ rộng mà họ đi sống ở ngoài cõi lục địa nhiều lắm; nhịp di cư càng lúc càng nhanh thêm. Năm mươi triệu người Tàu hải ngoại, mấy hồi? Nguyên ở Hoa Kỳ và Gia Nã Đại, số người Tàu đã lên ngót hai triệu rồi. Nói thế e còn thiếu sót, vì cái số người Mỹ gốc Hoa, con cháu các cụ đến đây đắp đường xe lửa cả trăm năm trước có bị lọt sổ thống kê chăng? Cứ trông hoạt động xuất bản của các bạn người Hoa hải ngoại quanh ta thì thấy tim óc của họ cũng không ham nghỉ ngơi

đâu. Thế nhưng văn học hải ngoại của họ có địa vị ra sao trong lịch sử văn học Trung quốc?

Ấy là cứ ra một cộng đồng lưu vong gần gũi chúng ta thôi, chứ người Tàu họ sống nơi khác còn nhiều hơn nữa: Ở Mã Lai có 4 triệu 200 nghìn, ở Nam Dương cũng trên 4 triệu, còn ở Thái Lan thì chừng 6 triệu người Tàu v.v... Hằng năm mỗi độ xuân về e không có mấy nhà làm văn học Trung Hoa quốc nội đi nhặt nhạnh đủ các thành tích các nơi để làm bản tổng kết hoạt động thường niên của văn học hải ngoại, càng không có ý gom chung những thành quả ấy vào lịch sử văn học quốc nội.

Vả lại, nếu có người nào giàu tinh thần hòa hợp hòa giải đi làm cái việc tổng hợp nội ngoại ấy, e thêm hỏng.

**NMT:** *Ông cho rằng quên đi là đúng, nhớ đến là sai sao? Dù được viết ra ở đâu, in ra ở đâu, tôi nghĩ rằng những tác phẩm do người Trung Hoa viết bằng ngôn ngữ Trung Hoa tất phải mang tinh thần Trung Hoa và phải có chỗ dành cho nó trong văn học Trung Hoa chứ? Sự từ chối nọ quá tàn nhẫn và vô lý.*

**VP:** Tàn nhẫn, thôi thì khỏi nói. Ở đời ít có sự đào thải với từ tâm. Đáng tiếc.

Còn cái lý? Văn học hải ngoại nó có chỗ kẹt. Nói "hải ngoại" là bao hàm sự liên hệ đến một cái gốc. Còn có một quốc gia gốc, một dân tộc gốc dâu đó thì mới có chuyện hải ngoại; không có đất cắm dùi như Do Thái trước kia thì chẳng có văn học hải ngoại nào cả. Hoạt động hải ngoại, là phải hải ngoại của một dân một nước gốc nào đó. Và cái gốc nó cũng đòi hỏi ở ta một số điều kiện đấy. Không có, nó buông.

**NMT:** *Gớm, thưa ông, nó đòi gì? Một món thuế tinh thần hay vật chất? Một hình thức triều cống chăng?*

**VP:** Văn học Hoa Kỳ, văn học Úc chẳng hạn, không thể là văn học hải ngoại của Anh; dù cho hai nước Mỹ, Úc không kéo cờ xưng độc lập cũng thế. Lý do là vì sau một đôi trăm năm sống tách biệt trong hoàn cảnh riêng, dù kéo cờ hay không kéo cờ, hai khối dân tộc Mỹ Úc đã thành hẳn những thực thể riêng biệt, khác hẳn dân tộc Anh. Hoàn

cảnh địa lý, tổ chức kinh tế, chế độ chính trị, xã hội, phong tục địa phương v.v... Những cái đó làm cho khối người Mỹ, người Úc có nếp suy tưởng và cảm xúc càng ngày càng xa người Anh. Văn học của hai khối người ấy phản ánh những sắc thái tinh thần khác hẳn, làm sao có thể xếp vào văn học Anh? Dù đó là văn học của người gốc Anh viết bằng tiếng Anh.

**NMT:** *Vậy ông cho rằng nền văn học của một dân tộc, cả quốc nội lẫn hải ngoại, phải cùng chung một tinh thần?*

**VP:** Tôi xin phép điều chỉnh lại cách nói một chút cho rõ nghĩa: văn học của dân tộc nào phản ánh đời sống tinh thần của dân tộc ấy. Phải vậy chứ ông, linh tinh quá thì còn ra một nền văn học sao được? Một dân tộc có những phần tử xé lẻ đi làm ăn ở Tân-đảo, ở Alaska, ở Nam Mỹ, v.v... riết rồi dành chịu mất bớt đi thôi.

Nói về chủng tộc thì không mất. Dù sống ở đâu Hán vẫn là Hán, Việt vẫn là Việt, giống Slav vẫn là Slav... Nhưng một dân tộc thì – ngoài những giai đoạn qua phân tạm thời – phải cùng chung một lãnh thổ, một chính quyền. Một tập thể sống tạm ở hải ngoại một thời gian ngắn, nếp cảm nghĩ chưa quá xa đối với cảm nghĩ của đồng bào quốc nội thì văn học của tập thể nọ có hy vọng hòa nhập...

**NMT:** *Thời gian sống tạm biết bao lâu là ngắn bao lâu là dài, sự khác biệt tâm tư xa đến đâu là quá đến đâu là chưa quá?*

**VP:** Nghe những điều ông nêu lên mà phát ngán. Đã vậy, chuyện văn học hải ngoại không phải chỉ có chừng ấy. Muốn được dính vào gốc, e cái gốc nó còn đòi hỏi thêm nữa. Chẳng hạn những điều viết ra phải có một tác động nào đó vào cuộc sống tinh thần của đồng bào trong nước. Có thế những cái viết ra đó mới thuộc về văn học Việt Nam. Còn như thứ văn chương viết cho những ai ở đâu đâu xa vời, cả khối người trong nước chẳng nghe chẳng thấy chẳng hay biết gì cả, chẳng tiếp nhận được một ảnh hưởng nào cả, thì bảo đó là văn học dân tộc sao được?

Bài *Lưu cầu huyết lệ tân thư* nó có thể được cụ Phan thảo trên đất Nhật, nhưng nó đã gây xúc động lớn lao trên cuộc sống Việt Nam, nó

là một biến cố trong đời sống tinh thần của dân tộc Việt Nam. Nó thuộc về văn học Việt Nam.

Đến đây tôi chợt nhớ câu chuyện xảy ra ngay trên nước ta. Các ông Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Mạnh Côn, v.v... các ông ấy là người miền Bắc, viết văn bằng giọng miền Bắc, đề tài thường khi cũng là những chuyện xảy ra ở miền Bắc: có thể xếp các ông vào văn học miền Bắc chăng? vào phần văn học "lưu vong" của miền Bắc chẳng hạn, được không? Đâu có được? Miền Nam không xua đuổi nổi các tên tuổi ấy, mà miền Bắc cũng không thỉnh rước được các nhân vật ấy. Lý do: tác phẩm của họ không phản ánh cảm nghĩ của đồng bào miền Bắc và không tác động đến nếp cảm nghĩ của đồng bào miền Bắc, họ thuộc về đời sống tinh thần của miền Nam.

Còn những ông Phan Tứ, Nguyễn Thành Long, Nguyễn văn Bổng, v.v... mà các nhà viết lịch sử văn học miền Bắc từng có lúc gán cho là nhà văn của "văn học giải phóng miền Nam", có thực của miền Nam không? Họ là những người quê quán ở miền Nam đấy, văn viết giọng miền Nam, đề tài thường là chuyện miền Nam đấy; nhưng xếp họ vào văn học miền Nam thế quái nào được? Vậy cho nên rốt cuộc sau này họ đã được thu về một mối, gom chung vào một cánh với Xuân Diệu, Nguyễn Đình Thi, Tố Hữu, v.v... ngoài Bắc thôi. Họ thuộc về miền Bắc; trong thời gian vào Nam làm công tác họ là văn sĩ miền Bắc "tuyến ngoại" – sống bên ngoài giới tuyến – thế thôi. Phản ánh trong tác phẩm họ là ý thức hệ miền Bắc, chứ không phải tâm tình miền Nam; toàn bộ tác phẩm của họ trước 1975 in ra ngoài Bắc, phổ biến ngoài Bắc, và nếu có tác động là chỉ tác động ở miền Bắc. Trí thức, thanh niên, sinh viên, học sinh... miền Nam, mấy người đọc họ, trông thấy một cuốn sách của họ, một dòng chữ của họ trước 1975? Văn học miền Nam làm sao có thể nghĩ đến việc rước những con ma vô hình nọ vào với mình?

Thành thử, tôi ngờ rằng các điều kiện phản ánh và tác động, rằng mối liên hệ mật thiết đối với cuộc sống tinh thần của cộng đồng dân tộc, cái ấy sẽ gây... rắc rối cho giới cầm bút hải ngoại chúng ta.

**NMT:** *Ông không cho rằng giới cầm bút người Việt hiện nay dù sống ở Mỹ châu, hay Âu châu, hay Úc châu, ở bất cứ nơi nào, tấm lòng vẫn hướng về quê hương, vẫn thiết tha với quê hương? Ai nấy trong chúng ta luôn luôn nghĩ về quê hương, nói đến quê hương.*

**VP:** Tôi đồng ý với ông: Quê hương hãy còn chiếm tất cả tim óc chúng ta; tuy sống ở đây nhưng ngày đêm chúng ta rình rập từng chút tin quê hương, từng biến chuyển nơi quê hương...

Tuy nhiên cũng không ai chối cãi được rằng đồng bào trong nước và chúng ta ở đây, mỗi bên sống mỗi hoàn cảnh khác nhau. Đồng bào quốc nội thường trực đối đầu với áp lực của một chế độ độc tài mục nát, một tình trạng thiếu thốn cùng quẫn; còn chúng ta, chúng ta điên đầu với áp lực của một cuộc sống hối hả, của vô số nhu cầu tạp đa linh tinh léo nhéo đòi được thỏa mãn v.v... Hoàn cảnh biến cải con người, chạy đâu cho khỏi. Chúng ta có xương đồng da sắt đâu mà mong chống nổi sức cải biến của xã hội Tây phương? Ngày một ngày hai, đến một lúc nào đó, nếp cảm nghĩ chúng ta không còn giống cảm nghĩ đồng bào trong nước đâu. Dù sao, cho đến nay lớp chúng ta kẻ đi trước người đi sau, nói chung lớp chúng ta chưa thay đổi mấy.

Nhưng nói tương lai văn học hải ngoại tức là nói về lớp sau. Kế tiếp chúng ta... e rằng... Ông nhìn ra đám con em xem, dần dần chúng như chuối chín cả: ngoài da vàng đấy, nhưng trong ruột thì trắng. Vả lại tôi nghĩ chỉ có lớp chúng ta là trăn trở, còn lớp sau, nếu vạn nhất tình hình này kéo dài, thì họ không băn khoăn nhiều về vấn đề văn học hải ngoại đâu.

**NMT:** *Ông có bi quan quá đáng không? Ông nghĩ rằng con em chúng ta mất gốc sớm vậy sao?*

**VP:** Mất gốc thì chưa chắc. Tuy nhiên tôi đoán rằng họ không thiết tha muốn "ghi danh" vào văn học nước nhà bên kia Thái Bình Dương nữa. Không thiết tha như chúng ta bây giờ đâu.

Thực ra những băn khoăn lúc này về văn học hải ngoại một phần có thể là do cái thiết tha ngấm ngầm, không thú nhận ấy. Người cầm bút âm thầm tự hỏi: những hoạt động của mình rồi đây có được ghi

nhận, nhắc nhở, lưu lại mai sau chăng? Lưu ở đâu? Ở nền văn học nào? Ở văn học của một cộng đồng thiểu số lưu lạc mai kia sẽ tan biến vào dân tộc khổng lồ tại đây chăng? Đâu được! Phải có chỗ dành cho mình ở nền văn học Việt Nam chứ. Hải ngoại phải được nhập về quốc nội chứ. Tại sao không? Bộ mình không còn là thành phần của dân tộc Việt Nam nữa hả? Bộ mình đã mất liên hệ hả? Còn khuya! Nè xem, trong văn chương hải ngoại chẩu chuộc nó kêu oàm oạp suốt đêm, thấy không? Trong văn chương hải ngoại đâu thiếu nỗi nhớ bụi chuối sau hè, niềm thương vành môi bờ vai của em yêu, tháng ngày xanh xao vụn vỡ của tình yêu, thấy không? Trong văn chương hải ngoại có lúc nào ngớt tiếng gào mẹ Việt Nam gầy mòn, thấy không?

Mình sừng sộ? Hợp tình quá. Tuy nhiên nếu thời thế không sớm đổi thay, nếu chúng ta không trở về được với dân tộc, thì... thì... ối, vừa vắt óc ra làm văn học, vừa bồn chồn lo bị cháy hộ tịch trong nền văn học bên nhà, bên kia đại dương. Bấn ruột quá.

**NMT:** *Cháy hộ tịch! Ông đâm ra chua chát.*

**VP:** Nhận xét ông đưa ra thật đúng lúc. Có lẽ chúng ta nên ngừng thôi, đừng kéo dài thêm nữa câu chuyện văn học hải ngoại. Chúng ta chẳng qua là những kẻ tay ngang, không chuyên về lý luận, về nghiên cứu văn học. Nhân vấn đề nó tự đặt ra chình ình trước mặt nên không thể không bàn tán, không có ý kiến. Bàn tán căn cứ vào lương tri, chứ không phải vào kiến thức chuyên môn. Vì vậy không nên đi xa vào chi tiết, e phạm nhiều lầm lỗi.

Văn học hải ngoại rồi nó đi về đâu? Rồi nó có được lưu vào sử xanh nghìn năm chăng? Nó sẽ được xếp vào lịch sử văn học nào? v.v... Ta liều góp ý thôi, còn phán quyết hãy để hạ hồi. Bây giờ, nếu lòng ta còn có những cảm xúc cần giãi bày, trí ta còn ý tưởng cần phô diễn, nếu ta còn cần viết và cộng đồng còn cần đọc, thì giới cầm bút hải ngoại tưởng cứ nên phăng phăng viết, viết hay viết khỏe. Phục vụ Hiện Tại cũng là nghĩa cả.

**NMT:** *Ở hải ngoại, ông đã viết nhiều bài tựa sách rất dí dỏm thú vị. Đó có phải là một việc làm để thúc đẩy văn học phát triển chăng?*

**VP:** Ông đã gán cho việc tôi làm một ý nghĩa tốt đẹp, tôi khó cầm lòng. Tôi bị cám dỗ mạnh quá, chỉ muốn vỗ ngực nhận ngay thôi. Nhưng nghĩ lại, có khiếp. Thúc đẩy văn học là một công việc không làm nổi, tôi quả không dám nghĩ tới. Văn học nghệ thuật nó vẫn kỳ cục: dưới ách đô hộ của thực dân đế quốc, không ai thúc đẩy mà nào văn nào thơ nào nhạc nào họa nó cứ bốc lên tưng bừng. Đến thời "cách mạng", lãnh đạo rối rít kêu gọi: "Thơ văn trào phúng đâu rồi? Nụ cười trốn đâu rồi? Nào, xin mọi người cười cho một phát. Một, hai, ba! Cười!" Bốn bề vẫn cứ hắt hiu. Văn vui không ra vui, thơ buồn không dám ra buồn. Thúc đẩy như điên: vô hiệu.

Về phần tôi, đề tựa trước tiên chẳng qua là một phản ứng tự nhiên. Kẻ chơi lan, chơi cây kiểng, người chơi đồ sứ, v.v... Cứ hễ bất thần trông thấy nhánh lan đẹp, chậu kiểng đẹp, món đồ lạ, thế là chỉ trỏ, trầm trồ, xuýt xoa, nghí ngố huyên thiên. Người yêu văn mà gặp văn hay thì nghí ngố. Đề tựa là thế.

Mặt khác, tôi quan niệm viết tựa cũng là chút nghĩa vụ cộng đồng. Không phải cái cộng đồng lớn của người Việt hải ngoại, mà là cộng đồng văn học, gồm giới viết sách và giới đọc sách với nhau. Đối với người viết, viết hay nên được tán thưởng công khai: vỗ tay là một nhiệm vụ trong hội trường. Đối với người đọc, khi ta phát giác ra một tài năng, nên la lối, tri hô lên để mọi người cùng biết, đỡ công tìm kiếm.

**NMT:** *Nghĩa vụ ấy hồi còn ở trong nước hình như ông không...*

**VP:** Ông nhớ đúng. Hồi ở trong nước tôi chủ trương một nhà xuất bản, qua Mỹ có một độ tôi chủ trương một tạp chí văn nghệ. Có những phương tiện ấy thì không cần viết tựa, ông ạ: Mình tán thưởng ai thì in sách của người ta, thì đăng bài của người ta lên báo mình, đủ rồi. Đó cũng là những cách giới thiệu, cách trình làng các tài năng mới.

**NMT:** *Nhiều nhà văn nhà thơ được ông giới thiệu về sau đã thành danh. Chắc ông có nhiều kỷ niệm. Xin ông vui lòng chia sẻ với độc giả một số kỷ niệm về các tương giao văn nghệ ấy.*

**VP:** Theo tôi nghĩ không thể có lời giới thiệu nào làm nên danh

tiếng của một tác giả cả. Rốt cuộc chỉ có tài năng người ấy làm cho họ thành danh. Người giới thiệu chẳng qua giúp kẻ có tài được dư luận chú ý sớm hơn ít nhiều thôi. Còn như mình vô tài mà may mắn chợp được cụ Nguyễn Du lạc đường lịch sử, lạng quạng đâu đó, khẩn khoản nhờ cụ đề cho cái tựa tập thơ "di tản buồn" chẳng hạn, thì chắc chắn về sau thế nào cũng thơ ra dằng thơ tựa ra đằng tựa, mình không cách nào thành danh được.

Vì vậy giữa kẻ viết sách với người đề tựa, thiết nghĩ người sau thủ lợi nhiều hơn. Người ta vắt tim óc ra viết nên tác phẩm có giá trị, mình chỉ xía vào năm ba trang giấy mà cũng được hưởng chút thơm lây, không phải là đắc lợi sao?

Tôi may mắn gặp được nhiều tài năng từ thuở sơ khai, về sau quả họ đạt sự thành công xứng đáng với tài năng.

**NMT:** *Xin nhắc ông về những kỷ niệm?*

**VP:** Không có gì nhiều đâu ông. Tôi biết về các tác phẩm nhiều hơn về tác giả. Có vị trước khi giới thiệu tôi vẫn nghĩ là một ông nào; giới thiệu xong, có dịp gặp nhau, mới hay đó là một cô cháu bà Trưng bà Triệu. Có vị tôi viết tựa sách, sách in sắp xong, nhà xuất bản tổ chức bữa ăn nhỏ để mừng sách: gặp tác giả một đôi tiếng đồng hồ, sau đó sách chưa kịp tung ra thị trường mà miền Nam đã bị chiếm, cả sách cả người biệt tăm. Có vị sống ở châu Âu, tôi ở châu Mỹ viết tựa giới thiệu, cả năm sau mới có dịp trông thấy diện mạo tác giả. Có vị gặp một lần trong vài giờ, viết tựa, rồi chưa bao giờ gặp lại nữa, v.v...

Dĩ nhiên, không phải tôi cố tình chọn kẻ xa lạ để giới thiệu. Cũng có những lời cho sách của thân tình cố cựu chứ ông.

**NMT:** *Vâng, tôi nhớ: tựa* Thơ Trắng *của Đỗ Tấn,* Thơ Cao Tần *của Lê Tất Điều, v.v... Nhưng đối với những văn hữu chưa từng quen biết, thì việc giới thiệu tác phẩm thiết tưởng sẽ đưa dần tới tình bạn chứ ạ.*

**VP:** Thưa ông, khi có khi không: chuyện ấy không xảy ra như một tất nhiên.

Kẻ viết văn người tán thưởng: sự tương đắc ấy là một điều quý báu. Còn sự kết giao thân thiết, nó tùy thuộc vào những yếu tố khác nữa.

Chẳng hạn sở thích gần nhau, tính tình hợp nhau, hoàn cảnh thích hợp, v.v... Dễ gì cuộc đời dành cho ta được nhiều thuận lợi như thế?

Thế cho nên thường khi thích văn thơ của người ta, mình hoan hô, ca ngợi, mình vỗ tay đôm đốp tán thưởng; xong rồi, mình rút lui, để người ta tung hoành. Đường ai nấy đi. Có trường hợp mấy chục năm không gặp lại nhau như đã nói với ông.

**NMT:** *Xin lỗi ông, thú thực là chuyện ấy khó tin. Khó tin rằng giữa kẻ vỗ tay với người được vỗ tay, sau cuộc giới thiệu hai bên không còn nghĩ tới nhau nữa. Chuyện như thế có vẻ thiếu... văn nghệ.*

**VP:** Tôi hiểu sự thắc mắc của ông. Trước hết xin thưa ngay rằng không hề có chuyện "không nghĩ tới nhau". Xin cử một thí dụ: Ngày xưa nhà Thời Mới ở Sàigòn chọn ấn hành tác phẩm đầu tay thật độc đáo của ông Nguyễn Xuân Hoàng. Hai mươi năm sau, trải qua bao nhiêu "bể dâu", ông Nguyễn vượt đại dương sang Mỹ, vẫn còn nhớ chuyện xưa, và viết lên báo những câu chí tình về một cái duyên tri ngộ. Trong vòng hai mươi năm ấy hai chúng tôi không bao giờ cặp kè, đàn đúm, nhậu nhẹt với nhau. Và bây giờ cũng vậy: mạnh ai nấy viết sách làm báo, nấy múa ngón võ riêng của mình, ai làm việc nấy.

Ông Nguyễn là người bạn đang sống giữa chúng ta, bên cạnh chúng ta đây thôi. Còn những vị cách mặt xa xôi, không tiện đem chuyện riêng ra phơi bày, nhưng đại khái là như thế. Khi tiện dịp chúng tôi thăm nhau bằng một cú điện thoại, gửi cho nhau một đôi cuốn sách, một vài tờ báo, v.v... Nghĩ tới nhau như thế.

Riêng về phần tôi, tôi càng không nên "nghĩ tới" các tác giả nọ nhiều quá. Ồ, không nên đâu! Bộ muốn lập *gang*, lập đảng; bộ muốn kết tập nhau làm giặc trong làng (văn) hả? Chính vì không dám "nghĩ tới" nhiều, không liên lạc mật thiết, đôi khi tôi bị hiểu lầm: có tác giả từng trách: "À! Độ này bác nghỉ chơi với tụi này đấy à?" Không có thế. Dù không mật thiết, tôi vẫn luôn tiếp tục đọc, tiếp tục theo dõi con đường trước tác của những tác giả mà mình giới thiệu. Sự tò mò ấy cũng là thường tình thôi.

**NMT:** *Một nhà văn không phải chỉ nói về mình khi dùng ngôi thứ*

*nhất. Trong nhiều tác phẩm của ông hình như cũng có nhiều nhân vật mang vóc dáng và tâm tư của tác giả?*

**VP:** Xin phép được nghe câu hỏi kế tiếp.

**NMT:** *Trong các cuốn truyện* Một mình, Đàn ông... *Có những tìm tòi khám phá về tâm hồn con người. Theo ông, khi viết nên đặt vấn đề khám phá ấy hơn, hay vấn đề nghệ thuật, kỹ thuật hơn?*

**VP:** Những cái này có liên quan với nhau, có thể trả lời chung. Vậy xin ông vui lòng cho biết đôi ba câu hỏi nữa, rồi sẽ xin đáp một lượt.

**NMT:** *Ông có nghĩ tùy bút có thể là một thứ thi ca bằng văn xuôi, một loại thơ tản văn? Trước 75, ở quê nhà, ông có thói quen "viết chạy", nghĩa là rảnh lúc nào viết lúc đó. Bây giờ thì sao? Công việc mưu sinh có còn ảnh hưởng đến công việc sáng tác không? Được biết ông sắp về hưu. Ông có những dự định trước tác nào dành cho thời gian rảnh rỗi sắp tới? Hiện thời, ngoài thì giờ làm việc ở sở và nghỉ ngơi ở nhà, ông có thú vui nào? Câu cá? Du lịch? Thể thao?*

**VP:** Đến đây tôi đã hiểu hảo ý của ông. Tôi cám ơn ông nhiều lắm về sự lưu tâm đến các tác phẩm và đời sống của tôi. Những vấn đề ông vừa nêu ra thật hợp với hai chúng ta. Tôi và ông có thể ngồi mà nói với nhau những chuyện tùy bút, với thơ, với truyện, chuyện kỹ thuật, chuyện viết chuyện đọc, chuyện chơi, chuyện ước mơ dự định, v.v... Nói không biết đến bao giờ hết hứng.

Tuy nhiên lần này, ngay từ lúc bắt đầu ông đã nói đến cái "thời điểm đặc biệt". Đó là một lưu ý rất chính đáng. Lúc này mình có thể suy nghĩ về quê hương, về văn học hải ngoại, về sự "thúc đẩy" hoạt động văn học, v.v... chẳng hạn. Còn như những cái thuộc về cá nhân: thói quen viết lách, sở thích riêng, quan niệm riêng về thể loại văn thơ này nọ, ý kiến về dăm ba cuốn sách của chính mình ra đời đã xa xưa v.v..., những cái đó nghe có vẻ không thích hợp. Bên cạnh những vấn đề lớn lao kia, chuyện riêng của chúng ta sao nhỏ nhặt quá. "Một dày một mỏng biết là có nên?"

Nếu Trời thương cho chúng ta còn có cơ hội trò chuyện với nhau

sau này, vào một thời điểm mà thời cuộc không còn căng thẳng nữa, lúc ấy tha hồ... Vậy tôi xin chịu nợ ông, chúng ta cùng chờ đợi.

**NMT:** *Tôi chấp nhận để ông khất nợ. Tuy nhiên trong các công việc của ông có cái không hẳn là chuyện cá nhân mà tránh đề cập. Chẳng hạn cuốn* Văn Học Miền Nam, *cuốn ấy liên quan đến một thời kỳ văn học...*

**VP:** Cuốn đó, đã bắt đầu, tôi phải tiếp tục cho xong, không dám bỏ dở dang. Tôi vẫn viết lai rai. Khi có thì giờ rộng rãi hơn sẽ xin cố gắng làm nhanh.

**NMT:** *Rồi ông cũng viết hồi ký chứ ạ?*

**VP:** Tôi không có dự định ấy. Hồi ký, ông có thấy nó hơi giống thoát y không? Nếu được là thoát y vũ thì tốt: Vũ là nghệ thuật. Trong trường hợp ấy, chất liệu được vận dụng vào nghệ thuật. Không có vũ, chỉ có sự trình bày nguyên khối "chất liệu" cùng quan khách. Có nhã không?

Rất nhiều kẻ tài tình, từng đưa hồi ký lên hàng tác phẩm nghệ thuật cao siêu. Tôi không nghĩ mình có khả năng ấy.

Có điều cần nói rõ: Hồi ký lao tù, hồi ký chiến tranh, hồi ký chính trị, hồi ký các nhân vật lãnh đạo, v.v... là chuyện khác. Đó là tài liệu liên quan đến đời sống quốc gia, dân tộc. Những vị ở hoàn cảnh ấy cần viết lắm. Viết quý lắm.

**NMT:** *Trong một cuộc phỏng vấn trước đây, ông có phát biểu là ông không muốn gửi tới độc giả một sứ điệp nào qua văn chương. Bây giờ đối với vấn đề ấy ông có ý kiến nào khác chăng? có thay đổi nào trong thái độ chăng?*

**VP:** Nước chảy dưới cầu, thời gian trôi qua, sự vật biến đổi: không ai dám chắc mình sẽ giữ mãi một ý kiến một thái độ. Mai kia lẩm cẩm nặng, không chừng tôi dám gửi sứ điệp lắm, gửi thẳng một lèo tới thế kỷ hăm hai, thế kỷ hăm ba luôn. Nhưng lúc này thì không. Một sứ điệp? Lớn chuyện quá. Một sứ điệp gửi đi rộng rãi thiết tưởng phải căn cứ trên giả thiết là mình... có cao kiến hơn thiên hạ. Có tiện không ông? Tôi chỉ mong thỉnh thoảng có cái truyện, có dăm ba ý tưởng

nhỏ, viết ra bà con xem chơi. Không dám gửi đi một cái gì quan trọng hơn.

Tuy nhiên... Tuy nhiên có thể có loại sứ điệp không gửi vẫn đi.

**NMT:** *Có vậy sao? Xin ông nói về cái "tuy nhiên".*

**VP:** Dù kể chuyện hay làm thơ, hay biện luận, v.v... mỗi người vẫn có một cách riêng. Trong *Luận Ngữ*, ngoài nội dung tư tưởng ra, còn có phong cách luận đàm của Khổng Tử, trong *Nam Hoa Kinh* ngoài tư tưởng triết lý ra, còn có phong cách lý luận của Trang Tử. Trong cảnh đèo Ngang có phong cách u hoài của bà huyện Thanh Quan, trong chiếc bánh trôi nước có phong cách bơn cợt của Hồ Xuân Hương, v.v... Thi phẩm, văn phẩm, nhạc phẩm, họa phẩm đều phản ánh nét cá biệt của tâm hồn tác giả. Toàn bộ sự nghiệp sáng tác của mỗi người biểu hiện một cách vui riêng, buồn riêng, một cách nhìn đời, một quan niệm sống riêng, một cách yêu đương, một nếp suy tưởng và cảm xúc riêng. Mỗi văn nhân mỗi nghệ sĩ thành công, họ đóng góp vào đời sống tinh thần của nhân loại, làm phong phú thêm đời sống tinh thần của nhân loại như thế.

Nếu cho rằng mỗi phong cách độc đáo thể hiện đẹp đẽ qua nghệ phẩm cũng là một sứ điệp, rằng cái thiết tha sôi nổi của Xuân Diệu đối với cuộc sống, nỗi sầu đời thê thiết của Đặng Thế Phong, v.v... là những sứ điệp, thì mỗi sự nghiệp văn nghệ thành công là một sứ điệp. Sứ điệp ấy bàng bạc khắp cùng: trong một dòng chữ một nét bút một câu ca: có nó; mà trong năm mười nghìn trang sách cũng có một nó thôi.

Cái sứ điệp ấy – nếu có thể xem là sứ điệp – không tiện toát yếu thành lời thành câu trong một cuộc phỏng vấn. Cũng không cần phải gửi nó đi đâu. Những ai tiếp xúc thẳng với tác phẩm thì tiếp nhận nó. Không tiếp xúc thì... chịu thôi: có gửi cũng không tới. Không nghe *Giọt mưa thu* tiếp nhận sao được sứ điệp của Đặng Thế Phong, không nghe trường ca *Mẹ Việt Nam* đòi tiếp nhận sứ điệp "tóm tắt" của Phạm Duy sao được? Và không đọc *Thơ thơ* tiếp nhận sao được cái sứ điệp yêu đời của Xuân Diệu?

Nếu hiểu "sứ điệp" là như thế, thì muốn gửi hay không muốn gửi không thành vấn đề.

**NMT:** *Nhờ chỗ "tuy nhiên", câu trả lời lần này khác hẳn lần trước. Ông còn muốn nói thêm với độc giả điều gì nữa không?*

**VP:** Đến cái món sứ điệp có vẻ là đã tới chỗ tận cùng của cuộc phỏng vấn. Thiết tưởng chúng ta không nên làm vất vả quý vị độc giả nhiều hơn nữa. □

*ĐOÀN NHẬT*

## ĐƯỜNG MÃI ĐI

*

*Vạn vật trời về dâu trốn khỏi*
*Những kỷ niệm bầm dập em thôi*
*Dáy núi hôn bên dòng thống khoái*
*Những tình cờ phát hiện lòng tôi*

*Mây cứ giăng giấn ngủ đỉnh núi*
*Đại danh lạ nắng dội xôn xao*
*Nhịp cầu kia đã lên tiếng nói*
*Bến nước này trăn trở âm hao*

*Lịch sử quay quắt tích xưa cũ*
*Động chấn thương non nước xanh xao*
*Tưởng chừng tôi đã yên giấc ngủ*
*Trên nôi sinh khờ khạo chiêm bao*

*Câu chuyện kia chấp chửa chứng tích*
*Dòng chữ này mù quạnh nước non*
*Máu đã rỉ anh em đối nghịch*
*Đường mãi đi quầy bước cô đơn*

**TRẦN VĂN TÍCH**

# đọc "sông côn mùa lũ"

*

Tiểu thuyết lịch sử là một loại hình văn học đòi hỏi một ngòi bút vừa chính xác vừa sáng tạo. Lịch sử vốn thuộc phạm vi khoa học nên phải có tính đúng đắn tuyệt đối. Văn học lại yêu cầu phát huy năng lực tưởng tượng, nhiều khi đến độ coi thường sự chính xác của cốt truyện hay câu chuyện. Tuy vậy, giữa tính chính xác và tính sáng tạo vẫn có mối ràng buộc chặt chẽ, có mối quan hệ mật thiết. Người viết am hiểu lịch sử quá khứ và đời sống hiện tại càng sâu xa thì càng có vốn liếng tri thức dồi dào và hành trang kinh nghiệm phong phú để sáng tạo nghệ thuật mạnh mẽ, linh động. Trong khi đó thì các sáng tạo nghệ thuật thành công lại sẽ đạt được mục tiêu giúp người đọc đi sâu vào bản chất, nguyên ủy sự vật dĩ vãng.

Khi viết *Les trois mousquetaires*, A. Dumas từng cho biết đã dựa vào hồi ký ít nhất hai nhân vật nòng cốt: *Mémoires de M. d'Artagnan* và *Mémoire de M. le comte de La Fère* (bá tước La Fère chính là nhân vật Athos trong *Les trois mousquetaires, Vingt ans après* và *Le vicomte de Bragelonne*) (1). Nhưng với óc tưởng tượng phong phú, Dumas sử dụng chất liệu lịch sử rất mềm dẻo, thêu dệt nhân vật theo ý muốn. Lịch sử, qua sự nhào nặn của nghệ thuật, trở thành hư cấu nhưng chẳng phải vì vậy mà mất tính chân xác: *Chân lý là tác giả, tự chân là trần thiết* (2). Câu nói nổi tiếng "*Lịch sử là gì? Đó là một cái đinh để tôi treo các tiểu thuyết của tôi*" (3) chỉ chứng minh rằng các tác phẩm của Dumas là những chuyện kể về hoạt động trần thế của những nhân vật do trí tưởng tượng phác họa và chắp cánh.

*Sông Côn Mùa Lũ* của Nguyễn Mộng Giác được giới thiệu là một

bộ trường thiên tiểu thuyết. Nhưng nó lại lấy bối cảnh là một giai đoạn lịch sử. Đã gọi là tiểu thuyết thì có thể bày đặt, hư cấu; nhưng là tiểu thuyết lấy lịch sử làm nền thì bày đặt, hư cấu phải dựa vào tinh thần lịch sử, không thể tùy tiện. Cái khó trở thành gấp đôi. Đọc tác phẩm này, cảm tưởng trước nhất mà độc giả có là dường như tác giả thoạt tiên ghi lại những tên người, tên địa điểm, những đặc điểm quan trọng, rồi sau đó thêm thắt, hư cấu theo ý mình. Những sự kiện lịch sử trở nên đậm hay nhạt là do hứng thú của ngòi bút. Nhiều khi hư cấu đi xa đến mức các sự kiện lịch sử bị lu mờ. Chẳng hạn ngôn ngữ đối thoại của các nhân vật mang rất đậm màu sắc hiện đại hóa (4) tuy rằng, đến một chừng mực nào đó, sự chân thực lịch sử vẫn không bị đánh mất. Trái lại, một số chương, đoạn là những phần trích dẫn tư liệu văn học thuần túy, nguyên văn (ví dụ trích *Phủ biên tạp lục* hay *Hoàng Lê nhất thống chí*).

Cốt chuyện *Sông Côn Mùa Lũ* xoay quanh gia đình giáo Hiến, môn khách của quan nội hữu Trương văn Hạnh, vì "tị nạn chính trị" nên phải rời bỏ Phú Xuân ẩn danh lập nghiệp ở Bình Định. Giáo Hiến có người con gái cưng tên An, có người học trò yêu là Nguyễn Huệ. Một mối tình nảy nở giữa môn sinh và ái nữ của thầy đồ, nhưng nhu cầu chính trị khắc nghiệt ngăn cản sự hợp tác cho đôi trẻ. Và nàng theo duyên mới còn chàng cũng lấy người khác. Mối tình được Nguyễn Mộng Giác trình bày rất lôi cuốn, với những "pha" tạo xúc động sâu xa. Nhưng diễn tiến quanh mối tình này còn là một thời đại nhiễu nhương, hỗn mang, loạn lạc. Không những đã lợi dụng được yếu tố không gian – tác giả *Sông Côn Mùa Lũ* từng có cùng môi trường và địa phương sinh hoạt với các nhân vật chính – Nguyễn Mộng Giác còn khéo chọn yếu tố thời gian: ít có thời buổi nào trong lịch sử nước nhà mà tầng lớp sĩ phu lại bị chia năm xẻ bảy như giai đoạn giao thời cuối Lê đầu Nguyễn. Sử liệu chép khá rõ ràng điều này. Đất nước phân chia, ngôi vua đổi chủ, quân và thần địa vị đảo điên; có kẻ hôm nay là vua, là chúa, ngày mai là giặc, là ngụy. Theo ai? Thờ ai? Một lòng trung với vua Lê có Lê Quýnh, Nguyễn Nễ, Nguyễn Hành, Trần Danh Án. Chỉ biết có chúa Trịnh và/hoặc chết lây vì nhà chúa có Ngô Thì

Sĩ, Trần Công Xán, Bùi Huy Bích, Lý Trần Quán. Lựa chọn chế độ các chúa Nguyễn và vua Gia Long để phục vụ có Đào Duy Từ, Nguyễn Hữu Dật, Nguyễn Khoa Chiêm, Ngô Tùng Châu, Lê Quang Định, Trịnh Hoài Đức, Phạm Quý Thích, Phạm Đình Hổ, Ngô Vị. Dốc tâm theo phò nghĩa quân Tây Sơn có Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích, Nguyễn Huy Lượng, Trần văn Kỷ, Nguyễn Gia Phan, Ngô Thì Trí. Chống báng Tây Sơn có Nguyễn Công Tấn, Nguyễn Du, Nguyễn Đình Giản, Nguyễn Gia Thiều, Phạm Thái, Phạm Nguyễn Du. Mềm dẻo, cố gắng thích ứng với thời thế vần xoay có Vũ Trinh, Ninh Tốn, Nguyễn Du. Xoay sở, xu thời, dựa hơi trở cờ, cơ hội chủ nghĩa có Nguyễn Hữu Chỉnh. Thoát được khỏi vòng tục lụy, chẳng vì miếng đỉnh chung mà quỳ gối khom lưng có Lê Hữu Trác, Ngô Thế Lân, Nguyễn Thiếp. Trong cùng một dòng họ cũng có người theo phe này, có người theo phe khác. Nguyễn Du phù Lê, Nguyễn Đề làm quan với Tây Sơn; Ngô Thì Nhậm, Ngô Thì Trí theo Quang Trung; Ngô Thì Hương, Ngô Vị nhận trọng trách Chánh sứ hay lãnh chức Hữu Tham tri bộ Lễ từ vua Gia Long. Tất nhiên *Sông Côn Mùa Lũ* chỉ đề cập đến một vài nhân vật lịch sử vừa kể. Nhưng rõ ràng bao quanh Phan Huy Ích, Ngô Thì Nhậm là bầu khí quyển chính trị Phạm Nguyễn Du, Nguyễn Gia Phan từng hô hấp; thấp thoáng đằng sau Trần văn Kỷ, Nguyễn Thiếp là bóng dáng và nhất là tâm tư Phạm Thái, Nguyễn Đình Giản, v.v... Và tác giả đã cố gắng mô tả những dằn vặt, khắc khoải, giằng xé mà người trí thức phải kinh qua, theo quan niệm *hành, tàng, xuất, xử* của nhà nho. Bao nhiêu con người là bấy nhiêu tâm trạng, mỗi tình huống sinh hoạt là một tâm cảnh khác nhau. Ngòi bút nhà văn đã phác thảo được những tâm trạng đó, đã phục chế được những tâm cảnh đó.

*

Nhưng nổi bật lên trọn bộ tác phẩm dày gần hai ngàn trang giấy lại không phải là sự giằng xé nội tâm các nhân vật mà là sự "tranh chấp" giữa lịch sử và hư cấu, giữa sự thực và tưởng tượng, giữa biên khảo và tiểu thuyết, giữa khoa học và nghệ thuật, giữa sử học và văn học. Trong chúng ta, hẳn khó có ai hình dung được là một công trình

nghiên cứu sử học có thể dựa vào những cứ liệu dẫn ra từ *Sông Côn Mùa Lũ*, dẫu rằng bộ sách đã tái hiện nhiều sự kiện lịch sử có thật. Nhưng mặt khác, một bộ tiểu thuyết thì lại không nên mang tải những sao chép, tổng hợp, hệ thống hóa các tài liệu lịch sử cho dẫu các tài liệu ấy được ghi lại tỉ mỉ và trung thực bao nhiêu đi nữa. Tính chân thực nghệ thuật chỉ cần bao hàm tính chính xác lịch sử, nhưng tính chính xác lịch sử thì lại không nên thay chỗ cho tính chân thực nghệ thuật. Và khi cần lựa chọn, thì, theo tôi, lịch sử chẳng thể có quyền ưu tiên hơn văn học.

Trong *Lộc Đỉnh Ký*, Vi Tiểu Bảo từng luận bàn về hoa thược dược nơi ngôi Thiền Trí tự và nhân đó, đã nhắc đến *Bản thảo cương mục*. Kim Dung có lý khi dựng lên mẩu chuyện này, vì:

– *Bản thảo cương mục* là một bộ sách dược liệu học rất nổi tiếng và rất phổ biến;

– Nó ra đời trước khi Vi đại nhân tung hoành;

– Độ dày thời gian phân cách thời điểm Lý Thời Trân khai sinh sách và thời điểm họ Vi khán hoa luận được đủ để một người văn dốt vũ dát như Vi hương chủ cũng thâu thập được ít nhiều tri thức do sách tàng chứa.

Nhưng thực ra, Kim Dung không biết rằng thược dược làm cảnh và thược dược làm thuốc là hai loài thực vật khác nhau, Kim Dung không dè rằng một bên là loài *Dahlia*, một bên là loài *Paeonia*. Dẫu vậy – nghĩa là dẫu tính khoa học đã không được bảo đảm – tính hư cấu đã thừa sức thuyết phục người đọc không chuyên môn về dược liệu học, tức là đại đa số người đọc. Lịch sử nước Pháp ghi chép không lấy gì làm nhiều về La Vallière. Đại khái hậu thế được biết đó là một mỹ nhân được vua Louis XIV sủng ái một thời gian nên có một lâu dài bên sông Loire mang tên nàng; nhưng rồi nàng đã xuất gia tu hành theo dòng Carmélites từ thuở còn rất trẻ. Chỉ cần bao nhiêu đó đủ để A. Dumas dựng lên một mối hận tình của tử tước Bragelonne và xung quanh mối tình đó là những âm mưu nơi cung cấm, những hành động mạo hiểm, những cuộc phiêu lưu táo tợn, v.v...

Dẫn hai trường hợp này, tôi muốn góp ý với tác giả họ Nguyễn rằng sự sắp xếp, chọn lựa, sử dụng tư liệu lịch sử hoàn toàn nằm trong phạm vi hư cấu của nhà tiểu thuyết, chưa nói đến những chỗ trống mà tưởng tượng của người sáng tác phải bổ khuyết hay nên san phẳng. Sau đây là vài ví dụ cụ thể:

– Trang 503 trích *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn về tình hình quân sự Qui Nhơn và đưa ra một loạt những con số. Điều đó gây cho người cầm quyển sách một cảm giác nặng nề, bên cạnh cảm giác nặng nề vốn đã sẵn có do trọng lượng của sách.

– Trang 756 nói về đoạn cuối đời của giáo Hiến: "Riêng chức quân sư của ông giáo thì giống như cái dấu mốc chấm hết một sinh mệnh chính trị. Từ đó về sau, sử sách không nhắc gì đến ông giáo nữa". Chính vì sử sách không nhắc gì đến ông giáo nữa, nên nhà văn có toàn quyền tưởng tượng những gì xảy ra cho cụ đồ vào buổi chiều hôm của kiếp người. Còn nếu nhà văn không muốn hay không thấy cần thiết phải sáng tạo những tình tiết liên quan đến những tháng năm giáo Hiến về già thì chỉ việc lờ đi; nhưng không nên viện dẫn lịch sử để biện minh cho sáng tác tiểu thuyết. Nói cách khác, thái độ của Nguyễn Mộng Giác là thái độ cẩn thận, chu đáo, kỹ lưỡng của nhà chép sử; nhưng Nguyễn Mộng Giác nhà văn thì hà tất phải nhọc lòng làm như vậy. Điều mà "sử sách không nhắc gì đến nữa" chính là đất dụng võ của nghệ thuật, chính là không gian bao la cho sáng tạo vẫy vùng tung cánh.

– Trang 853 và trang 854 ghi lại "*nguyên văn* (tôi nhấn mạnh) lời chép trong cuốn nhật ký" của Lãng; nhưng bỗng nhiên lại có lời ghi chú lạc lõng "(Chợ Lớn ngày nay)" khi đề cập đến Sài Côn. Vậy đây dâu phải là nhật ký của nhân vật tiểu thuyết được ghi lại nguyên văn? Lời chú thích, khi nhảy dù vào đoạn văn như thế, đã gây bỡ ngỡ cho người đọc, đã ảnh hưởng đến sự thưởng thức tác phẩm.

– Trang 1664, phần ghi chú về cái chết của Vũ Văn Nhậm, theo đó *Hoàng Lê nhất thống chí, Việt sử thông giám cương mục* và tài liệu của các giáo sĩ ghi chép khác nhau. Ở đây chúng ta gặp nhà biên khảo

Nguyễn Mộng Giác, còn nhà tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác thì trốn mất tiêu. Nguyễn Mộng Giác viết tiểu thuyết chỉ nên và chỉ cần chọn một trong ba cách chết cho Vũ Văn Nhậm theo những dấu chân sử học; hoặc, đi xa hơn, có thể bịa ra cho Vũ Văn Nhậm một cách vĩnh biệt cuộc đời nào đó, miễn là cách đó không đối nghịch với lịch sử đương thời, không trái ngược với bối cảnh đương đại.

– Trang 1699, địa điểm đắp lũy ở Nước Xoáy. Địa điểm đó theo *Thực lục* còn có tên là Hồi Oa và theo Tạ Chí Đại Trường là Vàm Nao ở Tân Châu. Nếu tôi là nhà viết truyện, tôi sẽ chỉ việc chọn cái tên Nước Xoáy là đủ. Một địa điểm có thể có nhiều tên, nhưng để viết tiểu thuyết thì nhất thiết phải chọn và chỉ có quyền chọn một địa danh rồi qua địa danh đó phải làm sao thuyết phục được độc giả, khiến độc giả tin được vào sự lựa chọn của mình. Thậm chí có thể tạo ra một địa điểm mới không có trong thực tế để thay thế cũng được, miễn là độc giả thấy hợp lý, không vượt ra khỏi khuôn khổ lịch sử.

Tóm lại: tồn nghi, khảo dị, giả thiết, ức thuyết là của những công trình nghiên cứu; một sáng tác văn học chỉ có thể có khẳng định, xác quyết. Và sở dĩ như vậy là vì chức năng của văn học vốn là tạo cho người thưởng ngoạn cảm tưởng có thật, gây nên nơi độc giả cảm giác chân lý; chứ chẳng thể để cho đối tượng tác phẩm phục vụ rơi vào tình trạng phân vân, nghi ngờ, băn khoăn. Hơn nữa, người đọc có thể còn bị tiểu thuyết gia lừa, khiến anh ta lẫn lộn giữa cái *vrai* và cái *vraisemblant*. Và khi lừa được "nạn nhân" của mình như thế, khi làm cho bạn đọc nhận điều mình trình bày là có, là phải, là chắc, là đúng thì coi như nhà văn đã thành công, dẫu rằng nhà soạn sử có thể khổ tâm một chút.

Chính vì muốn tôn trọng quyền hạn hư cấu của nhà văn nên tôi sẵn sàng bấm bụng chịu nhận những dòng hịch do ông giáo soạn ghi ở trang 311 là đã được sáng tác vào thời Tây Sơn mới dựng cờ khởi nghĩa, tuy rằng sự thực thì:

– Những dòng sau đó – tất nhiên không được Nguyễn Mộng Giác trích dẫn – chỉ rõ là bài hịch chào đời trễ hơn nhiều, ví dụ:

*Quảng-nam dà quét sạch bụi trần,*
*Thuận-hóa lại đem về bờ cõi.*

hoặc:

*Hiệu Đoan vương càng tỏ dạ vô quân.*

Đoan Nam vương là chỉ Trịnh Khải, mà Trịnh Khải thì chỉ lấy vương hiệu này năm 1783, trong khi Tây Sơn xưng hùng khởi nghĩa từ năm 1771.

– Bài hịch này được chép trong các sách *An Nam nhất thống chí, Quốc âm phú* và *Lê quý dật sử*. Riêng *Lê quý dật sử* ghi rõ thời điểm ra đời của nó là năm Thái Đức thứ chín (1786) (5).

Chịu sự chi phối rất nặng của khả năng hư cấu còn có vấn đề ngôn ngữ nhân vật. Ngôn ngữ của nhân vật lịch sử là ngôn ngữ dĩ vãng, lắm khi rất xa lạ với chúng ta, nhiều lúc chúng ta không hiểu được. Trong khi đó thì ngôn ngữ của tiểu thuyết nói chung lại đòi hỏi phải trong sáng, đơn giản, dễ hiểu. Ở đây lại vẫn là câu chuyện phân quyền giữa nhà soạn sử và nhà viết văn. Nếu có vị sử gia đã lầm lẫn khi cho rằng câu ca dao lục bát:

*Nhiễu điều phủ lấy giá gương*
*Người trong một nước phải thương nhau cùng*

là "di tích" của dân Lạc Việt khi "chỉ mới biết nói chuyện bằng tiếng Việt" chứ "chưa biết viết một thứ chữ gì" (6) (điều này nghịch lý, vì câu ca dao liên hệ chỉ có thể là một sáng tác hậu kỳ, không thể thuộc vào vốn liếng ngôn ngữ dân tộc thời trước hay khoảng Hai Bà Trưng) thì tác giả *Sông Côn Mùa Lũ* đã có phần nào xem nhẹ sự đóng góp của lời ăn tiếng nói vào không khí lịch sử của cốt truyện. Đành rằng nhà văn phải làm sao cho ngôn ngữ nhân vật quen thuộc đối với độc giả, nhưng không phải vì thế mà lại có thể cho nhân vật ăn nói theo hiện đại. Nguyễn Nhạc mà biết vận dụng thành ngữ Pháp văn, biết phát âm tiếng Anh; Nguyễn Huệ mà biết nhắc đến một tư tưởng của Goethe, thì e rằng cũng hơi quá đáng:

– Trang 311, lời Nhạc: "Tụi ký lục bẻm mép sẽ chẻ sợi tóc ra làm tư"; đây là thành ngữ tiếng Pháp *fendre* (hay *couper*) *un cheveu en quatre;*

– Trang 1005, vẫn lời Nhạc: "Một người Anh-cát-lợi tên Chapman (thật ra, ngôn ngữ thời Tây Sơn thường gọi người Anh là người Hồng Mao, TVT), đại diện chính quyền Anh-cát-lợi tại Bengale";

– Trang 656, Nguyễn Huệ nhắc đến "cây đời" là đã dùng câu nói nổi tiếng của Goethe: "Mọi thứ lý luận đều màu xám, chỉ có cây đời là mãi mãi xanh tươi".

Nhìn chung, An, Thọ Hương của *Sông Côn Mùa Lũ* nói năng có vẻ còn tân thời hơn cả Quỳnh Như, Nam của *Mùa Biển Động*.

Đọc Nguyễn Mộng Giác sau khi đọc các tiểu thuyết gia lịch sử ngoại quốc, tôi băn khoăn về điểm nhà văn của chúng ta cứ phải ghi chú đại loại:

"Tuyên (Bùi Đắc Tuyên)" (trang 453)

"Ông Bằng (Nguyễn Hữu Chỉnh)" (trang 1310), v.v...

Trong khi W. Scott, V. Hugo, L. Tolstoi chẳng hạn lại không rơi vào cảnh này, mặc dầu, theo lẽ thường, tiếng nước ngoài – khác với tiếng Việt – vốn là những ngôn ngữ có biến hóa hình thái, nên đáng ra phải gây rắc rối cho người đọc hơn? Dẫu sao thì sự xuất hiện của các dấu ngoặc đơn cũng làm vướng víu mạch văn tiểu thuyết, cũng làm người đọc cứ như phải bỗng nhiên khựng lại. Để tránh điều này, có nên thiết lập một bảng liệt kê danh tánh các nhân vật quan trọng kèm theo ít dòng giải thích về vai trò, liên hệ họ hàng, v.v... của họ và đặt ở đầu truyện như một số tác phẩm dịch thuật ngoại ngữ thường làm?

*

Tôi xin dành phần thứ hai của bài viết cho việc sàng đãi một ít hạt cát.

1. Tuổi của các nhân vật:

– Tuổi của An: Nguyễn Huệ tuổi Quý Dậu, theo Tây lịch thì sinh năm 1753 (tr.124). An "tuổi Tỵ" (tr.693); vậy chỉ có thể là tuổi Tân Tỵ, tức sinh năm 1761, nghĩa là nhỏ hơn Nguyễn Huệ 8 tuổi. Như vậy, năm 1775 (tr.683), An chỉ mới (1775-1761) 14 tuổi, không thể "lên hai mươi hai". Huống chi, ở trang đối diện (tr.692), tuổi Nguyễn Huệ được tái xác định là "một thằng con nít hai mươi ba tuổi".

– Tuổi Nguyễn Huệ: Sinh năm 1753, đến khoảng năm 1786, Nguyễn Huệ đã (1786-1753) 33 tuổi, không phải "đã hai mươi lăm tuổi rồi", như vua anh nói nhầm ở tr.930. Câu nói này được cho là xảy ra khoảng 1785, 1786 nếu căn cứ theo diễn biến cốt chuyện, vì sau đó vài trang (tr.936) là năm Mậu Tuất 1787.

– Cũng vào khoảng 1786, bà vợ Nguyễn Huệ, em gái Bùi Đắc Tuyên, "đã mười tám rồi" (tr.935). Đến trang 1563, vào dịp sứ bộ Trần Công Xán đi đòi đất Nghệ (1787) (7), bà "khoảng 28, 29 tuổi". Chỉ sau có một năm, thiếu phụ đã già đi mười tuổi. Đỗ Bang trong *Những khám phá về hoàng đế Quang Trung* (8) cho biết: "*Theo Tây Sơn tiềm long lục* thì bà họ Phạm này năm 16 tuổi đã được Nguyễn Huệ chọn làm vợ. Năm 30 tuổi bà được phong làm Hoàng hậu, năm đó là năm 1789, vậy chính cung Hoàng hậu sinh vào khoảng 1759, tức kém Nguyễn Huệ chừng 6, 7 tuổi".

– Nói với Lãng và nhận xét về vua Gia Long sau này, Nguyễn Huệ gọi đối thủ của mình là "thằng con nít mười bảy tuổi" (tr.959). Nhưng "mười bảy tuổi" là tuổi Nguyễn Ánh khi mới kế nghiệp Thái Thượng vương và Tân Chính vương (9). Theo sử sách ví dụ theo*Đại Nam thực lục chính biên* – "thánh dần Nhâm ngọ niên"; như vậy đối chiếu với dương lịch, Nguyễn Ánh sinh vào khoảng 1761, 1762. Cho nên khi Nguyễn Huệ đưa ra lời phê bình này (lối 1788, cf. tr.936) thì vị vua đầu triều Nguyễn tương lai đã (1788-1761) 27 tuổi.

– Theo trang 942 thì Thọ Hương, con gái Nguyễn Nhạc, vào năm 1787 được mô tả là "người con gái chưa đủ hai mươi". Hẳng cho rằng ở niên đại đó, Thọ Hương khoảng mười bảy tuổi, thì nàng phải sinh năm 1770. Hoa Bằng cho biết Đông cung Dương bị Nguyễn Nhạc mang về An Thái năm 1775, để rồi ít lâu sau Nhạc gả con gái cho (10). Như thế, Thọ Hương đã về nhà chồng lúc mới chừng 5, 6 tuổi! Và nếu lập luận này được tác giả *Sông Côn Mùa Lũ* chấp nhận, thì việc gọi Thọ Hương bằng "cô" ở tr.597 có phần bất ổn.

2. "*Lo trước cái lo của mọi người*", theo tôi biết, không phải là "*lời*

*dạy của Khổng Phu tử*" (trang 578). Đó là câu nói của Phạm Trọng Yêm, danh nho đời Tống: *Tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu.*

3. Công chúa Ngọc Hân "*đã gần đến ngày sinh đẻ nên phải khó nhọc lắm mới bế bụng ngồi lọt vào trong kiệu*" (trang 1562) liệu có thể mặc lọt "*chiếc áo thời con gái*" (trang 1563)?

4. Trang 1003, Nguyễn Nhạc nói chuyện với hai em và nhân đó hỏi Nguyễn Huệ về việc đưa đám giáo Hiến. Ông giáo mất giữa tháng chạp năm Mậu Tuất (trang 999). Vậy mà rồi tiếp tục cuộc đối thoại, vua Thái Đức lại chuyển qua việc Chapman xin triều yết, là việc xảy ra "chậm nhất là sáng mùng một tháng sáu Mậu Tuất". Thời điểm diễn biến hai sự việc đã bị đảo ngược.

5. Trang 1042, cai cơ Mạn Hòe có tên ngoại ngữ là Manuel, không phải Emmanuel.

6. Trang 1671, chú thích về vụ Ngô Thì Nhậm mang tiếng "sát tứ phụ nhi Thị lang" (giết bốn người cha được chức Thị lang), tác giả chỉ nêu tên hai đại thần bị chết là Nguyễn Khắc Tuân và Chu Xuân Hán, không hề thấy "bốn người cha". Một trong "tứ phụ" là Ngô Thì Sĩ, đã phẫn uất uống thuốc độc tự tử, theo Bùi Dương Lịch trong *Lê quý dật sử* (11). Trong ba người cha còn lại thì một người là thầy dạy Ngô Thì Nhậm. Ký ức của tôi chỉ còn ghi nhận được như vậy, còn danh tính bậc tôn sư này cùng hai người cha còn lại thì tôi đã ghi chép nhưng tài liệu liên hệ không mang được khỏi Việt Nam nên cũng đành chịu bí như nhà văn họ Nguyễn.

7. Trang 721, bài văn "*Đến như tiếng cao như hạc rít* (...)" không phải là một bài *từ*, mà là một bài *đề từ*, nếu muốn ghi theo nguyên tác Hán văn (12), tức là một bài tựa, viết ở đầu sách. Còn *từ* là một thể loại văn học thường được viết để ca hát theo những điệu nhạc có sẵn như *Niệm nô kiều, Bồ tát man, Điệp luyến hoa* v.v...

*

Một buổi hiếu ngồi dưới gốc cây trong sân trụ sở hội Trí thức Yêu nước ở đường Nguyễn Thông, anh em chúng tôi chờ mua phần thịt heo đặc biệt do Thành ủy ưu ái tổ chức bán cho. Chúng tôi gồm nhiều

ngành và nói đủ thứ chuyện, nhưng hào hứng nhất thì vẫn là chuyện thời sự. Chúng tôi điểm mặt đội ngũ của mình, ai là Ngô Thì Nhậm, ai là Lý Trần Quán, ai là Nguyễn Thiếp và ai có thể là Nguyễn Hữu Chỉnh (Ngày nay, yếu tố thời gian chứng minh là chúng tôi đã "bầu" đúng Nguyễn Hữu Chỉnh). Giữa chừng câu chuyện thì anh bạn trong y giới chúng tôi gọi là "Ngô Thì Nhậm" đến. Thấy tôi giữa đám đông – chúng tôi thân nhau không những vì từng viết lách trước 1975 mà còn vì đang cùng có chân trong Tiểu ban Thuật ngữ Y khoa của bộ Y tế – anh khựng lại nhưng rồi lại dợm bước đi. Cái sát na đó khiến tôi tự nhủ sẽ tìm đọc cho được *Sông Côn Mùa Lũ*: Tôi mong sống được tâm trạng – bên cạnh những tâm trạng khác – của một hay những con người chỉ vì lý tưởng – tôi đã đòi xem và đã được vui vẻ cho xem thẻ đảng của "Ngô Thì Nhậm" – mà bỗng dưng cảm thấy lạc loài trong "đồng loại".

Còn viết về *Sông Côn Mùa Lũ* thì tôi chỉ nẩy ra ý đó khi nhận số *Văn Học* trích đăng chương về Phan Huy Ích. Số báo ấy lại đóng thiếu mất trang chót của bài trích đăng. Nhưng thấy mấy con số ghi chen vào các dòng chữ, tôi biết là tác giả sẽ có ghi chú đồng thời cũng đoán chắc phần ghi chú phải liên quan tới *Dụ Am ngâm lục*. Và thế là ý tưởng thảo luận với anh bạn công nhân xưởng mì sợi Phú Lâm về phương pháp viết tiểu thuyết lấy lịch sử làm nền thành hình.

Nguyễn Mộng Giác đã từng đến hỏi tôi sau giờ "lao động" về Lãn Ông Lê Hữu Trác. Anh cho biết đang thai nghén một bộ tiểu thuyết về Tây Sơn, Lê, Nguyễn, Trịnh. Mang đã nặng, đẻ lại rất đau. Nhưng cũng mừng cho Anh là đã vượt biên rồi vượt cạn được.

Thành ra, như một món nợ phải trả là bài viết hôm nay. Nhưng đọc lại, tôi thấy mình bị méo mó nghề nghiệp dữ quá. Tôi đã chỉ biên toa cho thuốc bệnh, thuốc bổ gần như thiếu vắng. Mà sách đâu phải ít các đoạn, các phần thành công. Đoạn Nguyễn Huệ tham gia đám tang ông giáo, đoạn cải biên chân lý lịch sử về việc Nguyễn Nhạc tự đóng mình vào cũi để chiếm Qui Nhơn thành một huyền thoại, hay nhân vật Nhiều chẳng hạn. Đó là một đoạn khiến người đọc ngậm ngùi, đó là một chuyện khiến người đọc thích thú, đó là một nhân vật được mô

tả linh động, nhất là khi người đọc đã từng có dịp làm quen với những thứ công an khu vực, chủ tịch phường. Và còn nhiều nữa. Lựa ra để kể không khó.

Giới thưởng ngoạn từng tranh luận về giá trị lịch sử thấp kém, về tính cách nông cạn của nhân vật trong tiểu thuyết Walter Scott. Nhưng chẳng phải vì vậy mà *Ivanhoe, Quentin Durward* không lưu dấu ấn sâu sắc lên các ngòi bút tầm cỡ Victor Hugo, Alessandro Manzoni, Standhal, James Fenimore Cooper. Đó là chưa kể những họa sĩ, nhạc sĩ đã tìm nguồn cảm hứng trong sự nghiệp văn chương của ông. Và sở dĩ như thế là do con người tiểu thuyết gia trong Walter Scott đã bộc lộ tất cả bản lĩnh của mình qua nhiệt tình và sự lôi cuốn thần kỳ của nghệ thuật kể chuyện. □

---

(1) Giới nghiên cứu đã phát hiện rằng thực ra A. Dumas sử dụng hồi ký của nhân vật khác.

(2) *La vérité, c'est l'auteur; la vraisemblance, le décor* (J.F. Josselin đề tựa La Reine Margot).

(3) Qu'est ce que l'Histoire? C'est un clou auquel j'accroche mes romans.

(4) Phần dẫn chứng nằm ở đoạn sau bài viết.

(5) Phạm văn Thắm dịch, Văn Tân hiệu đính: *Lê quý dật sử*. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội. Hànội 1987. trang 62.

(6) Hoàng Cơ Thụy: *Việt sử khảo luận* Tập I, trang 174 và trang 195.

(7) Hoa Bằng: *Quang Trung anh hùng dân tộc*. Xuất bản Bốn Phương. Sàigòn, 1958, trang 107.

(8) Sở Văn hóa và Thông tin Bình Trị Thiên, 1988, trang 15.

(9) Nhiều sử liệu ghi niên canh này. Chỉ xin nêu làm dẫn chứng: Nguyễn Huyên Anh: *Việt Nam danh nhân từ điển*. Zeileks in lại ở ngoại quốc, 1981, trang 78

(10) tldd, trang 44

(11) tldd, trang 42

(12) Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*. Quyển ngũ.

# THƯ TÍN

**Anh Bùi Bảo Trúc** (Virginia): Về Cali lần này nhớ gọi trước để bạn bè làm tiệc tiễn đưa (?) người sang sông. Nói vậy thôi chứ nếu anh thích đi một mình trong sương thì cứ việc lẳng lặng mà đi, không ai níu kéo làm gì đâu. Thân.

**Anh Hoài Mỹ** (Na-uy): Cảm ơn anh đã dành cảm tình đặc biệt cho Văn Học. Đã nhận được đầy đủ các sáng tác của anh. Đọc rất thú vị vì được biết thêm về đời sống dân Việt tại miền đất xa xôi băng giá đó. Chúc anh sáng tác mạnh. Thân.

**Anh Ngô Lê Từ** (Cali): Anh nói đúng đó, anh em Văn Học không có gì ngoài chút lòng tha thiết với tiếng Mẹ. Thực hiện xong tờ báo mệt mỏ người nhưng chính những lá thư khích lệ của độc giả như anh đã là liều thuốc bổ giúp chúng tôi có đủ sức lực và can đảm... làm tiếp số tới. Chúc anh sớm định cư trên xứ người. Thân.

**Ông Châu Bửu Lân** (Úc): Tòa soạn đã gửi bù những số báo ông thiếu. Bưu phí gửi báo ra ngoài nước Mỹ rất cao nên chúng tôi phải gửi bằng đường tàu thủy, đã chậm lại còn hay thất lạc. Mong ông thông cảm.

TÌM ĐỌC

**TỜ MỘNG RÁCH RỒI**

Tập truyện Hồ Đình Nghiêm

Tổ hợp Tân Thư - Thời văn xuất bản

Giá 12 Mỹ kim

# GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

**• MÙA GẶT GIỮA HƯ VÔ**

Thơ Dương Kiền. Tiếng Việt xuất bản. Giá bán 8 Mỹ kim.

**• VĂN HỌC VIỆT NAM DƯỚI CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN**

Biên khảo văn học của Nguyễn Hưng Quốc. Công trình biên khảo dầy 382 trang của nhà phê bình văn học Nguyễn Hưng Quốc. Sách chia làm bốn phần chính. Phần một tóm lược cơ cấu tổ chức văn học dưới chế độ Cộng sản và sinh hoạt của người cầm bút. Phần hai nói đến các giai đoạn phát triển từ 1945 đến 1985. Phần ba nói về các thể loại văn học gồm có: thơ, văn xuôi, phê bình văn học, và nghiên cứu lịch sử văn học. Phần bốn đề cập đến phong trào văn học đổi mới từ 1986 đến 1990. Tuy trong Lời nói đầu, tác giả chỉ dám coi "quyển sách này chỉ là một phác thảo...", hiển nhiên đây là một công trình khá đầy đủ viết về thời kỳ văn học trong nước suốt từ 1945 đến nay. Sách do nhà Văn Nghệ xuất bản. Giá bán 16 Mỹ kim.

**• TỜ MỘNG RÁCH RỒI**

Tập truyện Hồ Đình Nghiêm. Mười sáu truyện ngắn của nhà văn được ưa thích tại hải ngoại. Tổ hợp Tân Thư – Thời Văn xuất bản. Bìa Khánh Trường. Phụ bản Đinh Cường, Võ Đình. Sách dầy 214 trang. Giá bán 12 Mỹ kim.

**• TAN RÃ**

Truyện dài Cao Xuân Lý. Tác giả xuất bản. Sách dầy 213 trang. Giá bán 10 Mỹ kim.

**• NGỌT NGÀO NỖI NHỚ**

Thơ Nguyễn Bá Dĩnh – Thủy Trang. Sông Thu xuất bản. Giá bán 8 Mỹ kim.

**• TIẾNG NÓI CON TIM**

Tập truyện Lã Mộng Thường. Sách dầy 210 trang. Giá 8 Mỹ kim.

**• CHỖ TIẾP GIÁP VỚI CÁNH ĐỒNG**

Tập truyện Khánh Trường. Tổ hợp Tân Thư - Thời Văn xuất bản. Sách dày 300 trang. Bìa, phụ bản của tác giả. Giá 14 Mỹ kim.

**• THƠ MƯA**

Thơ Cao Nguyên, Tân Thư xuất bản 1991. Bìa, phụ bản Đinh Cường, giá 5 Mỹ kim

**• PHONG VŨ TIÊU TIÊU, LÔI VŨ ĐỘNG**

Chuyện dài Nguyễn Đức Lập. Tân Phong xuất bản. Bìa Khánh Trường, Trình bày Cao Xuân Huy. Sách dày 256 trang. Không đề giá bán

**• MỘT KỶ NIỆM ĐẸP**

Biên khảo của Nguyễn Tấn Hưng, Đại Nam xuất bản, 180 trang, giá 10$00.


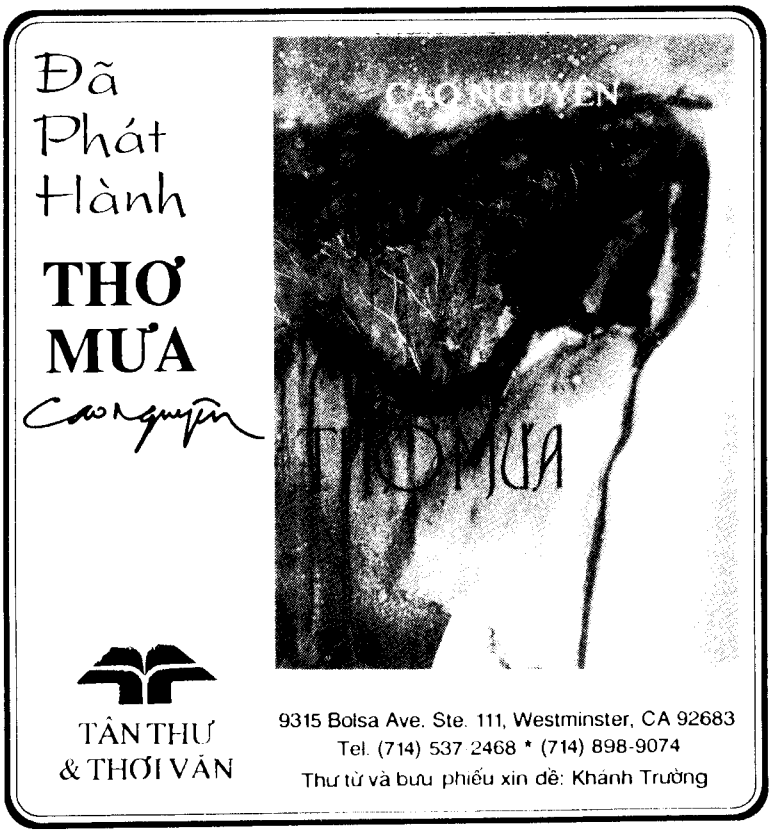

# Đã Phát Hành

Nhà Xuất Bản Văn Nghệ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 527-5761
*(Giá 6 Mk, Ngoài nước Mỹ 7 Mk)*

văn nghệ

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. U.S.A.
Phone: (714) 527-5761
*Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ*

*Ngoài nước Mỹ mỗi cuốn thêm 1MK*

**Muốn an tâm khi đi mua máy Computer không gì bằng đến**

**ACS** ADVANCED COMPUTER

Tel: (714) 648-0325
Fax: (714) 648-0326

1714 E. Mc Fadden Ave. Suite O
SANTA ANA, CA 92705
Store Hours: Mon - Sat: 9AM - 7PM

- Bán sỉ và lẻ computer giá hạ
- Nhận Visa & Master Card & Trả Góp
- Nhận gửi đi xa qua UPS
- IBM COMPATIBLE 100%
- AT 286-12 / Super VGA / 40Mb HD $1195
- AT 386 SX / Super VGA / 40Mb HD $1425
- AT 386-25 / SupeR VGA / 40Mb HD $1750
- AT 386-33 / Super VGA / 40Mb HD $1995

*(All System Include 1 year Part & Labor Warranty)*

**Đặc Biệt**

- Laser Jet printer memory upgrade:
- 1 Mb $165 / 2 Mb $235 4 Mb $375

Cuốn sách đã được độc giả chờ đợi từ lâu.
Tuyển tập truyện ngắn:

# NGÀY QUANH QUẨN

của **Trần Long Hồ**

Do nhà xuất bản Minh Văn ấn hành.
Sách in đẹp, trang nhã, với bìa 4 màu của Đinh Cường, tựa của Hồ Trường An, phụ bản của Đinh Cường và Ngọc Dũng, Nguyễn Đình Hùng trình bày.
Quí vị có thể tìm mua sách tại các nhà sách trong vùng hay liên lạc thẳng về:

Nhà xuất bản Minh Văn
P.O. Box 221076
Chantilly, VA 22022
ĐT/FAX: (703) 204-9239

Giá mỗi cuốn là $10.00 US tại Hoa Kỳ, ngoài Hoa Kỳ là $12.00 US. Chi phiếu xin đề MINH VĂN.

**TRÂM ANH - THE PERFECT BRIDE**

**(714) 638-8209**

**(714) 373-1345**

13802 Brookhurst # 1A Garden Grove CA 92643 USA

(đối diện Target, cạnh Rainbow Donut)

•

CHUYÊN BÁN và CHO THUÊ ÁO CƯỚI với các hãng nổi tiếng như ILLISA, MARY, ALFRED ANGELO và TUXEDO với CHRISTIAN DIOR, PIERRE CARDIN, AFTER SIX...

Ngoài ra chúng tôi còn bán sỉ các áo cưới và áo phù dâu, dạ hội nổi tiếng đẹp nhập cảng từ Hồng Kông, Nhật Bản, Đài Loan...

Nhân cung cấp sỉ đồ cưới cho các tiệm đồ cưới trong vùng và gửi hàng đi khắp các tiểu bang Hoa Kỳ, Canada bằng UPS

•

GIÁ CẢ PHẢI CHĂNG, TIẾP ĐÃI NỒNG HẬU

Bác Sĩ

**VŨ ĐÌNH MINH**

**DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE AND PULMONARY DISEASES**

**CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI**

- bệnh nội khoa: tiểu đường - máu cao...
- bệnh phổi: ho - suyễn - đau ngực - lao - khó thở

**NHẬN MEDICAL và BẢO HIỂM**

giờ làm việc: (gọi lấy hẹn)

ngày thường: 9 - 12 AM & 1 - 6 PM

thứ bảy: 9 AM - 1 PM

Tel: **(714) 641-0263**

Địa chỉ: 2740 S. Bristol # 118 Santa Ana, CA 92704

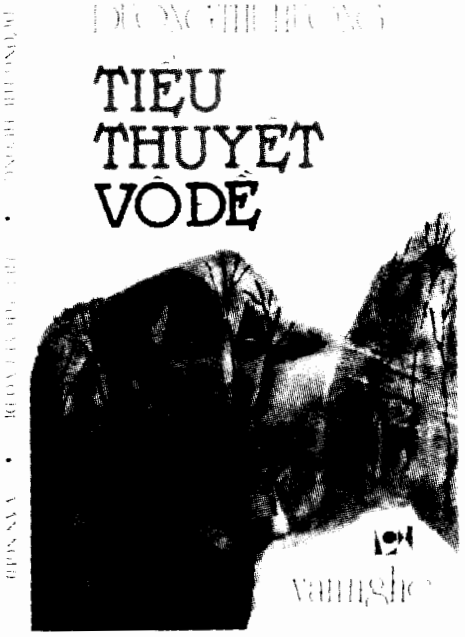


# DƯƠNG THU HƯƠNG

Từ *Bên kia bờ ảo vọng*, *Những thiên đường mù* đến các bài tham luận sắc bén đanh thép...

Mời bạn đọc tác phẩm mới nhất cùng một tác giả: *Tiểu thuyết vô đề*. Bản thảo vừa đến Pháp ba ngày là DƯƠNG THU HƯƠNG bị cộng sản bắt.

Một tác phẩm vừa mạnh bạo gân guốc vừa lãng mạn thơ mộng, do nhà VĂN NGHỆ xuất bản. 250 trang. Giá 12MK (ngoài nước Mỹ 13MK)

Sách đã bán ở các nhà sách hoặc

**VĂN NGHỆ**
**P.O. box 2301**
**Westminster, CA 92683**
**(714) 527-5761**

TÂN THƯ & THỜI VĂN
13081 Hope St. Garden Grove, CA 92683
Điện thoại: (714) 537-2468

•

TỜ MỘNG RÁCH RỒI
Tập truyện HỒ ĐÌNH NGHIÊM

CHỖ TIẾP GIÁP VỚI CÁNH ĐỒNG
Tập truyện KHÁNH TRƯỜNG

## PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên: . . . . . .
Địa chỉ: . . . . . .
. . . . . .
Zipe code . . . . . .
Country . . . . . .
Đặt mua dài hạn Văn Học từ số . . . . . đến số . . . . . .

*Mua một năm báo tại Hoa kỳ*

Gửi hạng tư . . . . . $36.00
Gửi hạng nhất . . . . . $42.00

*Mua một năm báo tại Canada*

Gửi hạng tư . . . . . $40.00
Gửi hạng nhất . . . . . $46.00

*Mua một năm báo tại Âu, Á và Úc châu*

Gửi hạng tư . . . . . $48.00
Gửi hạng nhất . . . . . $84.00

*Trả bằng Mỹ kim. Ngoài Hoa kỳ xin trả bằng International Money Order. Ngân chi phiếu đề Văn Học*

## PHIẾU TẶNG BÁO

Muốn mua một năm báo để tặng cho:
Họ và tên: . . . . . .
Địa chỉ: . . . . . .
. . . . . .
Zipe code . . . . . .
Country . . . . . .

**Nhà xuất bản VĂN NGHỆ**
**P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. U.S.A.**
**Phone: (714) 527-5761**
***Ngân chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ***

## SÁCH SẼ IN 1991

- **VÀI CHÚ GIẢI VỀ THIỀN ĐỐN NGỘ** **8.00MK**
  *Nguyên Giác Phan Tấn Hải*
- **TIỂU THUYẾT VÔ ĐỀ** **12.00MK**
  *Tác phẩm mới nhất của Dương Thu Hương*
- **VĂN HỌC VIỆT NAM DƯỚI CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN 45-90** **16.00MK**
  *Nguyễn Hưng Quốc*
- **LỊCH SỬ VĂN MINH TRUNG QUỐC** **13.00MK**
  *Will Durant – Nguyễn Hiến Lê dịch*
- **HỒI KÍ TẬP II** **14.00MK**
  *Nguyễn Hiến Lê*

## *TỔNG PHÁT HÀNH*

*Nhà xuất bản AN TIÊM:*

- **ĐỌC KINH** **6.00MK**
  *Vũ Khắc Khoan*
- **HOÀNG TỬ BÉ** **6.00MK**
  *Le Petit Prince của Saint Exupéry*
  *Bùi Giáng dịch*
- **MÙI HƯƠNG XUÂN SẮC** **6.00MK**
  *Bùi Giáng dịch*
- **TỪ CHỐN LƯU ĐÀY** **13.00MK**
  *của Hoàng Nguyên Nhuận*
- **NHÀ KHỔ HẠNH VÀ GÃ LANG THANG** **15.00MK**
  *Hermann Hesse – Trí Hải, Vĩnh Bách và Lan Nhã dịch*
- **THƯ GỬI NGƯỜI THI SĨ TRẺ TUỔI** **6.00MK**
  *Rainer Maria Rilke – Phạm Công Thiện dịch*
- **SÔNG CÔN MÙA LŨ TẬP I, II, III, IV (18, 20, 20, 20MK mỗi tập)**
  *Trường thiên tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Mộng Giác*
- **LỊCH SỬ NỘI CHIẾN Ở VIỆT NAM** **15.00MK**
  *Tạ Chí Đại Trường*
- **THƠ TAGORE (Lời dâng, Tâm Tình Hiến Dâng)** **8.00MK**
  *Đỗ Khánh Hoan dịch*

*Ngoài nước Mỹ mỗi cuốn thêm 1MK*

# TÂN THƯ & THỜI VĂN

9315 Bolsa Ave. Ste. 111, Westminster, CA 92683
Tel. (714) 537-2468 * (714) 898-9074
Thư từ và bưu phiếu xin đề: Khánh Trường

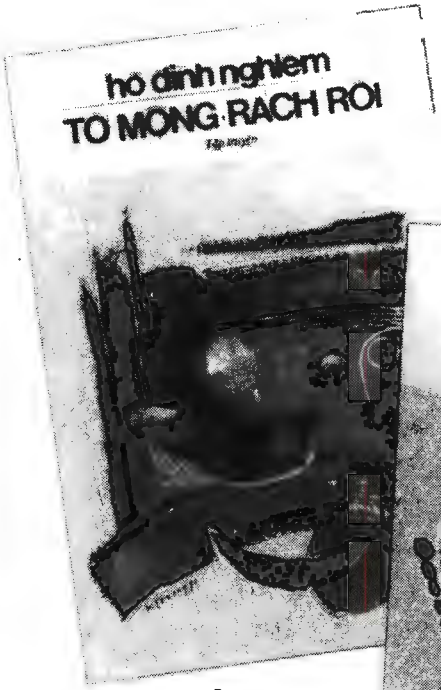


Giá $12.00

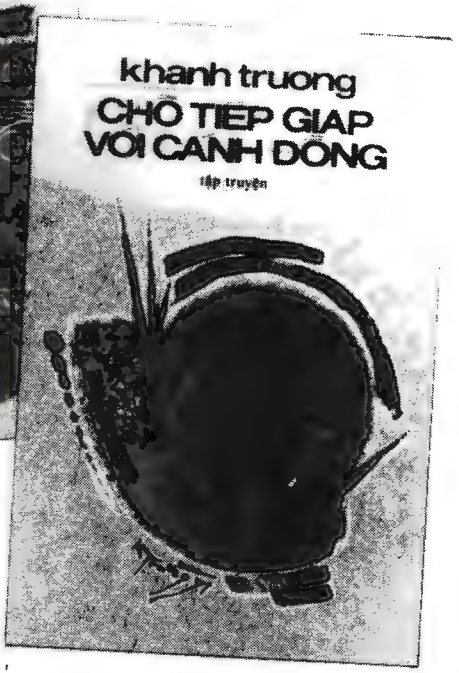


Giá $14.00

Giá: 3$50